

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**TRẦN THU PHƯƠNG**

**XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON  
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**Hà Nội – 2015**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**TRẦN THU PHƯƠNG**

**XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON  
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

*Chuyên ngành* : Luật Dân sự và Tố tụng dân sự  
*Mã số* : 60 38 01 03

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

*Cán bộ hướng dẫn khoa học:* PGS.TS HÀ THỊ MAI HIÊN

**Hà Nội – 2015**

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và trích dẫn trong Luận văn là chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

*Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2015.*

*Tác giả luận văn*

**TRẦN THU PHƯƠNG**

# MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>Chương 1</b>	
<b>NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON .....</b>	<b>6</b>
<b>1.1. KHÁI NIỆM XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON .....</b>	<b>6</b>
<i>1.1.1. Khái quát về cha, mẹ, con và quan hệ cha, mẹ, con .....</i>	<i>6</i>
<i>1.1.2. Khái niệm, ý nghĩa của việc xác định cha, mẹ, con .....</i>	<i>9</i>
<i>1.1.3. Hệ quả pháp lý của việc xác định cha, mẹ, con .....</i>	<i>12</i>
<b>1.2. Ý NGHĨA CỦA CHẾ ĐỊNH XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM .....</b>	<b>14</b>
<b>1.3. CĂN CỨ XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON .....</b>	<b>16</b>
<i>1.3.1. Sự kiện sinh đẻ.....</i>	<i>16</i>
<i>1.3.2. Xác định cha, mẹ, con theo quy định của pháp luật .....</i>	<i>20</i>
<b>1.4. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON .....</b>	<b>24</b>
<i>1.4.1. Ảnh hưởng của yếu tố kinh tế - xã hội đến pháp luật về xác định cha, mẹ, con .....</i>	<i>24</i>
<i>1.4.2. Ảnh hưởng của yếu tố tâm lý đến việc xác định quan hệ cha, mẹ, con ....</i>	<i>26</i>
<i>1.4.3. Ảnh hưởng của yếu tố truyền thống, phong tục, tập quán và đạo đức xã hội đến pháp luật về xác định cha, mẹ, con .....</i>	<i>28</i>
<b>1.5. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CHẾ ĐỊNH XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON.....</b>	<b>29</b>
<i>1.5.1. Thời kỳ phong kiến .....</i>	<i>29</i>
<i>1.5.2. Thời kỳ Pháp thuộc .....</i>	<i>31</i>
<i>1.5.3. Giai đoạn từ 1945 - 1975 .....</i>	<i>33</i>
<i>1.5.4. Thời kỳ sau năm 1975 .....</i>	<i>35</i>
<b>1.6. CHẾ ĐỊNH XÁC ĐỊNH CHA, MẸ CON THEO PHÁP LUẬT MỘT SỐ NƯỚC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM.....</b>	<b>38</b>
<i>1.6.1. Pháp luật một số nước về xác định cha, mẹ, con đối với trường hợp cha, mẹ có hôn nhân hợp pháp .....</i>	<i>39</i>

1.6.2. Pháp luật một số nước về xác định quan hệ cha, mẹ, con đối với trường hợp cha mẹ không có hôn nhân hợp pháp.....	40
1.6.3. Pháp luật một số nước về xác định cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con theo phương pháp khoa học .....	41

## **Chương 2**

### **PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI ..... 43**

#### **2.1. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON..... 43**

2.1.1. Cơ sở pháp lý xác định cha, mẹ, con .....

2.1.2. Người có quyền yêu cầu xác định cha, mẹ, con.....

2.1.3. Thẩm quyền xác định cha, mẹ, con .....

2.1.4. Trình tự thủ tục xác định cha, mẹ, con.....

#### **2.2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI ..... 67**

2.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội giai đoạn 2009 - 2013 tác động đến việc thi hành pháp luật về xác định cha, mẹ, con .....

2.2.2. Thực trạng áp dụng pháp luật về xác định cha, mẹ, con.....

2.2.3. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình giải quyết các vụ việc về xác định quan hệ cha, mẹ, con trên địa bàn thành phố Hà Nội.....

## **Chương 3**

### **PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ CỦA PHÁP LUẬT VỀ XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON Ở VIỆT NAM HIỆN NAY 80**

#### **3.1. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON Ở VIỆT NAM HIỆN NAY ..... 80**

3.1.1. Pháp luật về xác định cha, mẹ, con phải là sự hiện thực hóa các nguyên tắc luật định, đảm bảo tính khả thi trong việc nội luật hóa các văn bản pháp luật quốc tế về quyền con người.....

3.1.2. Pháp luật về xác định cha, mẹ, con phải kết hợp hài hòa lợi ích của các chủ thể, nâng cao ý thức và trách nhiệm của mỗi chủ thể.....

3.1.3. Pháp luật về xác định cha, mẹ con phải đặt trong tương quan với các chế định pháp lý hôn nhân và gia đình, và các chế định pháp lý có liên quan khác

<b>3.2. GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ NHẪM GIẢI QUYẾT CÓ HIỆU QUẢ CÁC TRƯỜNG HỢP XÁC ĐỊNH QUAN HỆ CHA, MẸ, CON THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.....</b>	<b>84</b>
<i>3.2.1. Hoàn thiện chế định xác định cha, mẹ con trong hệ thống pháp luật Việt Nam .....</i>	<i>84</i>
<i>3.2.2. Hoàn thiện thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con .....</i>	<i>88</i>
<i>3.2.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ tòa án, cán bộ làm công tác tư pháp - hộ tịch đáp ứng yêu cầu của công việc trong thời kỳ hội nhập .....</i>	<i>88</i>
<i>3.2.4. Giải pháp khác .....</i>	<i>90</i>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>92</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>95</b>

## **DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

BLDS	: Bộ luật dân sự
HN&GD	: Hôn nhân và gia đình
TAND	: Tòa án nhân dân
UBND	: Ủy ban nhân dân

## DANH MỤC CÁC BẢNG

<b>Số hiệu bảng</b>	<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
2.1	Số liệu thống kê việc đăng ký nhận cha, mẹ, con tại thành phố Hà Nội từ năm 2009-2013	69
2.2	Số liệu thống kê việc đăng ký nhận cha, mẹ con tại quận Ba Đình	70
2.3	Số liệu thống kê việc đăng ký nhận cha, mẹ con tại huyện Từ Liêm	70
2.4	Số liệu thống kê các loại án thuộc lĩnh vực HN&GD của TAND thành phố Hà Nội từ năm 2009 - 2013	71



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

*"Con người có tổ có tông*

*Như cây có cội, như sông có nguồn"*

Câu ca dao quen thuộc này là lời răn dạy của cha ông đối với mỗi chúng ta, dù ở địa vị nào, ở bất cứ nơi đâu, bất kỳ hoàn cảnh nào cũng đừng quên cội nguồn của mình, phải nhớ đến tình cha nghĩa mẹ, công đức ông bà, tổ tiên. Nền tảng của quan hệ gia đình xuất phát từ mối liên hệ gắn bó mật thiết giữa cha mẹ, con và đã trở thành đạo lý, truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

Trong đời sống xã hội hiện nay, do sự hội nhập kinh tế và văn hóa toàn cầu, nhiều mặt trái của xã hội đã nảy sinh, trong đó có hiện tượng nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng hay "*sống thử*"..., dẫn đến các trường hợp trẻ em được sinh ra khi bố mẹ chưa đăng ký kết hôn hoặc không đăng ký kết hôn, trẻ không biết cha, mẹ đẻ là ai, hoặc bị chính cha, mẹ đẻ chối bỏ, không công nhận... Do đó, để bảo vệ quyền lợi cho trẻ em, Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD) sửa đổi năm 2014 đã dành chương V quy định về quan hệ giữa cha mẹ và con, trong đó có vấn đề xác định cha, mẹ, con.

Vấn đề xác định cha, mẹ cho con đã được quy định tương đối sớm trong hệ thống pháp luật của nhà nước ta, giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển của Luật HN&GD nói riêng và của cả xã hội nói chung, thể hiện tính nhân đạo sâu sắc, truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta, đồng thời thể hiện mục đích cao cả vì sự phát triển toàn diện của trẻ em, của gia đình và của toàn xã hội. Quan hệ cha mẹ con được xác định trên cơ sở nào; mẹ, con ra sao, thủ tục pháp lý để xác định cha, mẹ, con gồm những bước như thế nào; hồ sơ ra sao; thực tiễn vấn đề giải quyết tranh chấp liên quan đến việc nhận cha, mẹ, con đã diễn ra như thế nào; phương hướng giải quyết và có hạn chế, bất cập hay không. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề, tôi đã chọn đề tài "***Xác định cha, mẹ, con theo pháp luật Việt Nam***" làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là tập trung tìm hiểu, phân tích và làm sáng tỏ vấn đề xác định cha, mẹ, con trong hệ thống pháp luật Việt Nam, thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về xác định cha, mẹ, con trên địa bàn thành phố Hà Nội, qua đó đánh giá tính phù hợp và nêu ra những điểm còn hạn chế trong các quy định hiện hành cũng như những khó khăn trong việc giải quyết các vụ việc xác định cha, mẹ, con trên thực tế. Trên cơ sở đó, đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và giải quyết những vướng mắc, tồn tại.

## **3. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Pháp luật về xác định cha, mẹ, con là một vấn đề không mới, nhưng lại mang tầm quan trọng đối với quyền nhân thân của con người. Do vậy, vấn đề này nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu khoa học. Ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, đều có những công trình khoa học cấp cơ sở, cấp Nhà nước về vấn đề này, điều đó đáp ứng yêu cầu nghiên cứu về xác định cha, mẹ, con một cách toàn diện khi thực thi pháp luật trên thực tế, đảm bảo quyền cơ bản cho công dân.

Đã có một số công trình nghiên cứu của một số tác giả nước ngoài liên quan đến vấn đề này. Ví dụ như cuốn sách *“You and the law”* (1990) của hội Luật gia Mỹ; Bài viết vấn đề giám định gen xác định quan hệ huyết thống giữa cha mẹ và con với tiêu đề *“Filiation et empreintes génétiques”* trên Tạp chí Gia đình (2007) của nhà xuất bản Dalloz (Pháp)... Còn ở Việt Nam, xác định cha, mẹ, con là một vấn đề được sự nghiên cứu của rất nhiều nhà khoa học. Có thể kể đến các công trình tiêu biểu như như bài viết của Tiến Sĩ Nguyễn Văn Cừ: *“Một số suy nghĩ về nguyên tắc xác định cha, mẹ và con (trong giá thú) theo pháp luật Việt Nam”* (Tạp chí Luật học số 1/2002); Bài viết của TS. Nguyễn Phương Lan: *“Quyền làm mẹ của người phụ nữ theo quy định của pháp luật Việt Nam”* (Tạp chí Luật học số Đặc san phụ nữ năm 2004); Bài viết của tác giả Lê Thị Kim Chung: *“Những vấn đề nảy sinh từ quy định về xác định cha, mẹ, con sinh*

*ra nhờ kỹ thuật hộ trợ sinh sản”* (Tạp chí Dân chủ pháp luật số 9/2004); Bài viết của tác giả Nguyễn Thị Lan *“Chế định xác định cha, mẹ, con - một số vấn đề cần sửa đổi, bổ sung”* (Tạp chí Dân chủ và Pháp luật. Bộ Tư pháp, Số chuyên đề Sửa đổi, bổ sung Luật hôn nhân và gia đình năm 2000/2013), *“Vấn đề xác định cha, mẹ, con và mang thai hộ theo Dự thảo Luật hôn nhân và gia đình sửa đổi”* (Tạp chí Dân chủ và Pháp luật. Bộ Tư pháp, Số 5/2014)... Và phải kể đến các công trình là luận văn thạc sĩ như đề tài *“Xác định cha, mẹ, con – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”* (2002) của tác giả Nguyễn Thị Lan; *“Xác định cha, mẹ, con với việc đảm bảo quyền trẻ em”* (2014) của tác giả Trần Thị Xuân; Các công trình là luận án tiến sĩ như luận án tiến sĩ luật học của tác giả Nguyễn Hồng Bắc với tiêu đề *“Pháp luật điều chỉnh quan hệ gia đình có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập”* (năm 2003) hay Luận án tiến sĩ luật học *“Xác định cha, mẹ, con trong pháp luật Việt Nam”* (2008) của tác giả Nguyễn Thị Lan...

Những công trình này về cơ bản đã tìm hiểu được các vấn đề lý luận cơ bản về chế định pháp lý về xác định cha, mẹ, con, tập trung giải quyết nguyên tắc chọn luật áp dụng trong việc xác định cha, mẹ, con từ cấp độ khái quát đến chuyên sâu. Nhưng một đặc điểm của tất cả các công trình này là đều nghiên cứu trên cơ sở Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành của luật này. Do đó, trong điều kiện hiện nay, khi Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản hướng dẫn mới đã ra đời, có nhiều sửa đổi bổ sung so với các quy định trước đây thì một số khía cạnh trong công trình nghiên cứu trên không còn phù hợp, khó đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập nghiên cứu cũng như áp dụng các quy định về xác định cha, mẹ, con trên thực tế.

Nhận thức được những vấn đề này, cũng như trên cơ sở tầm quan trọng của việc tìm hiểu pháp luật hôn nhân và gia đình về xác định cha mẹ con theo pháp luật hiện hành, tác giả đã tiến hành nghiên cứu chế định pháp lý về xác định cha mẹ con theo pháp luật hôn nhân và gia đình 2014, trên cơ sở có sự so

sánh với pháp luật trước đây, nhằm nghiên cứu một cách toàn diện, nhằm đảm bảo việc xác định cha, mẹ, con được chặt chẽ và chính xác hơn, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là vấn đề lý luận về việc xác định cha, mẹ, con; những quy định của pháp luật hiện hành về xác định cha, mẹ, con và thực tiễn áp dụng xác định cha, mẹ, con trên địa bàn thành phố Hà Nội. Luận văn đi sâu vào nghiên cứu các thủ tục hành chính đăng ký nhận cha, mẹ, con và thủ tục tố tụng giải quyết tranh chấp về nhận hoặc không nhận cha, mẹ, con.

##### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là vấn đề xác định cha, mẹ cho con theo quy định của pháp luật Việt Nam, trọng tâm nghiên cứu theo quy định của Luật HN&GD năm 2014, có so sánh với các quy định của pháp luật trước đây và thực tiễn áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trường hợp xác định cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài không nằm trong phạm vi nghiên cứu của luận văn này.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau như phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp lịch sử, phương pháp so sánh trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của học thuyết Mác - Lênin nhằm nghiên cứu vấn đề xác định cha, mẹ, con từ nhiều góc độ, nhằm hiểu rõ các quy định của pháp luật về vấn đề này.

#### **6. Đóng góp mới của luận văn**

Hiện nay, vấn đề xác định cha, mẹ, con đã có nhiều học giả nghiên cứu, những vấn đề chỉ dừng lại ở lý thuyết, chưa đánh giá đúng thực trạng của vấn đề và nêu được những giải pháp mang tính kỹ thuật để nâng cao hiệu quả của công tác thực hiện thủ tục xác định cha, mẹ con phục vụ yêu cầu của công dân. Tính mới của đề tài là nêu ra được thực trạng xác định cha, mẹ, con trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2008 - 2013, trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật mới

được ban hành và phân tích, đánh giá số liệu tổng kết trong công tác tư pháp của UBND thành phố Hà Nội, công tác xét xử của Tòa án nhân dân (TAND) cấp huyện trên địa bàn Hà Nội, phân tích những vụ việc thực tế, điển hình của vấn đề xác định cha, mẹ, con. Qua đó, kiến nghị những giải pháp mang tính thiết thực, hữu hiệu nhằm tháo gỡ vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định của pháp luật về xác định cha, mẹ, con.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Những vấn đề lý luận về xác định cha, mẹ, con.

*Chương 2:* Pháp luật Việt Nam hiện hành về xác định cha, mẹ, con và thực tiễn áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

*Chương 3:* Phương hướng và giải pháp tăng cường hiệu quả của pháp luật về xác định cha, mẹ, con ở Việt Nam hiện nay.

# *Chương 1*

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON

### 1.1. KHÁI NIỆM XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON

#### *1.1.1. Khái quát về cha, mẹ, con và quan hệ cha, mẹ, con*

Mỗi người luôn có một người cha và một người mẹ. Quy tắc này đã có giá trị ngang với một định đề toán học, trong suốt thời kỳ mà sự sinh sản diễn ra một cách tự nhiên, cho đến khi khoa học giới thiệu các phương pháp sinh sản nhân tạo. Lai lịch của cha mẹ của một người là một phần lai lịch của bản thân người đó. Trong đa số trường hợp, con biết nguồn gốc của cha và mẹ của mình; nhưng cũng có trường hợp con không biết hoặc không biết rõ. Song, dù biết hay không, sự tồn tại của cha và mẹ là chắc chắn, ở một điểm nào đó trong không gian và thời gian nhất định. Quan hệ cha - mẹ - con là mối liên hệ pháp lý giữa một người (gọi là con) và một người khác (gọi là cha hoặc mẹ). Một sự kiện tự nhiên, thuần túy được luật ghi nhận và chi phối, nên trở thành một sự kiện pháp lý. Để tìm hiểu về mối quan hệ cha, mẹ, con, trước hết ta phải tìm hiểu về khái niệm cha, mẹ và con.

Theo đó, cha là “*người đàn ông có con, trong quan hệ với con*” [22, tr130]; mẹ là “*người đàn bà có con, trong quan hệ với con*” [22, tr626]. Đây là một khái niệm rộng, nếu chỉ đưa ra khái niệm như vậy thì “*cha mẹ*” sẽ bao gồm cả cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi [12, tr8]. Dưới góc độ pháp lý, khái niệm cha, mẹ, con luôn gắn liền với những sự kiện pháp lý nhất định. Quan hệ giữa cha mẹ và con về mặt pháp lý chỉ được phát sinh khi được sự chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về nguyên tắc, người cha, người mẹ, người con về mặt sinh học sẽ đương nhiên trùng với người cha, người mẹ về mặt pháp lý vì mối quan hệ này có xuất phát điểm là sự kiện sinh đẻ để nhằm đảm bảo tính huyết hệ tự nhiên giữa hai thế hệ sinh ra kế tiếp nhau. Tuy nhiên với trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ

trợ sinh sản thì người cha, người mẹ, người con về mặt sinh học có thể không trùng với người cha, người mẹ, người con về mặt pháp lý. Một vấn đề đặt ra là hệ thống pháp luật cần thiết phải có cơ chế điều chỉnh phù hợp để người cha, người mẹ, người con về mặt pháp lý gắn nhất với người cha, người mẹ, người con về mặt sinh học.

Như vậy, dưới góc độ pháp lý, cha đẻ, mẹ đẻ trong mối quan hệ với con, là người trực tiếp sinh ra con, có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Con đẻ, trong mối quan hệ với cha mẹ, là người được cha mẹ sinh ra, có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật [12, tr9].

Riêng với khái niệm con, dưới góc độ pháp lý, còn được nghiên cứu dưới các trường hợp đặc biệt, có ảnh hưởng trực tiếp tới vấn đề xác định cha, mẹ, con như sau:

Khái niệm “*con trong giá thú*” và “*con ngoài giá thú*”. Theo đó, Con trong giá thú là con của những người là vợ chồng hợp pháp. Do có sự kiện sinh đẻ nên thông thường người ta đã xác định được mẹ cho con. Nếu người mẹ sinh con trong thời kỳ hôn nhân hoặc người mẹ có thai đứa con đó trong thời kỳ hôn nhân thì chồng của mẹ đứa trẻ là cha của đứa trẻ. Thời kỳ hôn nhân được tính từ khi nam nữ kết hôn cho đến khi hôn nhân chấm dứt do vợ chồng ly hôn hoặc do một bên chết. Đứa trẻ được xác định là thụ thai trong thời kỳ hôn nhân nếu nó được sinh ra trong vòng 300 ngày, kể từ ngày người chồng chết hoặc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án cho vợ chồng ly hôn có hiệu lực pháp luật.

Con ngoài giá thú là con mà cha mẹ nó không phải là vợ chồng hợp pháp. Còn con sinh ra trong mối quan hệ chung sống như vợ chồng (có giá trị pháp lý) là “*con trong giá thú*” khi cha mẹ của người đó đăng ký kết hôn hoặc quan hệ giữa cha mẹ được thừa nhận bằng một bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án. Con ngoài giá thú thường do người mẹ không có chồng sinh ra hoặc tuy người mẹ đang có chồng nhưng người chồng đã chứng minh trước Tòa án rằng người con đó không phải là con của họ.

Khái niệm “con chung” và “con riêng”: “Con chung” là con mà vợ chồng được xác định là cha mẹ của người con đó. “Con riêng” là con của một bên vợ chồng trong mối quan hệ với người chồng hoặc người vợ của họ. “Con chung” và “con riêng” có thể là con “trong giá thú” hoặc “ngoài giá thú”. “Con riêng” có thể là con đẻ, có thể là con nuôi.

Việc xuất hiện các khái niệm cha, mẹ, con đã làm nảy sinh vấn đề về “quan hệ cha, mẹ, con”. Cha, mẹ, con trước hết là những quan hệ xã hội. Một cách tổng quát, quan hệ cha mẹ - con được xác định về phương diện xã hội, như là kết quả của sự hội tụ của ba yếu tố nhỏ: danh xưng, thái độ và dư luận.

Danh xưng: Con của một người mang họ của người đó. Thông thường, con sinh ra từ quan hệ hôn nhân mang họ cha; con sinh ra từ quan hệ chung sống như vợ chồng, khi được xác định quan hệ cha, con cũng được mang họ của người cha. Cá biệt, có trường hợp những người có quan hệ hôn nhân hợp pháp hoặc chung sống như vợ chồng chấp nhận tập tục của cộng đồng dân tộc ít người mà họ có xuất xứ, theo đó, con sinh ra phải mang họ mẹ. Con của một người phụ nữ độc thân thường mang họ của chính người phụ nữ đó. Bằng chứng về việc mang họ có thể là giấy khai sinh hoặc bất kỳ giấy tờ gì khác được thiết lập một cách chính thức (chứng minh thư, hộ chiếu, sổ hộ khẩu, thậm chí lý lịch có xác nhận, bằng cấp, chứng chỉ,...).

Thái độ: Việc cha, mẹ cư xử với tư cách đó trong quan hệ với con thể hiện một cách chung nhất qua việc cha mẹ trông nom, chăm sóc, giáo dục, gây dựng tương lai của con. Việc con cư xử với tư cách đó trong quan hệ với cha mẹ thể hiện một cách chung nhất qua việc con tỏ ra kính trọng, chăm sóc, nuôi dưỡng, tuân theo lời khuyên của cha mẹ. Khác với khá nhiều thứ tiếng, tiếng Việt có các từ dùng để xưng hô cho phép người thứ ba nhận biết được quan hệ cha-con, mẹ-con giữa các đương sự.

Dư luận: Thái độ xử sự của người thứ ba cũng có tác dụng làm rõ mối quan hệ cha mẹ-con của các đương sự: ông bà gọi cha mẹ đến để góp ý về cách giáo dục con; nhà trường gọi cha mẹ đến để họp bàn về việc học của con; Toà án



triệu tập cha mẹ đến để tham gia vào vụ án huỷ hoại tài sản của người khác mà con chưa thành niên là thủ phạm;... Trong tất cả những trường hợp đó, người thứ ba cũng như quyền lực công cộng thừa nhận tư cách của người tự xưng là cha hoặc mẹ chỉ trên cơ sở ghi nhận sự hội tụ của những yếu tố xã hội học đặc trưng của quan hệ ấy giữa các đương sự. Người thứ ba cũng như quyền lực công cộng trong các trường hợp ấy không bao giờ yêu cầu cha mẹ xuất trình bằng chứng đặc thù về quan hệ cha - mẹ - con.

### ***1.1.2. Khái niệm, ý nghĩa của việc xác định cha, mẹ, con***

#### ***❖ Khái niệm xác định cha, mẹ, con***

Muốn tìm hiểu, nghiên cứu phân tích về pháp luật “*xác định cha, mẹ, con*” trước hết phải hiểu được nghĩa của từ “*xác định*” là gì? “*Xác định*” là khái niệm không mới trong đời sống xã hội cũng như khoa học nghiên cứu nói chung, “*xác định*” theo định nghĩa của Từ điển Tiếng Việt, được hiểu là “*qua nghiên cứu, tìm tòi, biết được rõ ràng, chính xác*”. Từ đó có thể hiểu việc xác định cha, mẹ, con chính là việc tìm hiểu, nghiên cứu, để tìm ra nguồn gốc xuất thân của một người với tư cách là con, xác định tư cách của một người trong một môi quan hệ với một đứa trẻ hoặc một người đã thành niên với tư cách người cha hoặc người mẹ, một cách rõ ràng và chính xác.

Từ điển Luật học đã đưa ra hai khái niệm: "Xác định cha, mẹ cho con" và "Xác định con cho cha mẹ". Theo đó xác định cha, mẹ cho con là "định rõ một người là cha hoặc một người là mẹ cho con trên cơ sở các quy định của pháp luật". Xác định con cho cha mẹ là "định rõ một người là con của cha hoặc của mẹ trên cơ sở các quy định của pháp luật". Cách phân chia thành hai khái niệm "xác định cha, mẹ cho con" và "xác định con cho cha, mẹ" là không thật sự cần thiết vì mối quan hệ cha, mẹ và con là mối quan hệ hai chiều, khi xác định được cha, mẹ cho con thì đồng thời cũng là xác định được con cho cha, mẹ.

Dưới góc độ sinh học - xã hội: xác định cha, mẹ, con là việc nghiên cứu, tìm kiếm, nhận diện mối quan hệ huyết thống giữa hai thế hệ kế tiếp nhau thông qua sự kiện sinh đẻ [12, tr. 20].

Dưới góc độ pháp lý:

- Với tư cách là một sự kiện pháp lý: xác định cha, mẹ, con là sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha, mẹ và con về mặt huyết thống [12, tr. 23].

- Với tư cách là một quan hệ pháp luật: xác định cha, mẹ, con là các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tìm kiếm, nhận diện tư cách cha, mẹ, con về mặt huyết thống của các chủ thể được các quy phạm pháp luật điều chỉnh [12, tr. 26].

- Với tư cách là một chế định pháp lý, xác định cha, mẹ, con là tổng hợp các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành, quy định về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, căn cứ và thủ tục pháp lý nhằm nhận diện một người cha, một người mẹ, một người con có mối quan hệ huyết thống trực hệ [12, tr. 39].

Đây là khái niệm vừa mang tính khái quát cao, toàn diện, vừa thể hiện được mối liên hệ gắn kết giữa cha mẹ và con trên cơ sở huyết thống và sự kiện sinh đẻ.

#### **❖ Các trường hợp trong việc xác định cha, mẹ, con:**

Như đã nói, với tư cách là một quan hệ pháp luật: xác định cha, mẹ, con là các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tìm kiếm, nhận diện tư cách cha, mẹ, con về mặt huyết thống của các chủ thể được các quy phạm pháp luật điều chỉnh. Do đó, trong việc xác định cha, mẹ, con có thể có những trường hợp sau:

- Các bên chủ thể tự nguyện nhận cha, mẹ, con:

Loại quan hệ xã hội này bao gồm quan hệ giữa một người đàn ông, một người phụ nữ tự nguyện nhận một người là con của mình; quan hệ giữa một người đã thành niên tự nguyện nhận một người còn sống là cha, mẹ của mình; quan hệ giữa một người đã thành niên tự nguyện nhận một người đã chết là cha, mẹ của mình [12, tr. 33]. Theo đó, quan hệ về xác định cha, mẹ, con có chung một đặc điểm là các bên chủ thể tự nguyện nhận cha, mẹ, con. Tuy nhiên, xét cụ thể từng quan hệ cụ thể thì mỗi quan hệ tự nguyện nhận cha, mẹ, con có những nét khác biệt nhất định. Về nguyên tắc, một người đàn ông, một người phụ nữ

nhận một người là con của mình sẽ không có gì khác biệt với một người đã thành niên nhận một người khác là cha, mẹ của mình, điều đó dẫn tới hậu quả pháp lý phát sinh quan hệ cha con, mẹ con. Việc tự nguyện nhận con phải được người được nhận đồng ý nếu họ là người đã thành niên, nếu họ chưa thành niên thì phải có sự đồng ý của người hiện đang là cha, là mẹ. Còn việc tự nguyện nhận cha, mẹ về nguyên tắc phải được bên được nhận đồng ý, ngoài ra, còn có thể được chấp nhận trong trường hợp người được nhận là người cha, mẹ đã chết. Việc tự nguyện nhận, cha, mẹ và con thông thường dẫn đến thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con tại cơ quan hành chính Nhà nước.

- Tranh chấp trong xác định cha, mẹ, con:

Loại quan hệ xã hội này bao gồm: xác định cha cho con theo yêu cầu của người con đã thành niên; xác định con cho cha theo yêu cầu của người cha; xác định cha cho con theo yêu cầu của người mẹ hoặc người giám hộ của con chưa thành niên; xác định mẹ cho con theo yêu cầu của con đã thành niên; xác định con cho mẹ theo yêu cầu của mẹ; xác định mẹ cho con theo yêu cầu của người cha hoặc người giám hộ của con chưa thành niên; xác định cha, mẹ, con theo yêu cầu của một số tổ chức xã hội mà pháp luật quy định nhằm bảo vệ quyền lợi cho người chưa thành niên hoặc người đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự; xác định lại tư cách cha, con trong quan hệ cha con hoặc tư cách mẹ, con trong quan hệ mẹ con theo yêu cầu của người hiện đang là cha, là mẹ [12, tr.34].

Những trường hợp trên có chung một đặc điểm là các bên có sự tranh chấp trong việc xác định tư cách cha, mẹ, con. Xác định cha cho con hay xác định con cho cha thì cũng nhằm mục đích xác định tư cách cha, con; Xác định con cho mẹ hay xác định mẹ cho con thì cùng nhằm mục đích xác định tư cách mẹ, con và đều dẫn đến hậu quả pháp lý là chứng nhận có hay không quan hệ cha con, mẹ con và có làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các chủ thể hay không. Người chủ động yêu cầu xác định cha, mẹ, con sẽ là nguyên đơn; người bị yêu cầu xác định cha, mẹ, con là bị đơn trong vụ án về xác định cha, mẹ, con. Phụ thuộc vào tư cách của từng chủ thể cũng như nội dung của quan hệ thì việc

xác định cha, mẹ, con trong từng mối quan hệ có những nét khác biệt nhất định. Quan hệ tranh chấp này dẫn tới việc xác định tư cách cha, mẹ, con phải được thực hiện bằng việc khởi động một vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự.

Như vậy, trên cơ sở tư cách chủ thể và tâm lý tình cảm của các chủ thể trong việc tự nguyện hay không tự nguyện nhận cha, mẹ, con, ảnh hưởng trực tiếp và là căn cứ phát sinh việc xác định cha, mẹ, con theo thủ tục hành chính hay thủ tục tố tụng dân sự.

### ***1.1.3. Hệ quả pháp lý của việc xác định cha, mẹ, con***

Khi quan hệ cha, mẹ, con được pháp luật công nhận, một hệ quả tất yếu là giữa cha, mẹ và con chính thức xác lập quyền, nghĩa vụ đối với nhau. Với trường hợp quan hệ cha, con hoặc mẹ, con bị phủ nhận bởi một bản án, giữa các chủ thể chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với nhau.

Trong nội dung quan hệ pháp luật quyền làm cha, mẹ và quan hệ cha, mẹ, con mang một yếu tố rất đặc trưng của gia đình Việt Nam đó là xuất phát từ tình cảm yêu thương gắn bó giữa cha mẹ với con cái, giữa các thành viên trong gia đình, tất cả nghĩa vụ và quyền của cha mẹ đối với con đều hướng tới đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh và toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần cho con.

Theo từ điển luật học: “*Quyền là khái niệm khoa học pháp lý dùng để chỉ những điều mà pháp luật công nhận và bảo đảm thực hiện đối với cá nhân, tổ chức để theo đó cá nhân, tổ chức được hưởng, được làm, được đòi hỏi mà không ai được ngăn cản, hạn chế*” [2, tr.648]

Nội dung quyền của cha mẹ đối với con được luật HN&GD Việt Nam quy định rất chi tiết và cụ thể. Nghiên cứu các quy định này chúng ta có thể chia quyền của cha mẹ đối với con làm hai nhóm chính đó là:

- *Quyền về nhân thân*: Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ thương yêu, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con, tôn trọng ý kiến của con, chăm lo việc học tập và giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Cha mẹ không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới

hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ; không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động; không được xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội. Cha mẹ là người giám hộ hoặc đại diện cho con, đối với con chưa thành niên cha mẹ có quyền quyết định chế độ pháp lý về nhân thân của con như: quyền đặt họ tên, tôn giáo, quốc tịch, dân tộc, chỗ ở của con.

Cha mẹ còn có thể bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên khi bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con, hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; phá sản tài sản của con; xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội...

*Quyền về tài sản:* Hệ thống pháp luật hôn nhân và gia đình phân định quan hệ pháp luật về tài sản của cha mẹ đối với con thành hai nhóm: quan hệ nuôi dưỡng, cấp dưỡng và quan hệ tài sản khác. Luật HN&GD điều chỉnh chủ yếu là quan hệ cấp dưỡng, nuôi dưỡng giữa cha mẹ đối với con, đồng thời kết hợp với luật dân sự điều chỉnh các quan hệ tài sản khác phát sinh giữa cha mẹ đối với con. Nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng của cha mẹ đối với con là nghĩa vụ pháp lý đồng thời nó còn mang tính chất tình cảm tự nhiên và luân lý. Nghĩa vụ này được pháp luật quy định gắn liền với nhân thân của cha, mẹ và không thể thay thế hoặc chuyển giao cho người khác.

Các quan hệ tài sản khác bao gồm: quyền và nghĩa vụ quản lý, định đoạt tài sản riêng của con chưa thành niên, bồi thường thiệt hại do con chưa thành niên gây ra...

Luật HN&GD năm 2000 có hiệu lực từ ngày 01/01/2001, tính đến thời điểm 31/12/2014, luật đã được áp dụng 14 năm. Trong khoảng thời gian đó, các quan hệ hôn nhân và gia đình nói chung, quan hệ giữa cha – mẹ - con nói riêng luôn biến đổi không ngừng và có nhiều trường hợp khi vận dụng Luật HN&GD năm 2000 không thể giải quyết được các quan hệ phát sinh. Đứng trước yêu cầu đó, ngày 19/6/2014 Quốc hội đã thông qua Luật HN&GD năm 2014 với IX

chương, 133 Điều và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015. So với Luật HN&GD năm 2000 các nhà làm Luật đã có những điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và các quan hệ HN&GD mới phát sinh. Riêng về phần nghĩa vụ và quyền của cha mẹ đối với con được quy định tại mục 1 chương V của Luật và có một số điều chỉnh: *Thứ nhất là* quy định thêm một số điều luật mới như: “*Bảo vệ quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con*” [Error! Reference source not found., Điều 68]; “*Quyền, nghĩa vụ của cha nuôi, mẹ nuôi và con nuôi*” [Error! Reference source not found., Điều 78]; “*Quyền, nghĩa vụ của con dâu, con rể, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng*” [Error! Reference source not found., Điều 80]... *Thứ hai là* bổ sung, cơ cấu lại các điều luật cho phù hợp với điều kiện thực tế và các ngành luật khác có liên quan; quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau khi ly hôn cũng được quy định tại chương Quan hệ giữa cha mẹ và con một cách cụ thể và chặt chẽ hơn... Nhìn chung các quy định về quyền của cha, mẹ đối với con trong Luật HN&GD năm 2014 là tương đối đầy đủ, mở rộng đối tượng về chủ thể trong đó bổ sung thêm quy định về “*quyền, nghĩa vụ của con dâu, con rể, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng*” là điều rất hợp lý và cần thiết.

Những quy định trên đã tạo hành lang pháp lý vững chắc đồng thời ràng buộc trách nhiệm của cha mẹ, hướng cha mẹ tới những ứng xử chuẩn mực trong việc nuôi dạy con cái. Mặc dù vẫn còn tồn tại một số điểm bất hợp lý nhưng những quy định tiên bộ về nghĩa vụ và quyền của cha mẹ đã góp phần không nhỏ xóa đi những tư tưởng lạc hậu trong quan hệ cha, mẹ - con; về sự bất bình đẳng mối quan hệ giữa vợ - chồng trong việc nuôi dạy con vốn đã ăn sâu trong tư tưởng người Việt Nam do xã hội phong kiến để lại. Bên cạnh đó, việc luật hóa quyền của cha mẹ đối với con đã góp phần xây dựng gia đình Việt Nam giàu truyền thống văn hóa nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu hội nhập, nhằm xây dựng xã hội Việt Nam ngày một giàu đẹp, văn minh.

## **1.2. Ý NGHĨA CỦA CHẾ ĐỊNH XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Việc pháp định hóa chế định xác định cha, mẹ, con trong pháp luật Việt

Nam là hết sức cần thiết và có ý nghĩa rất lớn về mặt xã hội và pháp lý.

Quan hệ cha, mẹ, con là quan hệ tràn đầy tình cảm yêu thương chăm sóc như một lẽ tự nhiên, nhưng lại đầy ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ trước xã hội. Việc xác định quan hệ cha, mẹ, con có ý nghĩa quan trọng trong việc phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con cái và ngược lại.

Quyền làm cha, làm mẹ và quyền làm con là vô cùng thiêng liêng và quan trọng, vì vậy việc xác định quan hệ cha, mẹ, con góp phần ổn định các mối quan hệ trong gia đình nói riêng và các mối quan hệ ngoài xã hội nói chung. Quan hệ cha - con, mẹ - con được xác lập sẽ đảm bảo cho con cái (đặc biệt là trẻ em) được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một cách tốt nhất, được đảm bảo cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Đồng thời, quan hệ này cũng gắn trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ đối với con cái và ngược lại.

#### *❖ Ý nghĩa về mặt xã hội*

Trẻ em là những chủ nhân tương lai của đất nước. Đối với trẻ, gia đình là cầu nối của trẻ đối với xã hội, môi trường bên ngoài. Gia đình không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng, giáo dục và hình thành nhân cách của một đứa trẻ mà còn góp phần lớn tạo ra những thành công khi trẻ trưởng thành. Không có gia đình làm điểm tựa, thiếu sự dạy dỗ và yêu thương chăm sóc của cha, mẹ, trẻ sẽ có tâm lý lệch lạc, tự do, ngang bướng, bất cần. Chúng dễ dàng phạm tội khi bị rủ rê, lôi kéo,... gây nguy hiểm cho xã hội. Vì thế, việc xác định cha, mẹ, con sẽ là cơ sở cho việc xác lập quan hệ cha, mẹ, con trong thực tế, tạo điều kiện cho trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong môi trường gia đình và nâng cao ý thức trách nhiệm của các thành viên trong gia đình.

Bên cạnh đó, việc xác định cha, mẹ, con còn góp phần làm ổn định lại các mối quan hệ phức tạp trong đời sống xã hội. Do tác động của nền kinh tế thị trường, cùng xu hướng hội nhập quốc tế đã làm thay đổi phần nào quan niệm về HN&GD. Từ đó nảy sinh các kiểu sống gia đình không bình thường so với lối sống truyền thống, gây ra sự bất ổn cho thiết chế gia đình...

Việc xác định cha, mẹ, con phần nào giúp xóa bỏ tư tưởng lạc hậu trọng nam khinh nữ, phân biệt đối xử giữa con trong giá thú với con ngoài giá thú, tạo nên sự bình đẳng giữa các con, mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho trẻ.

#### ❖ *Ý nghĩa về mặt pháp lý*

Xác định cha, mẹ, con nhằm xác thực mối quan hệ mẹ -con, cha -con qua đó làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể này. Chế định xác định cha, mẹ, con tạo cơ sở pháp lý để Tòa án giải quyết các tranh chấp về: Nuôi con, cấp dưỡng, thừa kế,... giữa cha, mẹ, con cũng như các thành viên khác trong gia đình nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp tốt nhất cho họ.

Việc xác định cha, mẹ, con còn liên quan tới nhiều chế định trong pháp luật dân sự như: trong giao dịch dân sự, xác định cha, mẹ, con có ý nghĩa trong việc xác định yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu do người chưa thành niên thực hiện; trong chế định tài sản và quyền sở hữu việc xác định cha, mẹ, con có ý nghĩa trong việc xác định căn cứ xác lập quyền sở hữu, quyền quản lý, sử dụng và định đoạt,....

Việc xác định cha, mẹ, con đóng vai trò là yếu tố quyết định tới một số trình tự, thủ tục trong tố tụng dân sự. Đồng thời, là cơ sở để chứng minh quyền yêu cầu giải quyết vụ việc của mình là có căn cứ và hợp pháp, là cơ sở để Tòa án xác định quyền khởi kiện của các đương sự. Ví dụ: Quyền đại diện của cha, mẹ đối với con chưa thành niên trong tố tụng nhằm bảo vệ quyền lợi của con.

Liên quan đến lĩnh vực hình sự, việc xác định cha, mẹ, con còn là cơ sở để Tòa án quyết định tội danh và khung hình phạt đối với một số tội phạm. Ví dụ: Tội giết con mới đẻ, Tội không tố giác tội phạm...

### **1.3. CĂN CỨ XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON**

#### ***1.3.1. Sự kiện sinh đẻ***

Theo nghiên cứu của y học hiện đại, con ruột của cha và mẹ là con do người mẹ sinh ra từ một bào thai do người mẹ cưu mang và bào thai đó là kết quả của sự phối hợp xác thịt của cha và mẹ. Đối với người mẹ, yếu tố sinh học được xây dựng quanh sự kiện sinh sản: người phụ nữ sinh ra đứa trẻ là mẹ của



đứa trẻ ấy. Đối với người cha, yếu tố sinh học lại được xây dựng quanh sự kiện thành thai: người có quan hệ xác thịt với người phụ nữ và dẫn đến việc người sau này mang thai là cha của đứa trẻ sinh ra từ bào thai ấy.

Việc xác định cha, mẹ, con dựa trên sự kiện sinh đẻ cũng có những bước phát triển từ thấp đến cao. Trong thời kỳ đầu của chế độ cộng sản nguyên thủy, loài người sống những quan hệ tính giao hỗn tạp và theo chế độ mẫu hệ, bởi với những quan hệ này không thể nào biết chắc chắn được ai là người cha đứa trẻ mà chỉ biết được mẹ của nó thôi, con cái được xác định theo huyết thống về đấng mẹ.

*“1. Loài người đầu tiên sống trong những quan hệ tính giao hỗn tạp mà tác giả gọi bằng một từ khóa không thỏa đáng là chế độ hê-ta-ia; 2. Những quan hệ như thế làm cho không thể nào biết được chắc chắn ai là cha đẻ, nên dòng máu chỉ tính theo nữ hệ, theo mẫu quyền - và ở tất cả các dân thời cổ đại lúc đầu, tình hình đều như thế; 3. Vì vậy, những người đàn bà, với tư cách là những người mẹ, tức là những người chắc chắn duy nhất đã sinh ra thế hệ trẻ, đã được tôn kính và kính trọng đến cao độ”* [14, tr. 31-32].

Gia đình Pulanuan có sự ngăn cấm tiếp theo là cấm quan hệ tính giao giữa anh em trai và chị em gái. Như vậy, diện là cha của một đứa trẻ đã được thu hẹp hơn trước. Tuy vậy, vẫn không thể xác định được chính xác được quan hệ cha và con. Con cái vẫn chỉ được xác định quan hệ huyết thống về đấng mẹ.

*“Trong tất cả mọi hình thức của gia đình quần hôn, người ta không biết chắc chắn ai là cha của một đứa trẻ, nhưng người ta lại biết rõ ai là mẹ nó..., Do đó, rõ ràng là chừng nào chế độ quần hôn còn tồn tại thì dòng dõi chỉ có thể xác định về bên mẹ mà thôi, và vì vậy, chỉ có nữ hệ là được thừa nhận”* [14, tr. 74].

Đến gia đình phối ngẫu đã có thể xác định được người cha cho đứa con của mình, hay nói cách khác là đã xác định được đầy đủ mối quan hệ huyết thống giữa cha mẹ và con. Bởi ở gia đình phối ngẫu tồn tại một hình thức kết

hôn theo từng cặp, tức là xuất hiện việc một người đàn ông sống chung với một người đàn bà. Đồng thời, chế độ mẫu hệ cũng dần dần lụi tàn, thay vào đó, chế độ phụ hệ dần được thiết lập theo đúng tiến trình phát triển khách quan của loài người. Trong chế độ này, người phụ nữ dần dần bị bó buộc bởi những khuôn phép, luật lệ, truyền thống, tư tưởng của cộng đồng; "...Người phụ nữ phải triệt để chung tình trong thời gian chung sống với chồng, và tội ngoại tình của họ sẽ bị trừng trị một cách tàn ác" [14, tr. 81]; "Hôn nhân cặp đôi đã đưa vào gia đình một yếu tố mới, bên cạnh người mẹ đẻ chế độ đó đã đặt người bố đẻ, người bố thật có lẽ còn thật hơn nhiều so với những người "bố" thời nay" [14, tr. 92]. Trong thời gian chung sống với chồng mà người phụ nữ mang thai và sinh con thì đích thực là con của người đàn ông mà họ đã chung sống. Do vậy, có thể khẳng định rằng, trong gia đình đôi ngẫu đã xác định được đầy đủ mối quan hệ huyết thống giữa cha mẹ và con.

Bước chuyển tiếp theo là từ gia đình đôi ngẫu sang gia đình một vợ một chồng cố điển. gia đình một vợ một chồng khác gia đình đôi ngẫu ở chỗ nó là một đơn vị kinh tế độc lập, không còn phụ thuộc vào kinh tế thị tộc, quan hệ vợ chồng chặt chẽ hơn, các bên không còn tùy ý phá hủy quan hệ được nữa. Chế độ một vợ một chồng không hề cản trở việc có nhiều vợ chồng công khai hay giấu giếm của người chồng. Đối với người vợ chính thức, họ phải chịu đựng tất cả những điều đó, đồng thời lại phải giữ trinh tiết và lòng trung thành với chồng một cách nghiêm cẩn nhất. Thực ra đối với người chồng họ chỉ là "mẹ của những đứa con kế thừa chính thức của chồng". Chính vì vậy, chế độ một vợ một chồng chỉ là một vợ một chồng về phía người vợ chứ không phải đối với người chồng.

*"Gia đình ấy dựa trên quyền thống trị của người chồng, nhằm mục đích là làm cho con cái sinh ra phải có cha để rõ ràng không ai tranh cãi được, và dòng dõi đó là cần thiết, vì những đứa trẻ đó sau này sẽ được thừa hưởng tài sản của người cha với tư cách là người thừa kế trực tiếp"* [14, tr. 101].

Với bản chất như vậy đã làm cho chế độ một vợ một chồng hoàn toàn mâu thuẫn và giả tạo, đó là "*Sự thống trị của người chồng trong gia đình, sự sinh đẻ ra những đứa con chỉ có thể là con của người chồng và phải được quyền thừa hưởng tài sản của người ấy, - đây là những mục đích đặc biệt của chế độ một vợ một chồng*" [14, tr. 105-106]. Như vậy, chế độ một vợ một chồng với bản chất đặc biệt của mình, lúc ban đầu đã xác định chính xác mối quan hệ huyết thống giữa cha mẹ và con. Trong chế độ mẫu quyền, việc xác định này căn cứ vào huyết hệ về đằng mẹ; trong chế độ phụ quyền, việc xác định này căn cứ vào huyết hệ về đằng cha.

Trong xã hội hiện đại ngày nay, cơ sở để xây dựng hôn nhân đó là tình yêu chân chính giữa nam và nữ và đó là yếu tố cơ bản để duy trì các mối quan hệ gia đình. Bởi vì, "do bản chất của nó, tình yêu không thể chia sẻ được... cho nên, hôn nhân dựa trên cơ sở tình yêu giữa nam và nữ, do ngay bản chất của nó, là hôn nhân một vợ một chồng" [14, tr. 129-130]. Dựa trên cách lý giải này thì việc xác định cha, mẹ, con sẽ đảm bảo tuyệt đối về mặt huyết thống.

Căn cứ về mặt huyết thống được coi là căn cứ đầu tiên và là tiền đề để xác định cha, mẹ, con. Trong điều kiện kinh tế xã hội hiện nay cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật thì việc xác định cha, mẹ, con dựa vào căn cứ huyết thống ngày càng được chú trọng nhiều hơn và mang tính chính xác hơn. Căn cứ về mặt huyết thống, về nguyên tắc, được áp dụng triệt để trong những trường hợp có tranh chấp về quan hệ cha con, mẹ con như trường hợp người chồng không thừa nhận đứa con do vợ mình sinh ra là con chung của vợ chồng; người đàn ông không tự nguyện nhận con và người phụ nữ (là mẹ của đứa con) muốn xác định người đàn ông đó là cha của đứa con do mình sinh ra; người mẹ muốn xác định con cho mình, người con đã thành niên muốn xác định cha mẹ cho mình...

Để xác định cha, mẹ, con về mặt huyết thống thì căn cứ xác định cha cho con, con cho cha sẽ khác căn cứ xác định con cho mẹ, mẹ cho con. Xác định cha cho con, con cho cha thì các đương sự luôn phải căn cứ vào quá trình sinh đẻ

của người phụ nữ; căn cứ vào thời gian hai bên nam nữ (là cha mẹ của đứa con) có quan hệ tình dục với nhau. Tức là phải căn cứ vào thời điểm sinh con, căn cứ vào thời gian mang thai, căn cứ vào thời điểm có thể thụ thai. Từ đó, xác định thời kỳ có thể thụ thai đứa con thì hai bên nam nữ (là cha mẹ của đứa con) có quan hệ tình dục với nhau không. Thời điểm thụ thai có trùng với thời gian hai bên nam nữ có quan hệ tình dục không.

Xác định mẹ cho con, con cho mẹ thì các đương sự cần căn cứ vào sự kiện sinh đẻ, căn cứ vào sự đồng nhất của người con với đứa trẻ mà người phụ nữ (người mẹ) đã sinh ra. Bởi vì xác định quan hệ mẹ con luôn được chứng minh bằng một chứng cứ trực tiếp, đó là sự kiện sinh đẻ. Thông thường, do có sự kiện sinh đẻ nên người ta dễ dàng xác định người phụ nữ đã sinh ra đứa trẻ là mẹ của đứa trẻ nên việc xác định mẹ cho con ít khi xảy ra. Tuy nhiên, trong thực tế, có những trường hợp người phụ nữ sinh con sau đó bỏ con, người con đã được người khác nhận làm con nuôi, một thời gian sau, có đơn yêu cầu xác định người phụ nữ đó là mẹ của người con. Trong trường hợp này, việc xác định người phụ nữ đó là mẹ của người con được tiến hành tại Toà án. Xác định mẹ cho con, con cho mẹ thì các đương sự cần căn cứ vào sự kiện sinh đẻ, căn cứ vào sự đồng nhất của người con với đứa trẻ mà người phụ nữ (người mẹ) đã sinh ra. Bởi vì xác định quan hệ mẹ con luôn được chứng minh bằng một chứng cứ trực tiếp, đó là sự kiện sinh đẻ.

Trong việc xác định cha, mẹ, con dựa trên nguồn gốc huyết thống các bên chủ thể có thể đưa ra bất cứ một chứng cứ nào (nhân chứng, vật chứng) để chứng minh về nguồn gốc huyết thống trong quan hệ cha con, mẹ con.

### ***1.3.2. Xác định cha, mẹ, con theo quy định của pháp luật***

Xác định cha, mẹ, con dựa trên các căn cứ pháp lý là việc dựa vào những quy định của pháp luật nhằm làm căn cứ cho việc xác định các chủ thể trong mối quan hệ mẹ - con, cha – con. Trong đó, xác định cha, mẹ, con dựa trên các căn cứ pháp lý được phân chia thành hai nhóm vấn đề là trong thời kỳ hôn nhân và trên cơ sở sự tự nguyện của các chủ thể. Cụ thể:

### ❖ *Thời kỳ hôn nhân*

Khi hai bên nam nữ xác lập quan hệ hôn nhân thì việc xác định cha, mẹ, con được căn cứ trước hết trên cơ sở pháp lý, tức là căn cứ thời kỳ hôn nhân. Trong trường hợp này căn cứ về mặt huyết thống không còn mang ý nghĩa quyết định trong việc xác định cha, mẹ, con nữa. Căn cứ về mặt huyết thống được coi là sự mặc nhiên thừa nhận trong việc xác định cha, mẹ, con nhằm đảm bảo ổn định các mối quan hệ gia đình cũng như đảm bảo các lợi ích chung của xã hội.

Khi hai bên nam nữ kết hôn với nhau và trở thành vợ chồng, giữa họ sẽ phát sinh các quyền và nghĩa vụ pháp lý theo quy định theo quy định pháp luật như nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững... giữa hai bên đều xuất phát từ mong muốn được thỏa mãn những yêu cầu về vật chất và tinh thần, thực hiện tốt chức năng cơ bản của gia đình trong đó có chức năng sinh đẻ. Vì vậy, trong thời kỳ hôn nhân, việc người vợ thụ thai và sinh con là một tất yếu khách quan. Thậm chí, việc người vợ đã thụ thai trước thời kỳ hôn nhân hoặc sinh con trước thời kỳ hôn nhân cũng là một vấn đề trở nên bình thường trong xã hội hiện đại ngày nay.

Mặt khác, pháp luật cũng đặt ra nhiều cơ chế để đảm bảo cho việc xác định cha, mẹ, con được chính xác. Pháp luật HN&GD đã quy định nguyên tắc hôn nhân một vợ một chồng, quy định những chế tài đối với việc kết hôn vi phạm nguyên tắc này, chế tài trong pháp luật HN&GD, chế tài trong pháp luật Hành chính, chế tài trong pháp luật Hình sự... điều đó làm tăng thêm ý thức trách nhiệm của vợ chồng đối với nhau và đối với gia đình. Nguyên tắc này suy đoán pháp lý xác định cha, mẹ con được đặt ra để nhằm ổn định quan hệ cha mẹ và con cũng như quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Do vậy mỗi khi người vợ mang thai hoặc sinh con, người vợ không cần phải chứng minh chồng mình là cha của đứa trẻ mà pháp luật mặc nhiên thừa nhận đứa trẻ đó là con chung của vợ chồng. Tuy nhiên, việc xác định thời điểm thụ thai và mang thai

chỉ mang chất tương đối. Trong đời sống hiện đại ngày nay, với sự đa dạng và phức tạp của các mối quan hệ xã hội nên thực tế có nhiều trường hợp người vợ có thai hoặc sinh con trong thời kỳ hôn nhân chưa chắc là con chung của vợ chồng. Điều này cũng ảnh hưởng đến nguyên tắc suy đoán pháp lý xác định cha, mẹ, con và đó cũng là lý do việc xác định cha, mẹ, con chỉ được coi là một nguyên tắc “suy đoán” pháp lý và tư cách cha, mẹ, con có thể bị xem xét lại, tức là các chủ thể trong quan hệ này muốn hướng tới việc xác định cha, mẹ, con dựa trên căn cứ về mặt truyền thống. Như vậy, thời kỳ hôn nhân được coi là một căn cứ quan trọng nhất để xác định tính đương nhiên hoặc không đương nhiên trong việc xác định cha, mẹ, con.

❖ *Sự tự nguyện của các chủ thể*

Sự tự nguyện của các chủ thể bao gồm:

- Sự thể hiện ý chí của các chủ thể trong chính quan hệ đó. Đó là ý chí của cha, mẹ, con đã thành niên.
- Sự thể hiện ý chí của người thể hiện đang là cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên.

Sự tự nguyện của các chủ thể là một tất yếu trong việc xác định cha, mẹ, con. Về nguyên tắc, sự tự nguyện phải được thể hiện ở hai bên chủ thể trong quan hệ xác định cha, mẹ, con. Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt, khi cha hoặc mẹ chết thì chỉ cần sự tự nguyện của người con trong việc thừa nhận cha, mẹ thì sự tự nguyện này vẫn mang tính quyết định để xác định tư cách cha mẹ con. Dù cha mẹ của người con có hôn nhân hợp pháp hay không thì sự tự nguyện nhận cha, mẹ, con là rất cần thiết. Trong hôn nhân hợp pháp, trường hợp người vợ sinh con trước ngày đăng ký kết hôn thì sự tự nguyện nhận con của vợ chồng là căn cứ tuyên quyết để xác định quan hệ cha mẹ con. Trong trường hợp này, thời kỳ hôn nhân không còn được ưu tiên là căn cứ số một để xác định tính đương nhiên trong việc phát sinh quan hệ cha, mẹ và con.

Đối với việc xác định cha, mẹ, con khi cha mẹ không có hôn nhân hợp pháp thì sự tự nguyện của các chủ thể trong việc tự nguyện nhận cha, mẹ, con là

vô cùng quan trọng. Xác định cha, mẹ, con khi cha mẹ không có hôn nhân hợp pháp, tính đương nhiên chỉ được dùng để xác định cho quan hệ mẹ con. Quan hệ cha con không thể xác định một cách đương nhiên. Bởi vì, giữa người mẹ của đứa con và người cha của đứa con do người mẹ sinh ra không tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do đó, không thể dùng tính chất bắc cầu qua quan hệ mẹ con để xác định quan hệ cha con được. Đối với trường hợp này sự tự nguyện được coi là căn cứ quyết định việc xác định tư cách cha con. Những chứng cứ chứng minh có quan hệ cha và con, mẹ và con là không quan trọng, thậm chí là không cần thiết đối với việc tự nguyện nhận cha, mẹ, con nữa. Điều này cũng có nghĩa là căn cứ về mặt huyết thống không được coi trọng để xem xét vấn đề mà được coi là sự mặc nhiên thừa nhận của chính các chủ thể trong mối quan hệ đó. Để đảm bảo quyền và lợi ích của các chủ thể trong mối quan hệ này, đồng thời với việc quy định quyền yêu cầu xác định cha, mẹ, con, pháp luật đã ghi nhận quyền nhận, không nhận cha mẹ, con. Điều đó được ghi nhận tại Điều 43 Bộ luật dân sự 2005 như sau:

*“Điều 43. Quyền nhận, không nhận cha, mẹ, con*

*1. Người không được nhận là cha, mẹ hoặc là con của người khác có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định mình là cha, mẹ hoặc là con của người đó.*

*2. Người được nhận là cha, mẹ hoặc là con của người khác có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định mình không phải là cha, mẹ hoặc là con của người đó.”*

Đối với trường hợp sinh con theo phương pháp khoa học thì sự tự nguyện của các chủ thể còn được thể hiện ngay tại thời điểm cặp vợ chồng vô sinh hoặc người phụ nữ độc thân bắt đầu được áp dụng biện pháp hỗ trợ sinh sản. Bởi vì, việc sinh con theo phương pháp khoa học không chỉ trong nội bộ cặp vợ chồng vô sinh mà có sự tham gia của bên thứ ba (bên cho noãn, cho tinh trùng, cho phôi). Đối với người phụ nữ độc thân bắt buộc phải có sự tham gia của người cho tinh trùng. Trong trường hợp này, căn cứ về mặt huyết thống không được

coi là căn cứ để xác định cha, mẹ, con. Thậm chí căn cứ về mặt huyết thống không được dùng là căn cứ để xem xét lại quan hệ cha mẹ và con đã được xác lập trước đó giữa cặp vợ chồng vô sinh hoặc người phụ nữ độc thân đối với đứa con được sinh ra theo phương pháp khoa học.

#### **1.4. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON**

Pháp luật HN&GD nói chung, chế định xác định quan hệ cha, mẹ, con nói riêng hình thành phát triển cùng với sự phát triển của đất nước. Là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, do vậy, pháp luật về xác định quan hệ cha, mẹ, con trước hết chịu sự ảnh hưởng của những yếu tố cơ sở hạ tầng như kinh tế - xã hội, sau đó là những yếu tố thuộc về đời sống con người.

##### ***1.4.1. Ảnh hưởng của yếu tố kinh tế - xã hội đến pháp luật về xác định cha, mẹ, con***

Phù hợp với quy luật tất yếu khách quan là cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, các yếu tố kinh tế - xã hội với vai trò là cơ sở hạ tầng đã đóng vai trò không nhỏ đối với nội dung của pháp luật (với vai trò kiến trúc thượng tầng) nói chung và pháp luật về hôn nhân và gia đình cũng như pháp luật về xác định quan hệ cha, mẹ, con nói riêng. Điều này được thể hiện rõ trong nội dung pháp luật thời kỳ trước và sau năm 1986.

Trước năm 1986, nước ta còn trong nền kinh tế bao cấp, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lúc đó, người ta đề cao các giá trị cộng đồng, xã hội, còn những vấn đề cá nhân không được quan tâm, đặc biệt trong xã hội thời đó, những quan niệm truyền thống vẫn bó buộc các thành viên trong gia đình, do đó, ít xuất hiện những trường hợp phải xác định cha, mẹ, con. Đồng thời, vấn đề về xác định quan hệ cha, mẹ con đã không phát triển trong thời kỳ này.

Sau năm 1986, Nhà nước ta chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Với công cuộc đổi mới, Việt Nam tiến hành công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từng bước đưa Việt Nam thoát khỏi tình trạng kinh tế khép kín, hội nhập với nền kinh tế toàn cầu với thành tựu thể hiện rõ nét nhất là sự



tăng trưởng về kinh tế, cũng như mức sống của người dân không ngừng được nâng lên. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có thể thấy, mặt trái của kinh tế thị trường đã ảnh hưởng không nhỏ đến nội dung pháp luật nói chung cũng như pháp luật HN&GD nói riêng. Với điều kiện kinh tế - xã hội như hiện nay, khi mà “*Sự phân hóa giàu nghèo như là một xu hướng mang tính quy luật trong mọi xã hội, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường*” [24, tr3] đã ảnh hưởng không nhỏ đến vấn đề xác định cha, mẹ, con. Điều đó thể hiện ở những khía cạnh sau:

**Thứ nhất**, kinh tế ngày càng phát triển, đồng nghĩa với việc phân hóa giàu nghèo tăng cao, trong đó một bộ phận người có mức sống cao bắt đầu chạy theo lối sống xa hoa, hưởng thụ. Đồng thời, do sự du nhập của văn hóa Phương Tây vào Việt Nam đã dẫn đến việc tồn tại những lối sống gấp, sống buông thả trong một bộ phận thanh niên hiện nay. Lối sống hưởng thụ tìm kiếm khoái cảm cũng như lối sống buông thả của thanh niên hiện nay đã dẫn tới một tình trạng “*con ngoài giá thú*” cũng như việc không nhận con mình xảy ra. Hơn nữa, hiện nay vấn đề trách nhiệm và nghĩa vụ cũng như các phong tục tập quán và quan niệm truyền thống không còn ảnh hưởng, ràng buộc nhiều đến họ, khi mà tư tưởng “*vật chất quyết định ý thức*” ngày càng phổ biến. Điều đó dẫn đến tình trạng chối bỏ trách nhiệm, không nhận con mình ngày càng phổ biến, ảnh hưởng trực tiếp tới quyền cơ bản của trẻ em. Thực trạng này đòi hỏi pháp luật phải có quy định những căn cứ cụ thể hơn về xác định cha, mẹ, con cho những trường hợp này.

**Thứ hai**, sự đa dạng của các thành phần kinh tế đã dẫn đến sức cạnh tranh của thị trường lao động tìm kiếm việc làm, tăng thu nhập,... dẫn đến một số hiện tượng lạm dụng tình dục, vợ hò, vợ bé của một số người có chức quyền và địa vị kinh tế cao, cùng với tình trạng “*di dân đô thị*” ngày càng phổ biến đã làm cho tình trạng con ngoài giá thú tăng. Điều đó đồng nghĩa là, pháp luật HN&GD cần có những quy định cụ thể hơn các căn cứ pháp lý cho trường hợp xác định quan hệ cha mẹ, con ngoài giá thú.

**Thứ ba**, khi kinh tế phát triển, cùng với nó là sự phát triển khoa học kỹ thuật hiện đại, mà một trong những thành tựu của nó trong HN&GD là việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, sự phát triển vượt bậc này đã mang lại hạnh phúc cho nhiều người. Ở Việt Nam, tình trạng hiếm muộn ngày càng trở nên phổ biến, do vậy việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đã không còn xa lạ với người dân. Tuy nhiên, chính điều này đã làm thay đổi nguyên tắc của việc xác định cha, mẹ, con, làm đảo lộn những quan niệm truyền thống về một người cha, một người mẹ, một đứa con. Do vậy, đòi hỏi pháp luật về xác định cha, mẹ, con điều chỉnh về vấn đề này, và đến nay Luật HN&GD năm 2014 đã quy định nguyên tắc xác định tư cách cha, mẹ, con trong trường hợp đặc biệt này.

Bên cạnh đó, sự phát triển của công nghệ sinh học trong việc giám định tìm kiếm quan hệ huyết thống. Vấn đề này đã giúp ích rất nhiều trong việc giám định về huyết thống một cách chính xác. Việc giám định gen xác định cha, mẹ, con rất có hiệu quả vì tỷ lệ người trùng gen là rất thấp. Pháp luật cần dự liệu những trường hợp cụ thể để nguyên tắc suy đoán xác định cha, mẹ, con chặt chẽ và chính xác hơn, cần phải thừa nhận tính hợp pháp của những kết luận giám định ngoài tổ tụng, coi nó như một chứng cứ hợp pháp để xác định tính chính xác của con hệ cha, mẹ con, khi giải quyết các thủ tục xác định cha, mẹ, con.

#### ***1.4.2. Ảnh hưởng của yếu tố tâm lý đến việc xác định quan hệ cha, mẹ, con***

Tâm lý là "sự phản ánh của hiện thực khách quan vào ý thức con người, bao gồm nhận thức, tình cảm, ý chí... biểu hiện trong hoạt động và chỉ của mỗi người" [34, tr. 897]. Do vậy, tâm lý ảnh hưởng rất lớn đến việc xác định cha, mẹ, con. Điều đó thể hiện rõ ràng ở sự thay đổi tâm lý trong gia đình truyền thống và gia đình hiện đại. Quan hệ cha, mẹ, con là quan hệ huyết thống, ruột thịt, chi phối tình cảm và quyết định đến hành vi xử sự của người cha, người mẹ trong việc tự nguyện hoặc không tự nguyện nhận con.

Trong gia đình truyền thống và tâm lý chung của vợ chồng, người phụ

nữ bị bó buộc bởi những khuôn phép lễ giáo và truyền thống văn hóa, cũng như tư tưởng chung thủy, do vậy, con cái sinh ra đương nhiên được coi là con của người chồng. Chính vì vậy, quan hệ cha mẹ con thường được xác lập về mặt thực tế trước như một lẽ đương nhiên. Pháp luật về xác định cha, mẹ, con dựa vào những mối quan hệ đang tồn tại một cách khách quan, như một sự mặc nhiên thừa nhận. Có thể thấy rằng, yếu tố lịch sử - xã hội đã chi phối rất nhiều tới sự phát triển tâm lý của vợ chồng đối với "sản phẩm" mà vợ chồng tạo nên - "*những đứa con*". Quan hệ cha, mẹ, con thường được thiết lập chủ yếu do tình cảm. Do vậy, khoa học Luật HN&GD coi tình cảm là yếu tố quyết định đến việc phát sinh, tồn tại hay chấm dứt một quan hệ pháp luật HN&GD, và dưới góc độ tâm lý, gia đình đúng nghĩa phải có quan hệ ruột thịt huyết thống, quan hệ cha mẹ con trong gia đình "*phải là quan hệ ruột thịt*" [11, tr. 7].

Trong xã hội hiện đại ngày nay, cùng với sự thay đổi của điều kiện kinh tế xã hội thì yếu tố tâm lý cũng thay đổi. Yếu tố tâm lý cũng thuộc phạm trù kiến trúc thượng tầng, nó bị chi phối bởi cơ sở hạ tầng. Như trên đã phân tích, với sự thay đổi của mức sống, con người đã không chỉ yêu cầu "ăn ngon, mặc đẹp" mà đã tiến tới tìm kiếm, thực hiện những gì mình thích. Với lối sống tìm kiếm sự thỏa mãn cho bản thân, lối sống vội, sống gấp hay chỉ đơn giản là để tăng mức thu nhập, đã làm thay đổi tâm lý của những người vợ, người chồng. Họ chạy theo những mối quan hệ ngoài luồng, thiết lập những mối quan hệ ngoài hôn nhân và có thể để lại những hậu quả nghiêm trọng không chỉ về đời sống tình cảm mà còn là sự xuất hiện của những "*đứa con ngoài giá thú*". Mặt khác, khi những quan niệm về tình yêu, hôn nhân, gia đình trong xã hội hiện đại đã thay đổi theo chiều hướng thoáng hơn, do đó, tâm lý của các bên trong quan hệ vợ chồng đã trở nên thoáng hơn, họ không còn bị mặc cảm dằn vò hay cảm thấy tội lỗi nhiều, thậm chí kể cả khi có những đứa trẻ sinh ra ngoài ý muốn.

Thực trạng này ảnh hưởng lớn đến nguyên tắc suy đoán cha, mẹ, con trong pháp luật về xác định cha, mẹ, con. Bởi vì, khi có con, có rất nhiều trạng thái tâm lý khác biệt. Trong quan hệ có con ngoài giá thú, nếu chủ thể, tự

nguyện nhận con ngoài giá thú, Nhà nước sẽ ghi nhận sự tự nguyện đó. Nếu người cha không tự nguyện nhìn nhận đứa con thì tâm lý chung của người mẹ là sẽ cố gắng chứng minh người đàn ông đó là cha của con mình và nhờ đến sự can thiệp của pháp luật. Trong quan hệ hôn nhân hợp pháp, xu hướng tâm lý xác định cha con khi họ nghi ngờ sự thủy chung của người vợ và đứa trẻ sinh ra không phải con mình, do đó, người chồng nhờ sự can thiệp của khoa học để xác định cha- con. Như vậy, tâm lý là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc xác định cha, mẹ, con mà các nhà lập pháp cần tính đến để pháp luật về xác định cha, mẹ, con đáp ứng được những vấn đề nảy sinh trên thực tế phù hợp với khách quan.

#### ***1.4.3. Ảnh hưởng của yếu tố truyền thống, phong tục, tập quán và đạo đức xã hội đến pháp luật về xác định cha, mẹ, con***

Trong xã hội truyền thống Việt Nam, hôn nhân luôn gắn liền với việc bảo tồn lâu dài nòi giống gia đình, sinh con đẻ cái. Trong gia đình, khi đứa con sinh ra đương nhiên là con chung của vợ chồng. Truyền thống gia đình có ảnh hưởng sâu sắc tới mỗi thành viên trong gia đình từ nhân cách, phẩm giá, cách ứng xử... nó là "thói quen hình thành đã lâu đời trong lối sống và nếp nghĩ, được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác" [34, tr. 1053]. Đây là yếu tố đặc biệt quan trọng mà nhà làm luật đã sử dụng khi xây dựng nguyên tắc suy đoán xác định cha, mẹ, con khi cha mẹ có hôn nhân hợp pháp nhằm đảm bảo sự ổn định, vững chắc trong gia đình. Tuy nhiên, cùng với sự thay đổi điều kiện kinh tế xã hội, yếu tố truyền thống cũng có sự thay đổi. Đặc biệt, trong giới trẻ hiện nay, luôn muốn thoát ra khỏi những khuôn phép mang tính lễ nghi gia giáo, muốn chạy theo cái mới, điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến việc xác định quan hệ cha mẹ, con. Do vậy, việc mở rộng phạm vi xác định con chung của vợ chồng là một thực tế khách quan, cũng như mở rộng hơn nữa tính độc lập của mỗi chủ thể trong việc xác định cha, mẹ, con.

Phong tục tập quán có ảnh hưởng nhất định đến ý thức con người mà đôi khi người ta còn coi trọng phong tục tập quán hơn cả pháp luật. Đặc biệt khi

Việt Nam có tới 54 dân tộc anh em, mỗi dân tộc có những phong tục tập quán riêng. Những phong tục tập quán này có ảnh hưởng không nhỏ đến việc xác định cha, mẹ, con. Do vậy, Luật HN&GD luôn phải tính đến yếu tố này để điều chỉnh các quan hệ về xác định mối quan hệ cha, mẹ, con về mặt huyết thống. Ngoài ra, có những phong tục tập quán lạc hậu như muốn có con trai để nối dõi tông đường, do vậy, xuất hiện tình trạng có con ngoài giá thú, hay tình trạng mang thai hộ, đẻ thuê, nhận con đẻ làm con nuôi... Do đó, pháp luật đương nhiên phải quy định những cơ sở pháp lý để xác định cha, mẹ, con khi cha mẹ không có hôn nhân hợp pháp, quy định cơ sở pháp lý cho việc tự nguyện nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con theo phương pháp khoa học...

Đạo đức cũng là một trong những yếu tố nhất định đến việc điều chỉnh pháp luật về xác định cha, mẹ, con. Đạo đức khác với thể chế xã hội là loại thể chế đặc biệt thường được điều tiết bằng hai yếu tố đó là dư luận và lương tâm, những yếu tố này điều chỉnh quan hệ HN&GD nói chung không kém gì pháp luật. Do vậy, khi xây dựng pháp luật, người ta luôn chú ý vấn đề đạo đức. Đạo đức ở con người được biểu hiện ở năng lực hành động tự nguyện, tự giác và lợi ích của những người khác và xã hội. Một người tự nguyện nhận con, nhận cha, nhận mẹ, xuất phát từ đạo đức lương tâm con người. Điều này có ảnh hưởng nhất định đến việc xây dựng cơ sở pháp lý xác định cha, mẹ, con. Chính vì vậy, pháp luật về xác định cha, mẹ, con quy định hai thủ tục Xác định cha, mẹ con trong trường hợp có sự tự nguyện nhận cha, mẹ, con và trong trường hợp có sự tranh chấp về nhận hoặc không nhận cha, mẹ, con.

### **1.5. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CHẾ ĐỊNH XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON**

Hệ thống pháp luật Việt Nam về xác định cha, mẹ, con trải qua nhiều giai đoạn với các đặc điểm riêng song nhìn chung, có thể đánh giá theo các mốc thời kỳ chính sau đây.

### ***1.5.1. Thời kỳ phong kiến***

Từ xa xưa, trong các bộ cổ luật (Bộ luật Hồng Đức thời nhà Lê và Bộ luật Gia Long thời nhà Nguyễn) cũng đã có những quy định nhằm bảo vệ quyền lợi của trẻ em trong mối quan hệ gia đình như sự công nhận quyền sở hữu tài sản riêng của các con, không cho phép cha, mẹ bán tài sản của con thông qua những quy định bảo vệ quyền thừa kế tuyệt đối của con cái và trừng phạt mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu của các con... Tuy nhiên lại không có không điều khoản nào quy định cụ thể về xác định cha, mẹ, con. Vấn đề này thuộc về phạm vi tục lệ nhiều hơn là phạm vi pháp luật thành văn.

Việc không có quy định cụ thể về vấn đề xác định cha, mẹ, con trong các bộ luật cổ có thể phù hợp với hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ với những thuần phong mỹ tục trong xã hội, trong gia đình và cùng với sự an phận của người phụ nữ, do vậy con cái sinh ra trong thời kỳ giá thú luôn biết rõ người cha đích thực của mình là ai. Điều đó đã làm cho các nhà làm luật an tâm về nguồn gốc của những đứa con do họ sinh ra, chúng thường đích thị là con chính thức của người chồng [12, tr. 62].

Nhà làm luật thời kỳ này chưa quy định căn cứ xác định cha, mẹ, con. Việc xác định cha, mẹ, con được thực hiện theo cách dẫn chứng của tục lệ còn thiếu tính khoa học. Theo tục lệ để kiểm tra, xác định xem có phải đứa con do người vợ đẻ ra là con của người chồng thì người ta sẽ trích lấy hai giọt máu của đứa trẻ và của người chồng của mẹ đứa trẻ vào một bát nước lã, sau đó khuấy lên, nếu thấy hai giọt máu không hòa đồng về màu sắc, trước sự chứng kiến của các hương chức làng xã và gia đình, đứa trẻ đó được coi là con riêng của vợ có với người khác, người chồng không phải có trách nhiệm gì [8, tr. 7-15].

Trong xã hội phong kiến, tư tưởng Nho giáo ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống HN&GD. Quyền gia trưởng của người chồng được thừa nhận, người phụ nữ bị trói buộc bởi thuyết "Tam tòng tứ đức". Theo đó, người phụ nữ có chồng phải tuyệt đối trung thành với chồng; sự kiểm soát chặt chẽ của người chồng đảm bảo con do người vợ sinh ra trong thời kỳ giá thú chắc chắn là con của người chồng. Nếu một người phụ nữ không đoan chính và gây hậu quả thì theo

phong tục và luật định, họ sẽ phải chịu những hình phạt hết sức nghiêm khắc. Luật pháp quy định, nếu phạm "gian dâm với vợ người khác thì bị xử tội lưu hay tội chết..." [35, Điều 401]; Phạt người vợ thông gian và người gian phu 100 trượng, cho phép người chồng được tự ý gả bán vợ cho người khác nếu sự thông gian dẫn đến có con thì đứa con sẽ được xác định là con của hai người thông gian với nhau và người gian phu phải nuôi dưỡng đứa trẻ nếu bị bắt quả tang, hoặc do người vợ nuôi dưỡng nếu lỗi của người này được chứng minh [27, Điều 33].

Theo tục lệ phong kiến, người vợ ngoại tình, có con ngoài giá thú còn có thể bị cạo đầu bôi vôi, thả bè trôi sông... một cách tàn nhẫn. Trong xã hội phong kiến, thực hiện chính sách phân biệt đối xử giữa các con trong gia đình, đặc biệt là phân biệt giữa con trong giá thú và con ngoài giá thú. Pháp luật chỉ quy định hành vi tự nhìn nhận con của người cha và người mẹ đứa trẻ, còn đứa con không thể nhận cha. Do đó, người con chỉ được coi là con chính thức nếu được người cha thừa nhận. Việc không đề cập một cách cụ thể và chi tiết về việc xác định cha, mẹ, con, mối quan hệ cha, mẹ, con là tuyệt đối định đoạt và tuyệt đối phục tùng. Đây được coi là điểm hạn chế của pháp luật thời kỳ này.

### ***1.5.2. Thời kỳ Pháp thuộc***

Trong thời kỳ Pháp thuộc, Bộ Dân luật năm 1931 áp dụng tại Bắc Kỳ (Bộ Dân luật Bắc Kỳ), Bộ Dân luật 1936 áp dụng tại Trung kỳ (Bộ Hoàng Việt Trung kỳ) và Bộ Dân luật giản yếu 1883 áp dụng tại Nam Kỳ. Các Bộ luật trên đều có những quy định rất cụ thể về HN&GD, đặc biệt đã có nhiều chương quy định về nguyên tắc xác định cha, mẹ, con. So với quy định pháp luật trước đây, vấn đề con trong giá thú và con ngoài giá thú của pháp luật thời kỳ này thể hiện sự hoàn thiện hơn.

Pháp luật đã có sự phân biệt giữa "con hoang" và "con chính". Theo đó: con chính được hiểu là con do có giá thú mà sinh ra. Con hoang hay con ngoại tình là con không có giá thú chính thức mà sinh ra. Thời kỳ này, pháp luật chỉ chú trọng tới việc xác định cha cho con mà không quan tâm tới việc xác định mẹ

cho con. Bởi quan hệ mẹ - con là tất yếu xác lập thông qua sự kiện sinh đẻ. Để xác định quan hệ cha - con chính thức thì căn cứ vào giá thú của người mẹ được coi trọng nhất: "Phàm một đứa con nào do một người đàn bà có chính đáng hôn thú bất cứ vợ chính thức hay vợ thứ, thụ thai trong thời kỳ vợ chồng đoàn tụ mà sinh con thời người chồng người đàn bà ấy tức là cha đứa con ấy. Đứa con ấy gọi là đứa con chính" [1, Điều 148].

Khi xác định con chính thức còn dựa vào sự thụ thai của người vợ: "thụ thai trong thời kỳ giá thú, tức là kể từ sau khi đã làm lễ cưới cách ngoại một trăm tám mươi ngày sinh con, hay là kể từ sau khi đã tiêu hôn mà trong khoảng 300 ngày sinh con" [2, Điều 151]. Đây chính là khoảng thời gian mang thai tối thiểu và tối đa của người phụ nữ kể từ khi thụ thai tới lúc sinh con. Chỉ những đứa trẻ sinh ra sau 180 ngày kể từ khi giá thú được xác lập hoặc trong thời gian 300 ngày kể từ khi giá thú đoạn tiêu được coi là con thụ thai trong thời kỳ giá thú. Như vậy, nếu đứa con sinh ra trước 180 ngày kể từ khi lập hôn thú hoặc sau 300 ngày kể từ khi hôn thú chấm dứt thì người cha có quyền khước từ quan hệ cha con. Khi đó, người cha có quyền khởi kiện không nhận đứa con do thụ thai trong thời kỳ giá thú và phải đưa ra các chứng cứ chứng minh đứa trẻ không phải là con của mình. Tuy nhiên, người cha không được khước từ quan hệ cha con đối với những đứa con được sinh ra trước 180 ngày nếu: "Trước khi lập giá thú đã biết người đàn bà ấy có thai; đã chứng kiến việc khai sinh và ký vào chứng thư khai sinh, hay là trong chứng thư ấy đã biên lời khai rằng không biết ký tên" [2, Điều 152].

Pháp luật quy định thời hiệu để khởi kiện không nhận con của người chồng theo luật định là hai tháng kể từ ngày người vợ sinh con. Nếu trong thời gian đó, người chồng đi vắng thì thời hiệu sẽ là hai tháng kể từ khi người chồng trở về. Còn nếu giấu giếm sự sinh đẻ đó thì thời hiệu là hai tháng kể từ khi phát hiện ra sự giấu giếm đó. Hết thời hiệu này người cha không được khởi kiện khước từ quan hệ cha con. Quy định như vậy nhằm để quan hệ cha con được bền vững, tạo ra sự ổn định, an tâm về vị trí của con trong gia đình. Việc pháp luật



thừa nhận "con hoang" thành "con chính thức", đồng thời cho phép việc khai nhận "con hoang" theo ý chí của người cha, người mẹ là những điểm mới, tiến bộ. Tuy nhiên, pháp luật vẫn duy trì chính sách phân biệt đối xử đối với con ngoài giá thú. Nếu là con loạn luân hay con ngoại tình của người mẹ, thì họ không được đăng ký khai nhận đứa con hoang ấy. Nếu họ lại đã trót đăng ký khai nhận đứa con loạn luân hay con ngoại tình đó thì sự khai nhận ấy coi như không và vô hiệu. Về nguyên tắc thì không cho phép người con hoang vô thừa nhận được quyền thừa kế trước Tòa để xác định cha hoặc mẹ của mình. Quy định này thể hiện sự bất công đối với con ngoài giá thú. Tuy nhiên, trong một số trường hợp quy định của pháp luật vẫn cho phép truy tìm cha cho đứa con hoang.

### ***1.5.3. Giai đoạn từ 1945 - 1975***

Dưới chế độ Việt Nam cộng hòa có các văn bản quy định về xác định cha mẹ con chủ yếu sau: Luật Gia đình ngày 02/01/1959 dưới chế độ Ngô Đình Diệm, Sắc luật số 15/64 ngày 23/4/1964 quy định về giá thú, tử hệ và tài sản cộng đồng (dưới thời Nguyễn Khánh), Bộ Dân luật Sài Gòn ngày 20/12/1972. Hầu hết các văn bản pháp luật nói trên đều kế thừa nền tảng quy định của các Bộ Dân luật trước đây, trong đó, việc xác định mối quan hệ cha con rất được coi trọng, do quan điểm cho rằng, quan hệ mẹ con đương nhiên được thừa nhận thông qua sự kiện sinh đẻ còn quan hệ cha con là kết quả của sự thụ thai và việc người cha đó có chắc chắn là cha của đứa con không thì chưa thể khẳng định chính xác được.

Quan hệ cha - con được suy đoán dựa vào sự thụ thai sự kiện sinh đẻ trong thời kỳ hôn thú. Được coi là thụ thai trong thời kỳ hôn thú đứa trẻ nào sinh ra đủ một trăm tám chục ngày sau khi hôn thú thành lập hay không quá ba trăm ngày sau khi hôn thú đoạn tiêu [3, Điều 207]. Như vậy, thời kỳ thai nghén được xác định tối thiểu là 180 ngày, tối đa không quá 300 ngày kể từ ngày thụ thai đứa trẻ. Nếu sinh con ra trước 180 ngày sau khi lập hôn thú hoặc sinh sau 300 ngày kể từ khi hôn nhân chấm dứt thì người cha có thể khước từ quan hệ. Sự

khước từ này đương nhiên được chấp nhận. Nếu người chồng trước khi kết hôn biết rằng người đàn bà đã thụ thai có mặt khi lập giấy khai sinh cho đứa trẻ hay đã tự đứng khai sinh cho đứa trẻ thì không được khước từ phụ hệ.

Để không nhận đứa trẻ thụ thai trong thời kỳ hôn nhân là con mình, người chồng phải minh chứng trong thời gian có thể thụ thai đứa trẻ thì vợ chồng không thể gần gũi nhau vì xa cách, tai nạn rủi ro làm người chồng bất lực; hoặc sự kiện sinh đẻ bị giấu giếm,... Như vậy, điểm tiến bộ của pháp luật thời kỳ này đã giải thích cụ thể các thuật ngữ con chính thức và con hoang. Con chính thức là con được thành thai trong thời kỳ hôn thú [3, Điều 220], [37, Điều 88], [38, Điều 1000],. Còn con hoang là con của cha mẹ không có hôn thú [37, Điều 96], [38, Điều 114].

Giống như các quy định pháp luật trước đây, con ngoại hôn được phép thừa nhận, sự thừa nhận này phụ thuộc vào ý chí của người muốn nhận. Đối với con ngoại hôn do loạn luân hoặc ngoại tình thì không được phép khai nhận. Sự phát triển hơn của pháp luật chính là việc quy định tử hệ ngoại hôn có thể chứng minh bằng chứng thư khai sinh hoặc chứng thư khai nhận. Trong Bộ Dân luật Sài Gòn lại cho phép những người có quyền lợi liên quan có quyền xin hủy bỏ sự thừa nhận ấy (Điều 227). Vấn đề truy tìm mẫu hệ ngoại hôn và truy tìm phụ hệ ngoại hôn cũng được pháp luật quy định nhưng đối với con ngoại tình hay loạn luân không được phép truy tìm mẫu hệ hay phụ hệ. Cha mẹ có hôn thú hợp pháp chính là điều kiện để chính thức hóa con ngoại hôn. Nếu đứa con đã được cha mẹ thừa nhận trước khi lập hôn thú hoặc ngay sau khi lập hôn thú thì tất nhiên sẽ là con ngoại hôn. Ngoài ra, điểm tiến bộ cần phải kể đến là quy định về việc bồi thường cho người mẹ cấp dưỡng cho con tư sinh khi đã được tòa án ra bản án công nhận tại các Điều 234, 235 Bộ Dân luật Sài Gòn. Pháp luật thời kỳ này đã có sự phát triển hơn với sự ghi nhận một số điều luật chính thức hóa con ngoại hôn, truy tìm cha mẹ cho con ngoại hôn.

*- Giai đoạn 1945 - 1954*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh số 97/SL ngày 22/5/1950

sửa đổi một số quy lệ và chế định trong dân luật. Việc xác định cha, mẹ, con đã được quy định trong Sắc lệnh, chủ yếu còn dựa vào các quy định trước đây trong những bộ dân luật cũ. Điểm tiến bộ trong Sắc lệnh là quy định "trong thời kỳ tang chế vẫn có thể lấy vợ lấy chồng được. Song người vợ góa chỉ có thể lấy chồng sau 10 tháng kể từ ngày chồng chết. Nhưng trong thời hạn ấy, người vợ góa vẫn có thể tái giá nếu chứng rõ ràng mình không có thai hoặc đã có thai với chồng trước để tránh sự lẫn lộn về con cái" [4, Điều 3]. Đối với người đàn bà ly dị có thể lấy chồng khác ngay khi có án tuyên ly dị, nếu dẫn chứng rằng mình không có thai hoặc đang có thai. Như vậy, quyền kết hôn của người vợ không bị hạn chế nếu chứng minh về việc có thai hay không với người chồng trước. Điều này giúp xác định đứa trẻ là con của ai trở nên chính xác hơn. Theo tinh thần của điều luật thì thời kỳ thai nghén tối đa của người vợ cũng được tính là 300 ngày kể từ ngày người vợ thụ thai đứa con đó. Ngoài ra, sự phân biệt sâu sắc về con loạn luân và con ngoại tình trước đây không còn nữa. Người con hoang đã được bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Đây là điểm tiến bộ của pháp luật giai đoạn này.

#### *- Giai đoạn 1954 - 1975*

Luật HN&GD năm 1959 quy định quyền xin nhận cha, mẹ, con ngoài giá thú trước Ủy ban hành chính cơ sở (Điều 21) hoặc kiện trước Tòa án (Điều 22). Các chủ thể có quyền khởi kiện ra Tòa án để các định quan hệ cha, mẹ, con ngoài giá thú bao gồm: người con ngoài giá thú đã thành niên, người mẹ của người con ngoài giá thú, người thay mặt cho đứa trẻ ngoài giá thú chưa thành niên. Việc con ngoài giá thú được cha mẹ nhận hoặc được TAND cho nhận cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ như con chính thức [15, Điều 23].

#### **1.5.4. Thời kỳ sau năm 1975**

Sau thắng lời mùa Xuân năm 1975, đất nước ta đã hoàn toàn được độc lập, Bắc Nam sum họp một nhà. Năm 1980, bản Hiến pháp thứ ba của nước ta đã được ban hành thay thế bản Hiến pháp năm 1959, tạo bước tiến mới cho đất nước. Do không phù hợp với tình hình thực tiễn lúc này, Luật HN&GD năm 1959

càng bộc lộ những điểm hạn chế, Luật HN&GD năm 1986 ra đời và vấn đề xác định cha, mẹ, con được quy định tại chương V với sáu điều luật thể hiện sự tiến bộ rõ rệt so với pháp luật trước đây.

Nguyên tắc suy đoán cha, mẹ, con trong giá thú lần đầu tiên được quy định trong Luật HN&GD năm 1986 của Nhà nước ta tại Điều 28: "Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ đó là con chung của vợ chồng. Trong trường hợp có yêu cầu xác định lại vấn đề này thì phải có chứng cứ khác". Cơ sở cho việc suy đoán quan hệ cha - con chính là thời kỳ hôn nhân. Ngoài ra, Luật HN&GD năm 1986 cũng đưa ra khái niệm mới về "con chung", khái niệm "con trong giá thú" thay thế khái niệm "con chính thức".

Đối với việc xác định cha, mẹ, con ngoài giá thú, Luật HN&GD năm 1986 đã mở rộng hơn so với luật HN&GD năm 1959 về quyền yêu cầu xác định quan hệ cha, mẹ, con nếu người con ngoài giá thú đã thành niên thì tự mình yêu cầu, kể cả trong trường hợp cha mẹ đã chết, nếu người con ngoài giá thú chưa thành niên thì người mẹ, người cha, người đỡ đầu có quyền yêu cầu thay, hoặc Viện kiểm sát nhân dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn Việt Nam cũng có quyền yêu cầu thay cho người con chưa thành niên (Điều 31). Sự phân biệt đối xử giữa con trong giá thú và con ngoài giá thú cũng được xóa bỏ theo quy định tại Điều 32 "Con ngoài giá thú được cha, mẹ nhận hoặc được Tòa án nhân dân cho nhận cha, mẹ có mọi quyền và nghĩa vụ như con trong giá thú" [15]. Tuy nhiên, khi yêu cầu xác định cha, mẹ, con các chủ thể phải đưa ra những chứng cứ để chứng minh mối quan hệ này. Tuy nhiên, pháp luật cũng không quy định cụ thể những chứng cứ cụ thể như thế nào.

Điều 30 và Điều 33 Luật HN&GD năm 1986 quy định nếu các bên tự nguyện nhận cha, mẹ, con thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết là Ủy ban nhân dân (UBND); nếu có tranh chấp phát sinh cơ quan có thẩm quyền giải quyết là TAND. Như vậy, thẩm quyền xác định cha, mẹ, con đã được phân định rõ ràng hơn trước với hai thủ tục là thủ tục tư pháp và thủ tục hành chính. Luật HN&GD

năm 1986 đã có những quy định mới phù hợp với quá trình đổi mới đất nước. Song điểm hạn chế lớn của pháp luật là chưa đưa ra được cơ sở pháp lý cho việc xác định cha, mẹ, con ngoài giá thú.

Luật HN&GD năm 2000 ra đời có hiệu lực thi hành từ ngày 01/1/2001 gồm 13 chương, 110 điều, trong đó chế định xác định cha, mẹ, con được quy định tại chương XII (từ Điều 63 đến Điều 66). Quy định đó thể hiện sự phù hợp với bản Hiến pháp năm 1992, cụ thể hóa các quy định của Bộ luật Dân sự (BLDS) về HN&GD. Ngoài ra, còn kế thừa và phát triển các nguyên tắc cơ bản của luật HN&GD năm 1986, đặc biệt là nguyên tắc xác định cha, mẹ cho con trong giá thú. Bên cạnh đó luật còn hủy bỏ những quy định không phù hợp và sửa đổi bổ sung thêm những quy định mới. Điểm mới nổi bật của Luật HN&GD năm 2000 là đổi tên cho chế định từ "xác định cha, mẹ cho con" thành "Xác định cha, mẹ, con". Điều này đã thể hiện được hai loại quan hệ đó là xác định cha, mẹ cho con và ngược lại xác định con cho cha, mẹ. Do đó, tên của chế định này mang tính toàn diện và cụ thể hơn [33, tr. 328].

Tại Điều 63 đã quy định thêm nội dung "con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha, mẹ thừa nhận cũng là con chung của vợ chồng" [18]. Tại khoản 2 điều này quy định về việc xác định con sinh ra theo phương pháp khoa học. Ở Điều 66 cũng quy định về quyền yêu cầu xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc xác định con cho cha, mẹ mất năng lực hành vi dân sự. Tuy nhiên, nguyên tắc suy đoán pháp lý xác định cha, mẹ, con ngoài giá thú vẫn chưa được pháp luật quy định. Bên cạnh đó, pháp luật cũng chưa đưa ra hệ thống chứng cứ cần thiết mà đương sự cần dựa vào đó để chứng minh mối quan hệ cha, mẹ, con để được Tòa án chấp nhận. Điều này gây khó khăn rất lớn cho Tòa án trong quá trình giải quyết tranh chấp về xác định cha, mẹ, con.

Luật HN&GD được sửa đổi năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 đã kế thừa các quy định về việc xác định quan hệ cha, mẹ, con và các thành viên khác trong gia đình. Luật dành riêng chương V để quy định về quan hệ giữa cha mẹ

và con (gồm 34 điều, từ Điều từ Điều 68 đến Điều 102) Chương này quy định về quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản giữa cha mẹ và con; quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con khi ly hôn; hạn chế quyền của cha mẹ đối với con; căn cứ xác định cha, mẹ, con; nhận cha, mẹ, con; xác định con sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

Trong luật HN&GD năm 2014 đã sửa đổi, bổ sung quy định về xác định cha, mẹ, con (từ Điều 88 đến Điều 102). Quy định cụ thể hơn về xác định con chung của vợ chồng, quyền nhận con của cha, mẹ; xác định cha, mẹ, con trong trường hợp người có yêu cầu chết; xác định cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Trong đó, quy định cụ thể: Người vợ sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì việc xác định cha, mẹ được áp dụng theo quy định về xác định con chung của vợ chồng; Trường hợp người phụ nữ sống độc thân sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì người phụ nữ đó là mẹ của con được sinh ra;Việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản không làm phát sinh quan hệ cha, mẹ và con giữa người cho tinh trùng, cho noãn, cho phôi với người con được sinh ra. Con sinh ra trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là con chung của vợ chồng nhờ mang thai hộ kể từ thời điểm con được sinh ra.

Việc bổ sung chế định mang thai hộ vì mục đích nhân đạo với những nội dung cơ bản sau: Quy định các điều kiện pháp lý chặt chẽ để công nhận việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, Quy định cụ thể nội dung thỏa thuận về mang thai hộ.

#### **1.6. CHẾ ĐỊNH XÁC ĐỊNH CHA, MẸ CON THEO PHÁP LUẬT MỘT SỐ NƯỚC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM**

Xác định quan hệ cha, mẹ, con không phải là vấn đề mới, mà đây là vấn đề khá phổ biến trên thế giới. Tuy nhiên, tùy theo bối cảnh chính trị, nền tảng kinh tế- xã hội mà mỗi quốc gia có sự quy định khác nhau về việc xác định cha, mẹ, con. Có nước thừa nhận việc xác định con chung của vợ chồng ngay từ khi đứa trẻ còn nằm trong bụng mẹ [26]. Điều này gắn trách nhiệm của người chồng

ngay từ khi người vợ mang thai. Theo nguyên tắc suy đoán pháp lý thì pháp luật các nước chỉ chú trọng đến quan hệ cha con do người mẹ thụ thai, sinh ra với người chồng của người mẹ đó. Tuy nhiên, tùy thuộc vào quan điểm lập pháp mà mỗi quốc gia quy định nguyên tắc suy đoán pháp lý về xác định cha, mẹ, con có những nét tương đồng và khác biệt. Cụ thể:

### **1.6.1. Pháp luật một số nước về xác định cha, mẹ, con đối với trường hợp cha, mẹ có hôn nhân hợp pháp**

Đối với con trong giá thú, dù có những đặc điểm khác nhau, nhưng pháp luật các nước chủ yếu nhấn mạnh đến quan hệ cha, con. Từ đó, pháp luật đã xây dựng những căn cứ pháp lý để xác định quan hệ cha con. Ví dụ, theo pháp luật gia đình Cộng hòa Liên Bang Đức, quan hệ mẹ – con và cha - con là mối quan hệ huyết thống theo quy luật sinh học. Theo quy luật này, đứa trẻ được thụ thai từ trứng của một người phụ nữ và tinh trùng của một người đàn ông. Những người này là cha mẹ của một đứa trẻ [10]. Về quan hệ mẹ- con, Luật gia đình Đức xác định rõ trong điều 1591 BLDS người mẹ của một đứa trẻ là người phụ nữ sinh ra nó. Như vậy, mọi quan hệ pháp luật giữa mẹ - con (cấp dưỡng, thừa kế,...) chỉ phát sinh giữa đứa trẻ và người sinh ra nó và họ hàng của người này. Khác với quan hệ mẹ - con, trong việc xác định quan hệ cha-con không chỉ có yếu tố sinh học mà cần có thêm một yếu tố pháp lý. Luật Gia đình Đức xác nhận quan hệ cha con theo những yếu tố sau: a) cha của đứa trẻ là chồng của người phụ nữ vào thời điểm người này sinh con; hoặc b) là người khai công nhận quan hệ cha - con với đứa trẻ hay c) là người được xác định là cha của đứa trẻ qua quyết định của Tòa án gia đình. Quan hệ cha - con được xác định theo hai trường hợp a) và b) có thể được hủy bỏ theo yêu cầu trước Tòa án gia đình [27].

Còn pháp luật Thụy điển quy định: con trong giá thú là vào thời điểm mà đứa trẻ ra đời mà mẹ của nó có hôn nhân thì chồng của mẹ nó được xác định là cha của đứa trẻ, trừ trường hợp pháp luật quy định khác. Điều đó cũng áp dụng khi người mẹ góa sinh ra đứa trẻ trong khoảng thời gian sau khi người chồng chết mà người đó rõ ràng được thụ thai vào thời gian trước khi người chồng

chết. Như vậy, pháp luật không cần quy định trường hợp có thai trong thời kỳ hôn nhân, mà chỉ quy định trường hợp sinh con trong thời kỳ hôn nhân và thêm một trường hợp đặc biệt khi xác định con của người chồng đã chết nếu đứa con đó được thụ thai trước khi phát sinh sự kiện chết.

Khác với các nước phương Tây, pháp luật các nước châu Á có sự quy định chặt chẽ hơn về việc xác định quan hệ cha – con trong giá thú. Ví dụ, theo pháp luật Hôn nhân và gia đình của Nhật Bản, thì đứa trẻ chỉ được coi là con của người chồng khi người mẹ thai nghén trong thời kỳ hôn nhân. Tức là con sinh ra sau 200 ngày kể từ khi kết hôn hoặc trong phạm vi 300 ngày từ khi hôn nhân bị hủy bỏ, bị vô hiệu (Điều 722 – BLDS Nhật Bản). Pháp luật Trung Quốc cũng có quy định tương tự Nhật Bản về con trong giá thú nhưng cụ thể hơn, đứa con hợp pháp là đứa con do được thụ thai từ quan hệ hôn nhân, thời gian thụ thai là khoảng thời gian giữa ngày thứ 181 và ngày thứ 302, kể cả hai ngày đó, trước ngày sinh đứa trẻ. Như vậy, pháp luật Trung Quốc đã quy định cả thời gian mang thai tối thiểu và tối đa tính từ ngày sinh đứa trẻ và ngược lại, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định tại thời điểm thụ thai vợ chồng có quan hệ sinh lý với nhau hay không. Khi người vợ đã có thai trong suốt thời gian tồn tại hôn nhân, đứa trẻ sinh ra được coi là con hợp pháp.

#### **1.6.2. Pháp luật một số nước về xác định quan hệ cha, mẹ, con đối với trường hợp cha mẹ không có hôn nhân hợp pháp**

Đối với con ngoài giá thú, trên thực tế, trên thực tế, quan hệ huyết thống hôn nhân thường chỉ được thừa nhận khi người cha công nhận con. Điều này, dựa trên quan điểm luôn lấy sự tự nguyện của người cha làm cơ sở hình thành quan hệ cha con, vì đây là một quan hệ rất phức tạp và không có chứng cứ chắc chắn. Vì vậy, đa số pháp luật các nước đều quy định các thủ tục xác định quan hệ cha mẹ và con ngoài giá thú.

Theo pháp luật Trung Quốc, quan hệ giữa cha mẹ và con ngoài giá thú được quy định như sau: người mẹ hoặc người giám hộ cho đứa con ngoài giá thú có quyền kiện đòi sự thừa nhận của người cha trong một số trường hợp như sự



thật là người mẹ và người đàn ông là cha của đứa trẻ đã ăn ở với nhau như vợ chồng trong suốt thời gian thụ thai đứa con; có những tài liệu chứng minh có quan hệ hcha và con; trong thời kỳ thụ thai đứa con, người mẹ đã bị hiếp dâm, hoặc bị dụ dỗ, quyến rũ bởi người cha của đứa con; người mẹ đã có quan hệ sinh lý với người cha vì người cha đó đã lạm dụng quyền lực uy hiếp người mẹ. Như vậy, pháp luật Trung Quốc đã quy định đứa con ngoài giá thú được người cha nhìn nhận thì trở thành con hợp pháp và đã nhận thì không được từ chối nữa. Hay nói cách khác, các nhà làm luật Trung Quốc chỉ quan tâm đến sự sinh đẻ của người mẹ và sự nhìn nhận của người cha mà không quan tâm đến việc cha mẹ của đứa trẻ đó có kết hôn hợp pháp hay không. Việc quy định này nhằm mục đích ổn định quan hệ cha mẹ và con cũng như bảo vệ sự ổn định của cấu trúc gia đình, việc quy định như thế này có thể xem là khá toàn diện. Pháp luật Nhật Bản cũng có quy định tương tự. Nhưng có một điểm đặc biệt là chấp nhận sự thừa nhận con ngay cả khi đứa con còn trong bụng mẹ, nếu có sự đồng ý của người mẹ, thậm chí có thể nhận con ngay cả khi đứa trẻ bị chết khi những người thân trực hệ của đứa con còn sống và không có sự phản đối (Điều 783 BLDS Nhật Bản).

### **1.6.3. Pháp luật một số nước về xác định cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con theo phương pháp khoa học**

Việc sinh con bằng phương pháp khoa học không còn là hiếm, pháp luật các nước có những quy định khác nhau cho vấn đề này. Tuy nhiên, việc sinh con theo phương pháp khoa học đã làm nảy sinh sự tranh chấp quan hệ cha mẹ và con về mặt sinh học và ý chí. Chính vì vậy cũng dẫn đến sự phức tạp cho việc xác định cha, mẹ, con theo phương pháp khoa học. Từ tinh thần của những quy định của pháp luật các nước trên thế giới như Pháp, Mỹ, Thụy Điển... có thể thấy, pháp luật hầu hết các nước đều xác định cặp vợ chồng vô sinh hoặc cặp chung sống như vợ chồng đương nhiên là cha, mẹ của đứa con sinh ra theo phương pháp khoa học. Đứa con không được xác lập quan hệ cha mẹ và con với người cho tinh trùng, cho trứng (Điều 311-19 – BLDS Pháp; Điều 6,7 – Luật

cha mẹ và con của Thụy Điển). Theo pháp luật hầu hết các nước thì việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con theo phương pháp khoa học, về nguyên tắc, không được xác định lại như các trường hợp thông thường khác (Điều 311-19 – BLDS Pháp) [12, tr75].

Như vậy, pháp luật các nước trên thế giới đã có những nét tương đồng và khác biệt so với pháp luật Việt Nam về vấn đề xác định cha, mẹ, con. Việc tìm hiểu pháp luật các nước trên thế giới về việc xác định quan hệ cha, mẹ, con sẽ để lại những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc hoàn thiện chế định quan trọng này.

## *Chương 2*

# **PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

## **2.1. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON**

### *2.1.1. Cơ sở pháp lý xác định cha, mẹ, con*

#### *2.1.1.1. Xác định cha, mẹ và con trong trường hợp cha, mẹ có hôn nhân hợp pháp*

Như đã phân tích, con trong trường hợp cha, mẹ có hôn nhân hợp pháp hay “*Con trong giá thú*” là con của cặp vợ chồng có quan hệ hôn nhân được Nhà nước thừa nhận. Việc xác định quan hệ cha, mẹ, con trong gia đình được quy định một cách cụ thể, rõ ràng trong Luật HN&GD Việt Nam 2014 cũng như các văn bản pháp luật về hộ tịch. Theo đó, nguyên tắc suy đoán pháp lý xác định cha, mẹ, con trong giá thú được quy định tại Điều 88 Luật HN&GD năm 2014 như sau:

“1. Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng.

Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân.

Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng.

2. Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định” [23].

Theo nội dung quy định này, căn cứ để suy đoán mối quan hệ cha, mẹ, con trong giá thú bao gồm: thời kỳ hôn nhân; trên cơ sở thụ thai và sự kiện sinh đẻ của người mẹ; sự thừa nhận của cha mẹ và con. Ngoài ra, pháp luật còn quy định

về các trường hợp suy đoán con chung của vợ chồng trong một số trường hợp như sau:

❖ *Căn cứ vào thời kỳ hôn nhân*

Như trên đã phân tích, thời kỳ hôn nhân được coi là một căn cứ quan trọng nhất để xác định tính đương nhiên hoặc không đương nhiên trong việc xác định cha, mẹ, con. Đây chính là căn cứ để suy đoán mối quan hệ cha, mẹ, con phổ biến nhất hiện nay. Thời kỳ hôn nhân là khoảng thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng, tính từ ngày đăng ký kết hôn đến ngày chấm dứt hôn nhân. Theo thủ tục đăng ký kết hôn, ngày đăng ký kết hôn sẽ được tính từ ngày hai bên nam nữ ký vào giấy chứng nhận kết hôn và được cán bộ tư pháp hộ tịch ghi vào sổ đăng ký kết hôn, UBND cấp giấy chứng nhận kết hôn, kể từ ngày này, đôi nam nữ được công nhận là vợ chồng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân chấm dứt khi một trong hai bên vợ hoặc chồng bị chết, bị tuyên bố là đã chết hoặc hai bên được Tòa án cho phép ly hôn bằng bản án hay quyết định thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật. Nếu người vợ sinh con trong thời kỳ hôn nhân này, về nguyên tắc con đó được xác định là con chung của hai vợ chồng.

Tuy nhiên, việc xác định thời kỳ hôn nhân trong một số trường hợp còn gặp nhiều vướng mắc như: Ở trường hợp không có thời kỳ hôn nhân thì thời điểm bắt đầu của thời kỳ hôn nhân được tính từ bao giờ? Có quan điểm cho rằng, thời điểm bắt đầu thời kỳ hôn nhân được tính từ ngày đăng ký kết hôn. Nhận thấy, thời điểm này chưa phù hợp vì khi đó, con sinh ra trước thời điểm không còn sự vi phạm điều kiện kết hôn mà sau đó quan hệ giữa hai bên được công nhận hợp pháp thì con đó là con sinh ra trước thời kỳ hôn nhân.

-Với trường hợp nam nữ chung sống như vợ chồng theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000, cách tính thời kỳ hôn nhân còn nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp. Do đó pháp luật cần quy định cụ thể hơn để đảm bảo cho việc áp dụng nguyên tắc suy đoán pháp lý xác định cha, mẹ, con được chính xác.

❖ *Căn cứ dựa trên cơ sở thụ thai và sự kiện sinh đẻ của người mẹ đưa trẻ*

“*Thụ thai*” và “*sinh đẻ*” là hai sự kiện nối tiếp nhau để hình thành nên sản phẩm của cha, mẹ - những đứa con. Pháp luật quy định rằng, những đứa trẻ được sinh ra trong vòng 300 ngày kể từ khi hôn nhân chấm dứt trước pháp luật, đứa trẻ mặc nhiên được xác định là con do người vợ có thai với người chồng. Điều này được xác định bằng việc người mẹ đã “*thụ thai*” trong thời kỳ hôn nhân, quan hệ giữa hai vợ chồng còn tồn tại về mặt pháp luật. Điều đó cũng đồng nghĩa pháp luật đã mở rộng căn cứ suy đoán pháp lý về xác định quan hệ cha, mẹ, con. Việc mở rộng căn cứ suy đoán pháp lý này có ý nghĩa sâu sắc với việc xác định cha, mẹ, con góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người liên quan và đặc biệt là quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ và trẻ em.

❖ *Căn cứ vào sự thừa nhận của cha mẹ và con*

Căn cứ này được áp dụng với trường hợp con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn. Điều kiện để xác định đứa trẻ là con trong giá thú của vợ chồng là dựa vào việc đăng ký kết hôn của cha, mẹ đứa trẻ và sự thừa nhận đứa trẻ đó là con chung của vợ chồng. Điều 88 Luật HN&GD năm 2014 quy định: Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng; Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định.

Trên thực tế, khi người vợ sinh con, người chồng đã làm giấy khai sinh cho đứa trẻ, lấy họ của mình làm họ cho đứa trẻ, và lấy họ tên mình là họ tên cha của đứa trẻ. Pháp luật không can thiệp sâu vào mối quan hệ này, nhằm đảm bảo rằng đứa trẻ được sống trong tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc của cha mẹ.

Trường hợp người chồng nghi ngờ vợ đã ngoại tình với người khác sau khi vợ sinh con mà không thừa nhận đứa trẻ đó là con của mình thì phải có nghĩa vụ chứng minh. Việc chứng minh của người chồng dựa trên sự thừa nhận của người vợ là đã có thai với người khác từ trước khi kết hôn hoặc người chồng mắc bệnh vô sinh, bị bất lực hoàn toàn về sinh lý, không thể có khả năng có con,

người chồng vắng nhà không thể có quan hệ vợ chồng,... ở vào thời kỳ người vợ có khả năng thụ thai đứa con đó hoặc có thể trung cầu giám định về gen. Nếu người chồng chỉ vì nghi ngờ mà không chứng minh được thì Tòa án vẫn buộc họ phải nhận con do người vợ sinh ra là con chung của hai vợ chồng. Nhận thấy, với trường hợp này, Tòa án cần tiến hành điều tra, đánh giá vụ việc rồi mới đi đến kết luận cụ thể.

Thực tiễn còn xảy ra nhiều vụ việc nhận nhầm trẻ em hoặc trẻ em bị cố tính đánh tráo. Nếu cha mẹ không thừa nhận những đứa trẻ trong trường hợp này là con của mình thì họ cũng phải cung cấp chứng cứ để chứng minh. Hiện nay, pháp luật chưa có quy định cụ thể về vấn đề này dẫn đến khó giải quyết trên thực tế.

❖ *Các trường hợp được suy đoán là con chung của vợ chồng*

Con chung của vợ chồng là con mà vợ chồng được xác định là cha, mẹ của đứa con đó. Theo quy định tại Điều 88 Luật HN&GD năm 2014, với nguyên tắc suy đoán pháp lý xác định cha, mẹ, con thì con chung của vợ chồng được xác định trong các trường hợp:

- Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha, mẹ thừa nhận.

Trên thực tế, có nhiều đôi nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng, khi có con chung họ mới tiến hành kết hôn. Do vậy, khi người phụ nữ sinh con, họ chưa thành vợ chồng hợp pháp nên đứa trẻ không được coi là con trong giá thú. Theo quy định pháp luật, sau khi cha mẹ kết hôn và thừa nhận con thì đứa trẻ đó sẽ trở thành con chung của vợ chồng và là con trong giá thú. Quy định này là phù hợp với tình hình thực tế.

+ Con được thụ thai trước ngày đăng ký kết hôn và sinh ra trong thời kỳ hôn nhân. Pháp luật quy định con được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng mà không quy định rõ ràng thời gian mang thai tối thiểu bắt buộc kể từ ngày đăng ký kết hôn. Đứa trẻ chỉ cần sinh ra trong thời kỳ hôn nhân thì đương nhiên được xác định là con chung của vợ chồng. Việc pháp luật quy định như vậy giúp người phụ nữ yên tâm thực hiện thiên chức của mình, đảm

bảo ổn định quan hệ cha, mẹ, con. Tuy nhiên, quy định như vậy vẫn chưa đảm bảo được sự toàn diện của pháp luật, pháp luật cần có dự liệu về thời gian mang thai tối thiểu.

+ Con được thụ thai trước ngày đăng ký kết hôn và sinh ra sau khi quan hệ hôn nhân chấm dứt. Trong trường hợp này, người vợ thụ thai trước ngày đăng ký kết hôn và mang thai trong thời kỳ hôn nhân nhưng lại sinh con sau khi hôn nhân chấm dứt (do người chồng chết hoặc ly hôn). Đây được xem là trường hợp đặc biệt của nguyên tắc suy đoán pháp lý về xác định cha, mẹ, con. Tuy nhiên, trên thực tế xảy ra trường hợp người phụ nữ sau khi chấm dứt hôn nhân đã kết hôn ngay với người khác rồi sinh con. Vậy, người chồng trong quan hệ hôn nhân trước hay người chồng trong quan hệ hôn nhân sau sẽ là cha của đứa trẻ? Do người phụ nữ đã thụ thai trong thời kỳ hôn nhân trước nhưng lại sinh con trong thời kỳ hôn nhân sau. Nên chăng pháp luật thực định cần đưa ra giải pháp phù hợp cho thực trạng này.

- Con do người vợ thụ thai và sinh ra trong thời kỳ hôn nhân: trường hợp này được pháp luật mặc nhiên thừa nhận là con chung của vợ chồng. Nguyên tắc này hoàn toàn phù hợp với sự phát triển tự nhiên về mặt sinh học, đạo lý thông thường và dễ dàng được xã hội thừa nhận.

- Con được thụ thai trong thời kỳ hôn nhân nhưng sinh ra sau khi hôn nhân chấm dứt một thời gian theo luật định: thời gian này được tính là 300 ngày kể từ khi hôn nhân chấm dứt trước pháp luật mà người vợ sinh con thì con đó là con chung của vợ chồng. Trường hợp người vợ không đợi sau 300 ngày đã kết hôn ngay với người khác, nếu sau này người vợ đó sinh con thì con được xác định là con chung của người vợ đó với người chồng lấy sau theo nguyên tắc suy đoán con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Việc pháp luật quy định thời hạn tối đa như trên là phù hợp với khoa học, với quy định trong luật quốc tế. Tuy nhiên, pháp luật lại thể hiện sự thiếu sót khi không quy định thời gian mang thai tối thiểu, điều này có thể dẫn đến việc xác định sai lầm về thời kỳ thụ thai đứa trẻ, dẫn đến việc xác định cha, mẹ cho đứa trẻ có độ

chính xác không cao. Do đó, pháp luật cần đưa ra quy định cụ thể về thời gian mang thai tối đa và thời gian mang thai tối thiểu để xác định con chung của vợ chồng sau khi hôn nhân chấm dứt.

### ***2.1.1.2. Xác định cha, mẹ và con trong trường hợp cha, mẹ không có hôn nhân hợp pháp***

Như nội dung phân tích tại mục 1.1.2, con trong trường hợp cha mẹ không có hôn nhân hợp pháp hay thường gọi là “con ngoài giá thú” là con được sinh ra từ một cặp cha mẹ không có quan hệ hôn nhân hoặc quan hệ hôn nhân không được nhà nước công nhận hợp pháp. Trường hợp này, không thể căn cứ vào thời kỳ hôn nhân mà người chồng mặc nhiên được xác định là cha của đứa con được. Vì vậy, việc xác định cha, mẹ, con ngoài giá thú dựa vào các căn cứ như: thời điểm thụ thai, thời gian mang thai và thời điểm sinh con; căn cứ vào khoảng thời gian hai bên nam nữ quan hệ tình dục; căn cứ vào mối quan hệ cha mẹ và con trên thực tế. Các trường hợp sinh con ngoài giá thú là:

- Hai bên nam nữ chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống có con chung với nhau;
- Người mẹ không có chồng mà sinh con;
- Người mẹ có chồng nhưng ngoại tình và sinh con với người khác;
- Người phụ nữ bị hiếp dâm, cưỡng dâm sau đó sinh con,....

Trong trường hợp này, hai bên cha, mẹ đã không thiết lập mối quan hệ hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ - chồng. Luật HN&GD năm 2014 quy định về việc xác định cha, mẹ, con từ Điều 88 đến Điều 94. Theo đó, pháp luật chỉ dừng lại ở việc quy định về quyền yêu cầu xác định cha, mẹ, con còn cơ sở pháp lý để thực hiện quyền yêu cầu được xác định thì chưa có quy định cho các trường hợp cụ thể. Điều này dẫn đến thực tiễn nảy sinh các vụ án khởi kiện về vấn đề xác định cha, mẹ, con ngoài giá thú gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thụ lý và giải quyết. Trên thực tế, vì lý do danh dự, uy tín, thể diện,... dẫn đến cha của đứa con ngoài giá thú đó



không muốn nhận con mình, họ sẽ tìm mọi cách để từ chối giám định AND, chối bỏ quan hệ cha - con, làm cho việc xét xử các vụ kiện này gặp nhiều khó khăn, trở ngại.

Pháp luật quy định, khi muốn yêu cầu xác định một người là con của họ hay không phải là con của họ thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định. Như vậy, về mặt nguyên tắc khi khởi kiện các đương sự phải đưa ra được các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở. Tuy nhiên, những chứng cứ mà đương sự dựa vào đó để chứng minh mối quan hệ cha, mẹ, con thì lại chưa được pháp luật quy định. Điều này, đòi hỏi pháp luật cần dự liệu các chứng cứ có thể có trong vụ án xác định cha, mẹ, con để giải quyết thấu đáo các tranh chấp xảy ra trong thực tế. Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, cần kết hợp với các biện pháp khác như giám định y học, giám định về gen... khi có yêu cầu. Tuy nhiên, biện pháp này hiện nay chưa phổ biến và chi phí rất cao, gây khó khăn cho đương sự khi phải chứng minh có quan hệ cha - con. Đồng thời, đòi hỏi Tòa án cần đánh giá tổng hợp các chứng cứ để có quyết định chính xác, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

### ***2.1.1.3. Xác định cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản***

Sinh con được thực hiện bằng các biện pháp hỗ trợ sinh sản như thụ tinh nhân tạo và thụ tinh trong ống nghiệm [23, khoản 21, Điều 3]. Trong đó, thụ tinh theo ống nghiệm là sự kết hợp giữa noãn và tinh trùng trong ống nghiệm để tạo thành phôi.

Luật HN&GD năm 2014 quy định về việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản tại Điều 93:

1. Trong trường hợp người vợ sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì việc xác định cha, mẹ được áp dụng theo quy định tại Điều 88 của Luật này.
2. Trong trường hợp người phụ nữ sống độc thân sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì người phụ nữ đó là mẹ của con được

sinh ra.

3. Việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản không làm phát sinh quan hệ cha, mẹ và con giữa người cho tinh trùng, cho noãn, cho phôi với người con được sinh ra.

4. Việc xác định cha, mẹ trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo được áp dụng theo quy định tại Điều 94 của Luật này [23].

Đối tượng áp dụng của phương pháp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là cặp vợ chồng vô sinh hoặc phụ nữ độc thân. Những người này được xác định là cha, mẹ đối với đứa trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

- Đối với cặp vợ chồng vô sinh: Điều kiện để được áp dụng biện pháp hỗ trợ sinh sản phải là vợ chồng hợp pháp. Theo quy định tại khoản 3 điều 2 và khoản 1 điều 3 của Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, “Cặp vợ chồng vô sinh và phụ nữ độc thân có quyền sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm theo chỉ định của bác sĩ chuyên khoa”, như vậy pháp luật mới chỉ quy định một cách chung chung về tình trạng vô sinh. Trong thời kỳ hôn nhân, sự kiện sinh đẻ của người vợ trong cặp vợ chồng vô sinh là cơ sở để phát sinh mối quan hệ cha, mẹ, con. Do đó, dựa vào sự kiện sinh đẻ thì quan hệ giữa mẹ - con là tất yếu. Con sinh ra nhờ biện pháp hỗ trợ sinh sản trong thời kỳ hôn nhân sẽ mặc nhiên được pháp luật thừa nhận mối liên hệ cha - con.

Việc sinh con theo bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản chỉ được thực hiện khi có sự tự nguyện của cặp vợ chồng vô sinh. Như vậy, người vợ trong cặp vợ chồng vô sinh được xác định là mẹ của đứa trẻ trong mọi trường hợp kể cả người mẹ nhận noãn hoặc phôi của người khác. Người chồng hợp pháp của mẹ đứa trẻ là cha của đứa trẻ, ngay cả trong trường hợp người chồng không phải là người cho tinh trùng. Trường hợp họ không muốn thừa con thì cũng không được yêu cầu xác định lại vì theo pháp luật, quan hệ cha, mẹ, con là tất yếu không thể

phủ nhận được. Trên thực tế, xảy ra một số trường hợp như trong quá trình thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì các chủ thể thay đổi ý chí, như vậy sẽ giải quyết ra sao? Hay trường hợp người chồng trong cặp vợ chồng vô sinh chết, mất tích... thì có tiếp tục thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản nữa hay không? Vấn đề này, cần được pháp luật dự liệu và có quy định hướng dẫn cụ thể, tránh gây lúng túng, khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền khi giải quyết những vụ việc về xác định cha, mẹ, con trong trường hợp này.

- Đối với người phụ nữ độc thân: việc xác định cha, mẹ, con dựa trên sự tự nguyện và sự kiện sinh đẻ của chính họ. Người phụ nữ độc thân là mẹ của đứa trẻ vì chỉ tồn tại quan hệ mẹ - con, họ không được quyền yêu cầu xác định cha cho con mình. Pháp luật quy định cho phép phụ nữ độc thân được nhận tinh trùng và nhận phôi trong trường hợp người này không có noãn hoặc noãn không bảo đảm chất lượng để thụ thai. Việc nhận phôi có nhiều nét giống với mang thai hộ, do vậy, pháp luật cần quy định cụ thể các điều kiện cho và nhận phôi nhằm ngăn chặn hành vi người phụ nữ độc thân lợi dụng việc nhận phôi để mang thai hộ. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam vẫn chưa dự liệu đến trường hợp người con sinh ra từ người mẹ độc thân sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản có yêu cầu xác định cha cho mình thì giải quyết ra sao, trong khi quy định tại khoản 4 điều 3 và khoản 3 điều 4 của Nghị định 10/2015/NĐ-CP đã nêu rõ “Việc cho và nhận tinh trùng, cho và nhận phôi được thực hiện trên nguyên tắc vô danh giữa người cho và người nhận”; “Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không được cung cấp tên, tuổi, địa chỉ và hình ảnh của người cho tinh trùng”.

Trên thực tế, trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản có thể xảy ra sự việc khi đứa con đó lớn lên lại kết hôn với người cùng huyết thống. Về bản chất, người cho tinh trùng, cho noãn, cho phôi chính là cha, mẹ ruột của người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Theo đó, con của họ sẽ là anh, chị, em ruột với người đó. Nếu không may, chính anh, em ruột lại kết hôn với nhau sẽ là hệ lụy không nhỏ về vấn đề đạo đức, ảnh hưởng đến con cái của chính họ sau này. Nên chăng, pháp luật cần xây dựng các giải pháp riêng dành

cho những người được sinh ra bằng phương pháp khoa học khi họ kết hôn.

Mặt khác, việc sinh con bằng phương pháp khoa học dựa vào quá trình thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, nên thời gian từ khi hình thành phôi, thai cho đến khi trẻ ra đời sẽ lâu hơn việc thụ thai tự nhiên. Theo quy định của Luật HN&GD năm 2014 để xác định con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là 300 ngày tính từ thời điểm hôn nhân chấm dứt là không hợp lý với trường hợp con chung của cặp vợ chồng vô sinh, cần có quy định cụ thể về vấn đề này.

#### ***2.1.1.4. Xác định cha, mẹ, con trong trường hợp mang thai vì mục đích nhân đạo***

Luật HN&GD năm 2014 đã chính thức thừa nhận và cho phép mang thai hộ với mục đích nhân đạo (cụ thể từ Điều 93 đến Điều 98), song phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên và được lập thành văn bản. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3: thì mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là việc một người phụ nữ tự nguyện, không vì mục đích thương mại giúp mang thai cho cặp vợ chồng mà người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi đã áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, bằng việc lấy noãn của người vợ và tinh trùng của người chồng để thụ tinh trong ống nghiệm, sau đó cấy vào tử cung của người phụ nữ tự nguyện mang thai để người này mang thai và sinh con.

Việc mang thai hộ chỉ được áp dụng khi có đầy đủ các điều kiện cụ thể theo quy định pháp luật. Pháp luật quy định các điều kiện cụ thể, chặt chẽ về điều kiện mang thai hộ nhằm hạn chế tình trạng mang thai hộ vì mục đích thương mại (dịch vụ đẻ thuê, bán con...) với quy định này đã phản ánh được thực trạng hiện nay, và đáp ứng với tình hình phát triển thực tế của các mối quan hệ trong hôn nhân và gia đình.

Theo đó, các cặp vợ chồng vì lý do nào đó không thể tự sinh con có quyền nhờ người mang thai hộ khi có đủ các điều kiện, gồm: Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về việc người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; Vợ chồng đang không có con chung; đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý. Mặt khác, pháp luật cũng quy định người mang

thai hộ phải là người thân thích cùng hàng để ngăn ngừa tình trạng thương mại hóa việc mang thai hộ. Như vậy, người được nhờ mang thai hộ phải có đủ 5 điều kiện: Là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ; đã từng sinh con và chỉ được mang thai hộ một lần; ở độ tuổi phù hợp và có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về khả năng mang thai hộ; trường hợp người phụ nữ mang thai hộ có chồng thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người chồng và đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.

Việc sinh con do mang thai hộ không tính vào số con của người mang thai hộ. Trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ từ chối nhận con, thì bên mang thai hộ có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên nhờ mang thai hộ nhận con. Trong trường hợp bên mang thai hộ từ chối giao con, thì bên nhờ mang thai hộ có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên mang thai hộ giao con. Trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ chết, thì con được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bên nhờ mang thai hộ...

Thỏa thuận về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo phải bảo đảm các điều kiện:

+ Lập thành văn bản có công chứng. Trong trường hợp vợ chồng bên nhờ mang thai hộ ủy quyền cho nhau hoặc vợ chồng bên mang thai hộ ủy quyền cho nhau về việc thỏa thuận thì việc ủy quyền phải lập thành văn bản có công chứng hoặc chứng thực. Việc ủy quyền cho người thứ ba không được công nhận. Trong trường hợp thỏa thuận về mang thai hộ giữa bên mang thai hộ và bên nhờ mang thai hộ được lập cùng với thỏa thuận giữa họ với cơ sở y tế thực hiện việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì thỏa thuận này phải có xác nhận của người có thẩm quyền của cơ sở y tế này.

+ Có thông tin đầy đủ về bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ theo các điều kiện có liên quan.

+ Quyền, nghĩa vụ về hỗ trợ để bảo đảm sức khỏe sinh sản cho người mang thai hộ trong thời gian mang thai và sinh con, việc nhận con của bên nhờ mang thai hộ, quyền và nghĩa vụ của hai bên đối với con trong trường hợp con

chưa được giao cho bên nhờ mang thai hộ và các quyền, nghĩa vụ.

+ Trách nhiệm dân sự trong trường hợp một hoặc cả hai bên vi phạm cam kết theo thỏa thuận.

Bên mang thai hộ có quyền, nghĩa vụ như cha mẹ trong việc chăm sóc sức khỏe sinh sản và chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ; phải giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ theo thỏa thuận. Quyền, nghĩa vụ của bên nhờ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo đối với con phát sinh kể từ thời điểm con được sinh ra, ngay cả trong trường hợp bên mang thai hộ chưa giao con cho họ. Bên nhờ mang thai hộ không được từ chối nhận con. Trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ chậm nhận con, không nhận con hoặc vi phạm nghĩa vụ về nuôi dưỡng, chăm sóc con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của Luật này, nếu gây thiệt hại cho bên mang thai hộ thì phải bồi thường theo thỏa thuận; không có thỏa thuận thì theo quy định của BLDS; Trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ chết thì con vẫn được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bên nhờ mang thai hộ. Giữa con sinh ra từ việc mang thai hộ với các thành viên khác của gia đình bên nhờ mang thai hộ có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật HN &GD năm 2014, BLDS và các luật khác có liên quan.

❖ *Giải quyết tranh chấp liên quan đến việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo*

Tòa án là cơ quan có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ. Trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ không còn mà bên mang thai hộ không nhận nuôi đứa trẻ, thì Tòa án chỉ định người giám hộ cho đứa trẻ theo quy định của BLDS. Trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ không nhận con và bên mang thai hộ không tự nguyện chăm sóc, nuôi dưỡng đứa trẻ, thì Tòa án chỉ định người giám hộ cho đứa trẻ, bên nhờ mang thai hộ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Việc bổ sung quy định mang thai hộ vì mục đích nhân đạo thể hiện tính nhân văn sâu sắc, đáp ứng nhu cầu làm cha mẹ chính đáng của các cặp vợ chồng

mà người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

### ***2.1.2. Người có quyền yêu cầu xác định cha, mẹ, con***

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, về cơ bản, chỉ có Luật HN&GD 1986, Luật HN&GD năm 2000 và hiện tại là Luật HN&GD 2014 là có quy định yêu cầu xác định lại quan hệ cha mẹ và con.

Quyền yêu cầu xác định cha, mẹ, con nói chung, về nguyên tắc chỉ thuộc về chính những chủ thể trong mối quan hệ đó. Vì đây là quyền nhân thân gắn liền với chủ thể và không thể chuyển giao cho người khác. Chỉ trong những trường hợp đặc biệt, để bảo vệ người chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự thì việc xác định cha, mẹ, con mới do các chủ thể khác yêu cầu. Mặt khác, pháp luật thực định Việt Nam không quy định những chứng cứ để xác định lại cha, mẹ, con, cũng như không đề cập đến thời hiệu khởi kiện xác định lại quan hệ cha mẹ và con. Như vậy, những chủ thể có quyền yêu cầu xác nhận cha, mẹ con là:

***Trước hết, người có quyền yêu cầu xác định quan hệ cha, mẹ, con phải là người cha hoặc người mẹ hoặc người con.***

*Cha và mẹ.* Ở đây, việc cha, mẹ yêu cầu xác định quan hệ cha, mẹ, con trong hai trường hợp:

- "Người không được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó là con mình" hoặc
- "Người được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó không phải là con mình"

*Con.* Luật HN&GD năm 2014 đã quy định quyền yêu cầu xác định cha mẹ rộng hơn so với Luật HN&GD 1986. Như vậy, quyền và lợi ích của người con đã được đảm bảo hơn. Luật HN&GD 2014 có quy định "Con có quyền nhận cha, mẹ của mình, kể cả trong trường hợp cha, mẹ đã chết...". Đây là quy định không cụ thể và rõ ràng là nên áp dụng theo thủ tục nào. Nếu con ngoài giá thú nhận cha mẹ mà hoàn toàn tự nguyện thì phải là thủ tục hành chính. Nếu con

ngoài giá thú xác định cha, mẹ cho mình khi cha, mẹ đã chết thì nên chăng áp dụng thủ tục giải quyết việc xác định cha, mẹ, con tại Tòa án. Bởi vì khi người cha, người mẹ chết không thể xác định được ý chí của họ là có tự nguyện nhận con hay không?việc không có tranh chấp hay không cũng không thể xác định được.

Luật HN&GD năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng chưa quy định rõ con được yêu cầu xác định cha, mẹ khi nào, con chưa thành niên hoặc mất năng lực hành vi dân sự có quyền này hay không.

Theo Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, HN&GD và chứng thực quy định:

*“Người con đã thành niên hoặc người giám hộ của người con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự cũng được làm thủ tục nhận cha, mẹ theo quy định tại Mục này, trong trường hợp cha, mẹ đã chết; nếu việc nhận cha, mẹ là tự nguyện và không có tranh chấp giữa những người có quyền và lợi ích liên quan đến việc nhận cha, mẹ”[6].*

Như vậy, khi con đã thành niên (từ đủ 18 tuổi trở lên) có thể trực tiếp thực hiện việc nhận cha, mẹ của mình mà không phải thông qua người giám hộ. Trường hợp người con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị mất năng lực hành vi dân sự khi nhận cha mẹ của mình cần người giám hộ đứng ra làm thủ tục. Tuy nhiên theo quy định này “việc nhận cha, mẹ là tự nguyện và không có tranh chấp giữa những người có quyền và lợi ích liên quan đến việc nhận cha, mẹ” là không rõ ràng và chưa hợp lý. “Những người có quyền và lợi ích liên quan” là những chủ thể nào thì chưa có văn bản nào quy định chi tiết. Trong khi đó, quyền được xác định cha, mẹ, con là một quyền nhân thân không thể tách rời với mỗi cá nhân và không thể chuyển giao, trên cơ sở đó xác lập các quyền và nghĩa vụ của các thành viên khác trong gia đình với nhau, ví dụ như: anh, chị với em, ông, bà với cháu.... Những người có liên quan ở đây nên chăng quy định là chính những người có quyền yêu cầu xác định cha, mẹ, con gồm: cha,



mẹ và người con trong mối quan hệ này.

Cho đến nay pháp luật Việt Nam chưa có quy định về quyền của người con được yêu cầu Tòa án xác định những người hiện đang là cha mẹ không phải là cha, mẹ mình. Xét thấy, quyền được xác định cha, mẹ, con là một quyền nhân thân, các chủ thể trong mối quan hệ này có quyền bình đẳng như nhau trong việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con. Nhưng các nhà làm luật không đặt ra vấn đề quyền không nhận cha, mẹ của người con, phải chăng để giữ gìn các giá trị đạo đức truyền thống đã ăn sâu vào tiềm thức của người Việt như: “Cha sinh không bằng mẹ dưỡng”, luôn đề cao công dưỡng dục của cha mẹ đối với con cái, cho dù đó không phải là cha, mẹ và con đẻ. Tuy nhiên, dưới góc độ khoa học pháp lý thì đây là vấn đề cần nghiên cứu để đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật quốc tế về quyền của trẻ em, để đảm bảo sự bình đẳng giữa các chủ thể trong việc yêu cầu xác định cha, mẹ, con.

***Thứ hai, theo Điều 93 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và Điều 15 của Nghị định số 71/2011/NĐ-CP thì còn một số chủ thể có quyền yêu cầu xác định quan hệ cha, mẹ, con như sau:***

Điều 92 Luật HN&GD 2014 có quy định: "Trong trường hợp có yêu cầu về việc xác định cha, mẹ, con mà người có yêu cầu chết thì người thân thích của người này có quyền yêu cầu Tòa án xác định cha, mẹ, con cho người yêu cầu đã chết" [23].

Và theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 71/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em thì:

*“1. Trẻ em chưa xác định được cha, mẹ, nếu có yêu cầu xác định của trẻ em thông qua người giám hộ hoặc của người giám hộ, kể cả trường hợp cha, mẹ đã chết thì được Tòa án xác định cha, mẹ theo quy định của pháp luật. Việc xác định cha, mẹ cho trẻ em phải được xem xét trên cơ sở lợi ích tốt nhất của trẻ em.*

*2. Cha, mẹ, người giám hộ, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự có quyền yêu cầu Tòa án xác định cha, mẹ cho trẻ em.*

*3. Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp khi nhận được yêu cầu xác định cha, mẹ cho trẻ em có trách nhiệm tìm hiểu, xác minh, xem xét lợi ích của trẻ em và yêu cầu Tòa án xác định cha, mẹ cho trẻ em.”*

Theo đó, mặc dù người có yêu cầu là người cha đã chết thì người thân thích của người cha là ông bà của cháu có quyền yêu cầu Tòa án xác định cha cho con. Hoặc đối với người chưa thành niên hoặc người đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự thì những chủ thể có quyền yêu cầu thay là: Mẹ, cha hoặc người giám hộ; Hội Liên hiệp Phụ nữ, cơ quan Lao động – Thương binh xã hội các cấp là các tổ chức có quyền tự mình yêu cầu Tòa án xác định cha, mẹ cho trẻ. Quy định như vậy nhằm đảm bảo cho diện những người có quyền yêu cầu xác định quan hệ cha, mẹ, con không bị hạn chế về mặt chủ thể, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, đặc biệt là quyền lợi của người con.

### ***2.1.3. Thẩm quyền xác định cha, mẹ, con***

Theo quy định của pháp luật hiện hành, thẩm quyền xác định cha, mẹ, con có thể tiến hành theo hai thủ tục là thủ tục hành chính và thủ tục tư pháp.

Đối với trường hợp có tranh chấp về việc xác định cha, mẹ, con thì các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án tiến hành thụ lý và xét xử theo thủ tục tố tụng thông thường (Điều 88, 89 Luật HN&GD năm 2014).

Đối với trường hợp việc xác định cha, mẹ, con không có tranh chấp, nhất là đối với việc xác định cha, mẹ, con ngoài giá thú, người mẹ và người cha của đứa trẻ cùng đồng ý nhận đứa trẻ, họ sẽ tới cơ quan có thẩm quyền là UBND cấp xã nơi cư trú của người nhận hoặc người được nhận là cha, mẹ, con nếu:

1. Việc nhận cha, mẹ, con theo quy định tại Mục này được thực hiện, nếu bên nhận, bên được nhận là cha, mẹ, con còn sống vào

thời điểm đăng ký nhận cha, mẹ, con và việc nhận cha, mẹ, con là tự nguyện và không có tranh chấp giữa những người có quyền và lợi ích liên quan đến việc nhận cha, mẹ, con.

2. Người con đã thành niên hoặc người giám hộ của người con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự cũng được làm thủ tục nhận cha, mẹ theo quy định tại Mục này, trong trường hợp cha, mẹ đã chết; nếu việc nhận cha, mẹ là tự nguyện và không có tranh chấp giữa những người có quyền và lợi ích liên quan đến việc nhận cha, mẹ [6].

Theo quy định tại Nghị định số 06/2012/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch HN&GD và chứng thực thì thẩm quyền giải quyết đối với yêu cầu xác nhận cha, mẹ, con thuộc về UBND nếu vụ việc là tự nguyện và không có tranh chấp. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ, nếu xét thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng sự thật và không có tranh chấp, thì UBND cấp xã đăng ký việc nhận cha, mẹ, con. Trường hợp cần phải xác minh, thì thời hạn nói trên được kéo dài thêm không quá 05 ngày.

Tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị định về hộ tịch, HN&GD và chứng thực có quy định bổ sung: "không có tranh chấp giữa những người có quyền và lợi ích liên quan đến việc nhận cha, mẹ, con" [6]. Quy định này không quy định cụ thể chủ thể có quyền và lợi ích liên quan là những ai. Mặt khác quyền nhận cha, mẹ, con là quyền nhân thân chỉ gắn liền với chính người cha, người mẹ, người con mà thôi. Tranh chấp ở đây thường là tranh chấp về tài sản giữa những người như người hiện đang là vợ của người cha hoặc chồng của người mẹ hoặc những người anh em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ Ví dụ: Trường hợp cha/ mẹ chết, không để lại di chúc, tài sản được chia theo pháp luật, giữa những người thừa kế là anh, chị, em có tranh chấp về việc phân chia di sản, những người con trong giá thú nhất quyết không công nhận người anh, chị, em do mẹ hoặc cha mình sinh ngoài giá thú để không phải chia thêm di

sản thừa kế cho người khác. Quy định như vậy đã gây khó khăn, vướng mắc cho cơ quan có thẩm quyền khi áp dụng văn bản pháp luật để giải quyết các vụ việc xảy ra trên thực tế.

#### ***2.1.4. Trình tự thủ tục xác định cha, mẹ, con***

Việc xác định cha, mẹ, con là một vấn đề rất tế nhị và cũng hết sức phức tạp. Theo quy định của pháp luật hiện hành thẩm quyền xác định cha, mẹ, con có thể tiến hành theo hai thủ tục:

*Thứ nhất:* Theo thủ tục hành chính - loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan đăng ký hộ tịch theo thủ tục đăng ký về hộ tịch khi không có tranh chấp về việc xác định cha, mẹ, con:

“Cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con theo quy định của pháp luật về hộ tịch trong trường hợp không có tranh chấp.” [5, Điều 32, 33].

*Thứ hai:* Theo thủ tục tư pháp – “Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp hoặc người được yêu cầu xác định là cha, mẹ, con đã chết và trường hợp quy định tại Điều 92 của Luật này” (khoản 2 Điều 101 Luật HN&GD năm 2014; khoản 4 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự).

Như vậy, dựa trên tính chất của quan hệ xác định cha, mẹ, con có tranh chấp hay không có tranh chấp là cơ sở để xác định cơ quan có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con. Cụ thể:

##### ***2.1.4.1. Thủ tục hành chính***

❖ *Đối với con trong trường hợp cha, mẹ có hôn nhân hợp pháp sẽ tiến hành thủ tục đăng ký khai sinh:*

Giấy khai sinh chính là giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận sự kiện trẻ được sinh ra và quan hệ của trẻ với cha, mẹ, đây là căn cứ pháp lý đầu tiên công nhận quan hệ cha, mẹ, con. Việc đăng ký khai sinh của cơ quan có thẩm quyền là hoạt động hành chính tư pháp nhằm đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em và nghĩa vụ của cha, mẹ cũng như các thành viên khác trong gia đình

đối với trẻ. Theo luật định, thời hạn đăng ký khai sinh cho trẻ là 60 ngày kể từ ngày trẻ sinh ra. Người có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ là cha mẹ hoặc ông, bà hay những người thân thích khác [5, Điều 14]. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh cho trẻ sẽ là UBND cấp xã - nơi cư trú của người mẹ. Nếu không xác định được nơi cư trú của người mẹ thì UBND cấp xã, nơi cư trú của người cha thực hiện việc đăng ký khai sinh. Trong trường hợp không xác định được nơi cư trú của người mẹ người cha thì UBND cấp xã, nơi trẻ em đang sinh sống trên thực tế thực hiện việc đăng ký khai sinh [5, Điều 13].

Giấy tờ phải có khi đăng ký khai sinh cho trẻ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, được sửa đổi bởi Nghị định số 06/2012/NĐ-CP bao gồm hai loại: Giấy chứng sinh và Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ (nếu có); trường hợp không có giấy chứng sinh có thể được thay thế bằng văn bản xác nhận của người làm chứng. Trong trường hợp không có người làm chứng thì người đi khai làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực. Nếu cán bộ tư pháp hộ tịch biết rõ về quan hệ hôn nhân của cha, mẹ đưa trẻ thì không bắt buộc người đi khai sinh phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ đưa trẻ.

Nghị định này đã đưa ra thứ tự ưu tiên để xác định thẩm quyền nơi đăng ký khai sinh cho trẻ. Nghị định cũng đã trao quyền chủ động cho cán bộ tư pháp hộ tịch nếu trong trường hợp biết rõ quan hệ hôn nhân của cha, mẹ đưa trẻ thì người đi khai sinh có thể chỉ cần xuất trình Giấy chứng sinh là đủ. Như vậy, so với các quy định của Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch trước đây thì các quy định tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP thể hiện bước tiến vượt bậc về mặt thủ tục, thẩm quyền cũng như nơi đăng ký khai sinh.

Tuy nhiên, gần đây tại Nghị định số 06/2012/NĐ-CP có bổ sung "nộp tờ khai" vào phần giấy tờ hợp lệ cần nộp. Quy định bổ sung này đảm bảo nâng cao trách nhiệm của người khai về các thông tin cần thiết giúp cho việc đăng ký khai sinh được chính xác.

❖ *Thủ tục hành chính xác định cha, mẹ, con trong trường hợp cha, mẹ không có hôn nhân hợp pháp*

❖ - *Đối với thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con trong trường hợp cha, mẹ không có hôn nhân hợp pháp*

Thủ tục khai nhận này được pháp luật quy định chi tiết tại Điều 13, Điều 35 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP và được sửa đổi bổ sung tại Khoản 8, Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP. Theo đó thẩm quyền đăng ký việc nhận cha, mẹ, con thuộc UBND cấp xã. Thủ tục đăng ký ngoài tờ khai, người làm thủ tục cần xuất trình Giấy khai sinh của người con, các giấy tờ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con.

Điều 32 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP có nêu điều kiện để áp dụng thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con là phải có sự "tự nguyện và không có tranh chấp". Tuy nhiên pháp luật không quy định rõ tranh chấp giữa ai với ai. Tại Khoản 8, Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP đã nêu rõ thêm là "không có tranh chấp giữa những người có quyền và lợi ích liên quan".

Ngoài ra, thời hạn UBND xã giải quyết việc nhận cha, mẹ, con đã rút ngắn xuống còn 03 ngày (trước theo Nghị định số 158/2005/NĐ-CP là 05 ngày) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ mà xét thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng sự thật và không có tranh chấp. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn nói trên kéo dài không quá 05 ngày [6, Khoản 9 Điều 1]. Quy định mới đã thể hiện sự phù hợp với tinh thần cải cách thủ tục hành chính, hạn chế một số hồ sơ bị tồn đọng lâu ngày, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể đi đăng ký khai nhận con ngoài giá thú. Tuy nhiên, quy định như vậy cũng đã tạo áp lực lớn cho cán bộ làm công tác hộ tịch khi tác nghiệp như điều kiện xác minh, thời gian để xác minh được là có tranh chấp hoặc tự nguyện hay không?

❖ - *Đối với thủ tục đăng ký khai sinh cho con trong trường hợp cha, mẹ không có hôn nhân hợp pháp*

Về cơ bản thủ tục này tương tự như trường hợp khai sinh cho con trong giá thú. Tuy nhiên, trong trường hợp khai sinh cho con ngoài giá thú không xác định được người cha, thì phần kê khai người cha trong sổ đăng ký khai sinh và Giấy chứng sinh của trẻ được để trống. Với trường hợp có người đứng ra nhận cha

của trẻ, thì UBND cấp xã sẽ kết hợp để giải quyết đồng thời hai việc: Đăng ký khai sinh cho trẻ và đăng ký việc nhận con [5, Khoản 3 Điều 15]. Theo quy định này đã tạo điều kiện cho người nhận con có thể đồng thời ghi tên vào phần khai về người cha trong Giấy khai sinh và sổ đăng ký khai sinh của người con và có thể đặt họ cho con theo họ của cha ngay từ khi đăng ký khai sinh.

Ngày 20/11/2014, Quốc Hội đã thông qua Luật Hộ tịch, luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2016. Theo quy định tại điều 24 của Luật Hộ tịch thì Thẩm quyền đăng ký nhận cha, mẹ, con là Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người nhận hoặc người được nhận là cha, mẹ, con thực hiện đăng ký nhận cha, mẹ, con. Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con được quy định tại điều 25:

“1. Người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con nộp tờ khai theo mẫu quy định và chứng cứ chứng minh quan hệ cha con hoặc mẹ con cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Khi đăng ký nhận cha, mẹ, con các bên phải có mặt.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng người đăng ký nhận cha, mẹ, con ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.”

Quy định trên của Luật hộ tịch đã kế thừa những quy định tại Nghị định 158/2005/NĐ-CP, tuy nhiên cũng chưa nêu được chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con là gì. Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con có thể là kết quả xét nghiệm ADN, có thể là thư từ, văn tự có nội dung các bên công nhận quan hệ cha, mẹ, con, cũng có thể là những hình ảnh ghi nhận tình cảm, sinh hoạt chung của các chủ thể....Chứng cứ phải đảm bảo thuộc tính khách quan và có liên quan thì mới có giá trị chứng minh, do đó, các kết quả xét nghiệm ADN sẽ là chứng cứ có giá trị nhất trong việc xác định cha, mẹ, con. Đối với trường hợp con nhận cha, mẹ đã chết thì khoa học hiện nay đã có thể giám định thông qua

phương pháp phân tích quan hệ huyết thống không trực hệ, lấy mẫu giám định của ông, bà nội, ngoại với cháu, anh, chị, em cùng cha hoặc cùng mẹ với trẻ, kết quả có độ chính xác trên 99%. Tuy nhiên, nếu các bên có tranh chấp, mâu thuẫn, không tự nguyện cho mẫu xét nghiệm thì cũng không có cơ sở cho việc xét nghiệm gen. Do đó cần có quy định chứng cứ chứng minh là kết quả xét nghiệm ADN, nếu không thể có kết quả xét nghiệm này thì mới xem xét đến các tài liệu bằng chứng khác, chứng minh gián tiếp quan hệ cha, mẹ, con.

#### **2.1.4.2. Thủ tục tư pháp**

Việc xác định cha, mẹ, con theo thủ tục tư pháp dựa trên phán quyết của Tòa án. Quyền nhận con, nhận cha, mẹ của đương sự được pháp luật tôn trọng và bảo vệ: "Người không được nhận cha, mẹ của một người khác có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó là con mình; Người được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó không phải là con mình" [23, Điều 89]; "Con có quyền xin nhận cha, mẹ của mình kể cả trong trường hợp cha, mẹ đã chết" [23, Điều 90].

Điều 101 Luật HN&GD năm 2014 quy định:

“...2. Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp hoặc người được yêu cầu xác định là cha, mẹ, con đã chết và trường hợp quy định tại Điều 92 của Luật này.

Quyết định của Tòa án về xác định cha, mẹ, con phải được gửi cho cơ quan đăng ký hộ tịch để ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ tịch; các bên trong quan hệ xác định cha, mẹ, con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự”.

Trong trường hợp muốn xác định cha cho đứa trẻ, người mẹ có thể nộp đơn yêu cầu TAND huyện, quận, thị xã (gọi chung là TAND cấp huyện) giải quyết với nội dung xác định cha cho con theo quy định tại khoản 4 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự . Tòa án sẽ tiến hành thụ lý và xét xử theo thủ tục tố tụng



thông thường. Nếu trong trường hợp người cha từ chối giám định ADN, người mẹ cần chủ động thu thập và chuẩn bị những chứng cứ để chứng minh được là có quan hệ cha con để Tòa án có thêm căn cứ giải quyết vụ việc. Chứng cứ chứng minh có thể thông qua một số chứng cứ gián tiếp như:

- Giấy tờ hoặc thư do người bị kiện viết trong đó có thừa nhận đứa bé là con mình;
- Trong thời gian có thể thụ thai đứa trẻ, người mẹ và người đàn ông kia chung sống với nhau như vợ chồng;
- Thông qua dư luận xã hội,...

Ngược lại, trường hợp người chồng của người mẹ đứa trẻ không thừa nhận đứa trẻ là con của họ thì có quyền yêu cầu Tòa án xác định. Đây thuộc trường hợp có tranh chấp và được giải quyết theo thủ tục tư pháp. Khi khởi kiện ra Tòa người chồng phải đưa ra được những chứng cứ để chứng minh rằng họ là chồng của mẹ đứa trẻ nhưng không phải là cha đứa trẻ như: Trong thời gian có thể thụ thai đứa trẻ thì người chồng đi công tác xa, bị ốm đau bệnh tật nặng mà không thể có khả năng quan hệ vợ chồng và có con hoặc người chồng bị vô sinh (đối với những trường hợp này phải có giấy chứng nhận của cơ quan y tế...).

Đối với người chưa thành niên hoặc người đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự thì những chủ thể có quyền yêu cầu thay là: Mẹ, cha hoặc người giám hộ; Hội Liên hiệp Phụ nữ là tổ chức có quyền tự mình yêu cầu Tòa án xác định cha, mẹ cho con [23, Điều 92, 102].

Trong trường hợp con đã thành niên thì tự mình đứng nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định cha, mẹ của mình; trường hợp yêu cầu xác định một người đã chết là cha, mẹ của mình thì chỉ có nguyên đơn, không có bị đơn (đã chết) nhưng vợ, chồng, con của người đã chết được tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và lợi ích liên quan đến vụ kiện [31, tr. 178].

Thủ tục khởi kiện xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, người khởi kiện có quyền nộp đơn khởi kiện tại TAND nơi bị đơn cư trú và có nghĩa vụ cung cấp các bằng chứng,

chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình.

- Thành phần hồ sơ khởi kiện:

+ Đơn khởi kiện;

+ Chứng minh nhân dân của người khởi kiện và người bị kiện (Bản sao chứng thực);

+ Sổ hộ khẩu nơi cư trú của Bị đơn/Văn bản xác nhận nơi cư trú của bị đơn (Bản sao chứng thực nếu có);

+ Giấy khai sinh của người con cần xác định (bản sao chứng thực);

+ Các tài liệu, chứng cứ để chứng minh quan hệ cha, mẹ, con (bản sao chứng thực).

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: TAND cấp quận/huyện nơi cư trú của người bị khởi kiện.

- Trình tự, thủ tục giải quyết:

Sau khi nhận được Đơn khởi kiện, Tòa án phải xem xét những tài liệu, chứng cứ cần thiết, nếu xét thấy thuộc thẩm quyền của mình thì Tòa án sẽ thông báo cho người khởi kiện biết để nộp tiền tạm ứng án phí.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí. Sau khi nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện nộp lại biên lai cho Tòa án. Tòa án thụ lý vụ án dân sự kể từ khi nhận được biên lai này.

Tòa án giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình trong thời hạn 04 tháng. Nếu vụ án có tính chất phức tạp thì có thể kéo dài thêm nhưng thời gian kéo dài thêm không quá 02 tháng. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án sẽ ra một trong các quyết định sau: Quyết định tạm đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 02 tháng.

Quy định như trên cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu nói chung về mặt tố

tụng, tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện nay chưa có quy định cụ thể về tài liệu, chứng cứ để chứng minh quan hệ cha, mẹ, con là những loại gì? Như đã phân tích ở trên tài liệu chứng cứ để chứng minh có thể là thư từ, ảnh chụp... những loại tài liệu này không thể chứng thực sao y bản chính tại các cơ quan có thẩm quyền được. Tồn tại này đã gây không ít khó khăn cho cán bộ Tòa án khi thụ lý đơn khởi kiện liên quan đến yêu cầu xác định cha, mẹ, con.

## **2.2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

### ***2.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội giai đoạn 2009 - 2013 tác động đến việc thi hành pháp luật về xác định cha, mẹ, con***

Thủ đô Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị, văn hóa và khoa học kỹ thuật, đồng thời là trung tâm lớn về giao dịch kinh tế và quốc tế của cả nước. Ngày 18/11/2013, UBND thành phố đã có Báo cáo số 203/BC-UBND về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013, trong đó ước thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2013. Về thu, chi ngân sách: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 163.075 tỷ đồng, bằng 100,9% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao. Trong đó, thu ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu ngân sách nhà nước theo phân cấp tính trong cân đối là 48.727 tỷ đồng, đạt 85,6% dự toán, giảm 8.198 tỷ đồng so với dự toán đầu năm. Chi ngân sách địa phương thực hiện 54.076 tỷ đồng, đạt 99,3% dự toán sau điều chỉnh và bằng 93,9% so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố thông qua.

Về kiểm soát giá cả, lạm phát: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm tăng 6,37% (năm 2012 là 8,57%). Về phát triển doanh nghiệp: Đã cấp mới và điều chỉnh 378 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đầu tư đăng ký đạt 1,13 tỷ USD. Năm 2013, có 14.862 doanh nghiệp đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp với số vốn khoảng 109 nghìn tỷ đồng.

Về an sinh xã hội: Thành phố tích cực quan tâm, chăm lo cho các đối tượng chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội. Duyệt cấp 265.088 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội. Hỗ trợ

20.678 hộ thoát nghèo (vượt 25,3% kế hoạch). Năm 2013, đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn đạt 2.047 tỷ đồng (bằng 102,3% kế hoạch). Về xây dựng nông thôn mới: Có 55 xã đạt và cơ bản đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới. Tạo thuận lợi thu hút đầu tư [32].

Thành phố Hà Nội nâng cao công tác quản lý các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trên địa bàn sau cấp giấy phép, giấy chứng nhận đầu tư: Quy chế phối hợp nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác quản lý đầu tư nước ngoài, thu hút đầu tư FDI tương xứng với vị thế, yêu cầu phát triển và tiềm năng của thành phố. Trong đó, tập trung vào việc nghiên cứu và quy định trách nhiệm cụ thể của các ngành, phương thức xử lý từng vấn đề cụ thể để tránh tình trạng quản lý chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước. Đồng thời, tăng cường thực hiện cải cách hành chính đảm bảo môi trường thuận lợi cho các dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hoạt động hiệu quả; góp phần tạo ra một hành lang pháp lý hoàn chỉnh, minh bạch và từng bước cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút đầu tư nước ngoài vào thành phố.

Về dân cư: Theo kết quả cuộc điều tra dân số ngày 1 tháng 4 năm 2009, dân số Hà Nội là 6.451.909 người, dân số trung bình năm 2010 là 6.561.900 người. Mật độ dân số trung bình của Hà Nội là 1.979 người/km<sup>2</sup>. Mật độ dân số cao nhất là ở quận Đống Đa lên tới 35.341 người/km<sup>2</sup>, trong khi đó, ở những huyện ngoại thành như Sóc Sơn, Ba Vì, Mỹ Đức, mật độ dưới 1.000 người/km<sup>2</sup>.

Nhìn chung, thành phố Hà Nội có điều kiện kinh tế xã hội phát triển, dân cư tập trung đông đúc, xã hội hội nhập, con người sống thoáng hơn. Một mặt, kinh tế phát triển, con người bận rộn với guồng quay của công việc, ít có thời gian chăm lo cho gia đình, dẫn đến tỷ lệ các cặp vợ - chồng ly hôn, ngoại tình xảy ra ngày càng nhiều. Thực trạng này, kéo theo việc xác định cha, mẹ, con, đặc biệt là việc xác định con ngoài giá thú tăng cao. Mặt khác, khi một người vừa có địa vị trong xã hội, vừa có kinh tế vững mạnh, sẽ luôn có tâm lý né tránh khi bị nhắc đến các mối quan hệ ngoài luồng. Điều này, gây khó khăn trong quá trình xác định cha, mẹ, con.

### ***2.2.2. Thực trạng áp dụng pháp luật về xác định cha, mẹ, con***

Trong thực tiễn, công tác thi hành pháp luật về xác định cha, mẹ con đã nảy sinh một số vấn đề mới vô cùng phức tạp. Đối với thủ tục hành chính, theo quy định của pháp luật hiện hành thì việc thay đổi quan hệ huyết thống trở nên quá dễ dàng đơn giản. Thực tế dễ thấy là nhiều trường hợp chỉ cần có sự thỏa thuận của các bên đương sự một cách tự nguyện và không có tranh chấp thì UBND cấp xã sẽ làm thủ tục nhận, cha, mẹ, con cho họ. Một số trường hợp điển hình đã đăng ký tại UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội:

- Trường hợp thứ nhất, Anh T và chị M đã tổ chức đám cưới theo nghi lễ truyền thống vào tháng 10 năm 2011 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đến tháng 01 năm 2012, anh T đi xuất khẩu lao động Hàn Quốc, thời hạn lao động là 02 năm. Đến tháng 7 năm 2012 thì chị M sinh 01 bé gái. Khi đi đăng ký khai sinh cho con, chị M không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn nên UBND xã X, huyện Từ Liêm, Hà Nội đã đăng ký khai sinh cho con gái chị M theo diện con ngoài giá thú, phần khai về người cha trong giấy khai sinh và sổ khai sinh được để trống. Sau khi anh T đi xuất khẩu lao động về, anh T và chị M cùng đến UBND xã X để làm thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con và thủ tục thay đổi họ cho con, từ họ mẹ sang họ của cha.

- Trường hợp thứ hai, năm 2013, H và Y là bạn học cùng lớp đại học năm thứ nhất, hai người có tình cảm với nhau và quan hệ tính giao dẫn đến việc Y mang thai và sinh con khi mới 19 tuổi, còn H thì mới hơn 18 tuổi. Do H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên H và Y không đăng ký kết hôn được. Khi khai sinh cho con, H và Y cùng đến UBND phường M, Đống Đa, Hà Nội đăng ký khai sinh cho con, đồng thời đăng ký nhận cha, mẹ, con. Yêu cầu của H và Y đã được UBND phường M chấp nhận và đăng ký khai sinh cho bé theo diện con ngoài giá thú có người nhận là cha.

***Bảng 2.1: Số liệu thống kê việc đăng ký nhận cha, mẹ con tại thành phố Hà Nội từ năm 2009-2013***

<b>Năm</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>
Tổng số trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	240	397	475	479	527
Cha, mẹ nhận con	212	317	396	417	426
Con nhận cha, mẹ	28	80	79	62	101

*Nguồn: Báo cáo số 156/BC-STP ngày 27/02/2012 của Sở Tư pháp Hà Nội về tổng kết 25 năm công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2012, 2013 của Sở Tư pháp Hà Nội.*

Qua bảng số liệu trên cho thấy số lượng các vụ việc đăng ký nhận cha, mẹ, con qua thủ tục hành chính đã tăng lên rất nhiều trong những năm qua. Hiện nay việc đăng nhận cha, mẹ, con diễn ra khá thuận lợi. Bởi vì, trong trường hợp này tất cả các chủ thể đều tự nguyện mong muốn xác nhận quan hệ giữa cha con, mẹ con, giữa các chủ thể không hề có bất cứ sự mâu thuẫn và tranh chấp này. Nếu so với các số vụ án xác định cha, mẹ con được tiến hành ở Tòa án, thì việc tự nguyện nhận cha, mẹ con là khá cao. Đặc biệt việc đăng ký nhận cha mẹ con trong nước tăng đột biến trong hai năm trở lại đây. Điều này cũng dễ lý giải, xuất phát từ sự thay đổi của các điều kiện kinh tế xã hội, tác động mạnh mẽ đến việc xác định cha, mẹ, con nói riêng và quan hệ HN&GD nói chung. Mặt khác, ý thức trách nhiệm làm cha mẹ cũng được cải thiện đáng kể hơn. Điều đó đảm bảo quyền và lợi ích của các chủ thể, đặc biệt là quyền trẻ em. Thêm vào đó, thủ tục nhận cha, mẹ con đã được cải thiện, thời hạn giải quyết nhanh chóng, thủ tục đơn giản, góp phần cải cách thủ tục hành chính nói chung và thúc đẩy số lượng việc đăng ký nhận cha, mẹ, con tại UBND cấp xã tăng nhanh qua các năm.

***Bảng 2.2: Số liệu thống kê việc đăng ký nhận cha, mẹ con tại quận Ba Đình***

<b>Năm</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>
Tổng số trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	88	93	78	96	98

Cha, mẹ nhận con	87	91	78	90	92
Con nhận cha, mẹ còn sống	0	01	0	06	04
Con nhận cha, mẹ đã chết	01	01	0	0	02

*Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác tư pháp từ năm 2009 đến năm 2013 của UBND quận Ba Đình, Hà Nội.*

**Bảng 2.3: Số liệu thống kê việc đăng ký nhận cha, mẹ con tại huyện Từ Liêm**

Năm	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng số trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	32	37	35	40	41
Cha, mẹ nhận con	30	37	34	38	39
Con nhận cha, mẹ còn sống	01	0	01	02	01
Con nhận cha, mẹ đã chết	01	0	0	0	01

*Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác tư pháp từ năm 2009 đến năm 2013 của UBND huyện Từ Liêm, Hà Nội.*

So sánh số liệu ở Bảng 2.2 và Bảng 2.3 cho thấy, số việc đăng ký nhận cha, mẹ, con từ năm 2009 đến năm 2013 ở quận Ba Đình có xu hướng tăng mạnh, trong khi số việc của huyện Từ Liêm chỉ tăng nhẹ và cũng ít hơn ½ so với quận Ba Đình. Điều này có thể lý giải là do tổng số dân sinh sống tại quận Ba Đình lớn hơn, Ba Đình là một trong những quận được thành lập đầu tiên của Hà Nội có điều kiện kinh tế - xã hội, đời sống văn hóa cởi mở và phong phú hơn so với huyện ngoại thành là Từ Liêm. Hơn nữa, với đặc trưng văn hóa làng xã còn ăn sâu vào lối sống của người dân ngoại thành nên những việc sinh con ngoài giá thú ít xảy ra hơn, dẫn đến số việc đăng ký nhận cha, mẹ, con cũng thấp hơn quận nội thành.

❖ *Thực trạng áp dụng xác định của cha, mẹ, con theo thủ tục tố tụng dân sự*

Năm 2013 toàn ngành TAND thành phố Hà nội đã thụ lý 25.996 vụ án (tăng 2.474 vụ = 10,5% so với năm 2012), đã giải quyết 25.139 vụ (tăng 2.377 vụ = 10,4% so với năm 2012), đạt tỷ lệ 96,7%. Các loại án tăng chủ yếu: án kinh

doanh thương mại tăng 66,7%; án lao động tăng 65,4%; án hành chính tăng 58,1%; án dân sự tăng 13,3%. Trong đó, về án HN&GD: toàn ngành thụ lý 11.058 vụ (tăng 980 vụ = 9,72% so với năm 2012), giải quyết 10.822 vụ, đạt tỷ lệ 98,4% số vụ án đã thụ lý. Các tranh chấp về HN&GD chiếm tỷ lệ cao trong các vụ án mà ngành Tòa án thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết, riêng án HN&GD chiếm 42,5% tổng số án đã thụ lý [29].

Như vậy, các vụ việc dân sự, trong đó có án giải quyết yêu cầu xác định cha, mẹ con có sự tăng mạnh. Cụ thể:

**Bảng 2.4: Số liệu thống kê các loại án thuộc lĩnh vực HN&GD của TAND thành phố Hà Nội từ năm 2009 - 2013**

Loại án	Ly hôn	Chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân	Thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn	Xác định quan hệ cha, mẹ, con	Tranh chấp cấp dưỡng	Các tranh chấp khác	Tổng số
2009	8.132	90	50	<b>29</b>	30	31	8.362
2010	8.702	85	56	<b>28</b>	29	32	8.932
2011	9.330	70	65	<b>30</b>	25	30	9.550
2012	9.858	75	68	<b>32</b>	19	26	10.078
2013	10.822	65	96	<b>38</b>	14	23	11.058

*Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác xét xử năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013 của TAND thành phố Hà Nội.*

Qua bảng số liệu này cho thấy, đối với thủ tục tư pháp, hiện nay các án kiện về HN&GD ngày càng tăng, song vụ tranh chấp về việc xác định cha, mẹ, con vẫn chiếm tỷ lệ nhỏ. Trong các án kiện xác định cha, mẹ con thì số lượng án về xác định cha, mẹ, con ngoài giá thú chiếm đa số. Chủ yếu tập trung vào những trường hợp như: Người mẹ muốn xác định cha cho đứa con do mình sinh



ra, người con đã thành niên muốn xác định một người đàn ông là cha mình, người giám hộ xác định cha mẹ cho người được giám hộ; liên quan đến các vụ án hình sự như hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu với trẻ em, loạn luân dẫn đến có con. Phần lớn các bản án về xác định cha, mẹ, con không bị kháng nghị và kháng án như các loại án HN&GD khác.

Việc đạt được những thành tựu này là do: sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của TAND tối cao, Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; sự phối hợp và ủng hộ, tạo điều kiện của chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các sở, ban, ngành thành phố và cơ sở; sự đoàn kết nhất trí của tập thể lãnh đạo và toàn thể cán bộ, công chức ngành Tòa án và sự cố gắng nỗ lực của đội ngũ cán bộ, công chức, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân.

Có thể kể ra một số trường hợp về xác định quan hệ cha, mẹ con theo thủ tục tư pháp như sau:

***Trường hợp thứ nhất:***

Theo nội dung vụ án, ông I, (sinh năm 1975) và bà H (sinh năm 1976), cùng cư trú tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội vốn là đồng nghiệp của nhau. Năm 1998, giữa họ phát sinh tình cảm và sau một thời gian dài tìm hiểu, cả hai quyết định dọn về chung sống cùng nhau. Năm 2002, bà H sinh được người con trai, đặt tên là Thuận. Do giữa bà H và ông I không có ràng buộc hôn nhân về mặt pháp luật, nên Thuận được mang họ mẹ.

Khi Thuận được mười tuổi thì cả hai thường xuyên cãi vã, đời sống chung có nhiều mâu thuẫn. Ông I, luôn tỏ vẻ hoài nghi về mối quan hệ huyết thống giữa mình với con, thông qua nhiều tin đồn và sự khác biệt rõ nét về ngoại hình. Vì thế, ông I quyết định không sống chung với mẹ con bà H nữa. Trước sự việc này, bà H đề nghị ông I, cùng con đến Bệnh viện Truyền máu Huyết học, tiến hành xét nghiệm AND. Kết quả giám định sau đó cho thấy, giữa ông I và Thuận không có mối quan hệ ruột thịt nào. Phần nộ bởi đứa con mình thương yêu, tin tưởng lại không mang huyết thống của mình, ông I đã hoàn toàn bỏ mặc mẹ con bà H. Riêng bản thân bà H mặc dù chứng cứ đã có nhưng bà H vẫn...

mặc kệ, đồng thời bà gửi đơn đến TAND quận Đống Đa đề nghị "xác nhận cha con", yêu cầu ông I phải có trách nhiệm, nghĩa vụ của người cha là thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng hai triệu đồng, từ lúc Thuận sinh ra đến năm mười tám tuổi.

Tại phiên Tòa Sơ thẩm, ông I đưa ra kết quả giám định AND đã được thực hiện và khẳng định đó là chứng cứ phủ nhận mối quan hệ giữa mình với con. Bà H cho rằng kết quả giám định gen đó không chính xác đã gửi đơn đến bệnh viện để xin xác nhận quy trình giám định và nhận được trả lời như sau: Việc giám định AND giữa Thuận và ông I, được thực hiện đúng theo quy định, có sự theo dõi của bà H, bệnh viện cũng đã trả kết quả tại chỗ theo yêu cầu.

Do không buộc được ông I tiến hành giám định. Bà H cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Kết quả giám định AND mà ông I đưa ra tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy trình. Bà H cũng theo dõi quy trình và cũng nhận kết quả giám định ngay sau đó đã đảm bảo kết luận này là tương đối chính xác. Vì vậy, kết quả ADN đương nhiên được coi là chứng cứ pháp lý có sức thuyết phục cao nhất để chứng minh mối quan hệ cha, mẹ, con.

#### ***Trường hợp thứ hai:***

Đầu năm 2008, chị T và anh C yêu thương nhau, mong muốn cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và đã nhiều lần "quan hệ tình cảm". Đến giữa năm 2006, thấy mình có thai, chị thông báo và được anh C cho đi thành phố Hà Nội siêu âm. Tới khi biết chị thật sự mang thai thì anh C trở mặt, từ chối nhận con và từ đó không còn quan tâm gì đến chị nữa. Sau đó, gia đình chị nhiều lần đến gia đình anh C nói rõ chuyện này nhưng không được chấp nhận. Không còn cách nào khác, chị phải làm đơn gửi UBND xã nhờ giúp đỡ nhưng cũng không giải quyết được gì. Đến tháng 5/2009, chị sinh được bé trai. Sau đó, chị T kiện anh C yêu cầu truy nhận cha cho con tại TAND huyện Thanh Oai, TAND huyện Thanh Oai đã thụ lý và đưa vụ án này ra xét xử sơ thẩm vào ngày 28/03/2010.

Tòa án cho rằng, chỉ căn cứ vào lời khai từ phía chị T là không đủ chứng cứ chính minh anh C là cha của con mình. Vì theo lời khai của anh C thì anh và

chị T chỉ là bạn bè cùng thôn. Hai người không hứa hẹn yêu đương gì cả và cũng chưa lần nào có "quan hệ tình cảm". Việc chị T có thai anh hoàn toàn không biết gì. Anh khẳng định mình không phải là cha của đứa trẻ và đề nghị Tòa giải quyết dứt điểm vụ việc để "lấy lại danh dự" cho anh. Do đó, Tòa án đã yêu cầu chị C cung cấp chứng cứ về giám định gen để chứng minh mối liên hệ cha - con là có thực. Nhà quá nghèo, nên chị T không có tiền để đi giám định AND làm chứng cứ trước Tòa. Vì thế, TAND huyện Thanh Oai đã bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị với nhận định: Việc các đương sự phải cung cấp chứng cứ và chứng minh cho yêu cầu của mình là một trong những nguyên tắc xuất phát từ quyền tự định đoạt của các đương sự. Ở đây, chị T đơn phương trình bày rằng mình và anh C "quan hệ tình cảm" dẫn đến có thai, sinh ra đứa trẻ nhưng chị lại không được thực hiện nghĩa vụ cung cấp chứng cứ là kết luận giám định gen để xác định cha cho con.

Cho rằng Tòa án yêu cầu việc bác bỏ của chị T là không có cơ sở. Nên ngay sau đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai đã kháng nghị, đề nghị TAND thành phố Hà Nội xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của chị T.

*Đối với vụ án này chúng tôi cho rằng:*

Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai là có cơ sở. Bởi lẽ, theo quy định thì nghĩa vụ chứng minh sẽ thuộc về đương sự. Pháp luật cũng không quy định bắt buộc đương sự phải cung cấp chứng cứ về giám định gen. Do đó, việc TAND huyện Thanh Oai yêu cầu chị T cung cấp kết quả giám định gen là chứng cứ cần thiết để xác định cha con là không có căn cứ.

Tuy nhiên, với các chứng cứ trong vụ án này. Tòa án khó có căn cứ để xác định mối quan hệ cha, mẹ, con. Cũng theo quy định của pháp luật, nếu đương sự không đưa ra được chứng cứ thuyết phục thì Tòa án sẽ bác đơn yêu cầu. Khi đó, quyền lợi hợp pháp của hai mẹ con đứa trẻ không được bảo vệ. Chúng tôi cho rằng, đây là điểm hạn chế mà pháp cần khắc phục. Pháp luật nên quy định cụ thể các chứng cứ mà đương sự cần cung cấp khi có yêu cầu xác

định cha, mẹ, con để được Tòa án chấp nhận.

### ***2.2.3. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình giải quyết các vụ việc về xác định quan hệ cha, mẹ, con trên địa bàn thành phố Hà Nội***

*Thứ nhất*, Luật HN&GD năm 2014 mới ban hành và đi vào thực hiện một thời gian ngắn, do vậy, vẫn còn thiếu các văn bản pháp luật hướng dẫn chi tiết thi hành các điều luật này. Một số quy định pháp luật mới chỉ được ban hành một cách chung chung, chưa cụ thể, rõ ràng, gây khó khăn cho quá trình thực hiện pháp luật. Theo biểu mẫu về đăng ký hộ tịch hiện hành thì việc đăng ký nhận cha, mẹ, con gồm tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ và tờ khai đăng ký nhận con. Vậy, trên thực tế có trường hợp xảy ra giữa người cha và người mẹ chưa thành niên muốn nhận con có được chấp nhận không? Do cha, mẹ chưa thành niên thì chưa đủ năng lực hành vi dân sự để đăng ký nhận cha, mẹ, con dẫn đến các UBND còn chưa thống nhất giải quyết trong trường hợp này, có UBND đồng ý chấp thuận, lại có UBND không giải quyết.

Trên thực tế, tại địa bàn thành phố Hà Nội xảy ra tình trạng người mẹ cung cấp thông tin không đúng sự thật về nhân thân của mình khi sinh con tại cơ sở y tế, từ đó dẫn đến giấy chứng sinh cũng không có những thông số chính xác về họ tên người mẹ, nơi thường trú, tạm trú. Điều này gây khó khăn cho việc xác định cha, mẹ, con.

Một số trường hợp đặc biệt như em gái chưa kết hôn đã dùng tên chị gái để làm hồ sơ bệnh án và giấy chứng sinh cho con, sau đó đăng ký khai sinh cho con theo họ tên mẹ ghi trong giấy chứng sinh. Khi cô em gái kết hôn, vợ chồng cô muốn nhận lại chính đứa con của mình, vợ chồng cô chị gái tự nguyện trả con và yêu cầu UBND cơ sở giải quyết, UBND cơ sở rất lúng túng trong vấn đề này. Trong trường hợp này rõ ràng là không có tranh chấp, nhưng có dấu hiệu vi phạm quy định về đăng ký và quản lý hộ tịch, cần phải xử lý theo hướng hủy hồ sơ đăng ký khai sinh với thông tin về người mẹ không đúng sự thật.

Một trường hợp khác, trẻ sinh ra trong thời kỳ hôn nhân, sau khi ly hôn,

người mẹ xác nhận đứa trẻ không phải là con của người chồng trước đây, người chồng trước đây cũng tự nguyện chấp nhận đứa trẻ không phải là con mình, có người đàn ông khác nhận là cha của đứa trẻ. Các chủ thể này cùng yêu cầu UBND xác định lại quan hệ cha – con.

Trường hợp sinh con ngoài giá thú: người cha đăng ký nhận con, UBND khi nhận được tờ khai đăng ký nhận con phải xác định tại thời điểm đó người khai nhận đã có giấy chứng nhận kết hôn với mẹ của đứa trẻ hay chưa? Điều này gây khó khăn cho cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện.

Giấy tờ chứng minh quan hệ cha con, mẹ con do pháp luật không quy định cụ thể và cũng không bắt buộc phải có nên các UBND thường chỉ có thể căn cứ vào chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu, người làm chứng, chứng nhận của tổ trưởng tổ dân phố,... trong khi những giấy tờ này lại không đủ sức thuyết phục để chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Hay thực tế xảy ra trường hợp cung cấp giám định AND để chứng minh quan hệ cha con, mẹ con nhưng giám định này lại là giám định do chính họ bỏ tiền ra mua.

*Thứ hai*, hình thức biểu hiện của tranh chấp là khác nhau nên hiểu thế nào là "tranh chấp", và "không có tranh chấp giữa những người có quyền và lợi ích liên quan đến việc nhận cha, mẹ, con" để xác định chính xác thẩm quyền giải quyết đối với yêu cầu này chưa được pháp luật quy định cụ thể, gây khó khăn cho quá trình thực hiện. Trường hợp con thành niên làm thủ tục nhận cha, mẹ trong trường hợp cha, mẹ đã chết xảy ra hiện tượng những người thuộc hàng thừa kế của người chết đó lên UBND phản đối việc nhận cha, mẹ này, làm UBND lúng túng không biết giải quyết thế nào. Hay trường hợp người giám hộ của người con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự muốn làm thủ tục nhận cha, mẹ trong trường hợp cha, mẹ đã chết cho người chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự thì không có biểu mẫu về tờ khai đăng ký việc nhận cha, mẹ, con. Hoặc trường hợp người giám hộ đó muốn làm thủ tục nhận cha, mẹ đã chết cho họ thì người hiện đang là cha, mẹ lại phản đối; những người thân thích của người đã chết phản đối

thì UBND không biết giải quyết như thế nào do pháp luật không quy định cụ thể. Trường hợp này có thuộc trường hợp có tranh chấp không?

*Thứ ba*, kết luận giám định gen là chứng cứ có sức thuyết phục cao, có giá trị chứng minh trong các vụ án xác định cha, mẹ, con. Tuy nhiên, do chi phí giám định gen cao nên nhiều trường hợp những người phụ nữ tìm cha cho con mình vì số tiền giám định AND vượt ngoài khả năng nên họ đành ngậm ngùi để con mình không được nhận cha.

*Thứ tư*, tồn tại các trường hợp nhận quan hệ cha, mẹ, con giả tạo vì các mục đích khác như: nhập khẩu Hà Nội, cho con cái ra nước ngoài nhập cư,...

*Thứ năm*, thực tiễn xét xử các tranh chấp về quan hệ cha, mẹ, con tại TAND thành phố Hà Nội cho thấy những chứng cứ đa số là gián tiếp, sức thuyết phục không cao.

*Thứ sáu*, một số cán bộ công chức còn hạn chế về năng lực làm việc, chưa hiểu rõ được các quy định pháp luật về trình tự, thủ tục xác nhận quan hệ cha, mẹ, con, dẫn đến lúng túng trong quá trình thực hiện.

*Nguyên nhân của những hạn chế về xác định cha, mẹ, con*

*Thứ nhất*: Luật HN&GD năm 2014 mới được thi hành trên thực tế, trong điều kiện xã hội phát triển nhanh như hiện nay, các chế định của Luật HN&GD chưa thể dự liệu được hết các tình huống có thể xảy ra. Những quan hệ xã hội về HN&GD mới phát sinh chưa được quy định hoặc đã được quy định nhưng chưa được hướng dẫn là nguyên nhân chính dẫn đến kết quả phán quyết của Hội đồng xét xử không thống nhất, thiếu giá trị áp dụng vào thực tiễn, ảnh hưởng đến việc xác định quan hệ cha, mẹ, con. Mặt khác, việc pháp luật quy định còn bỏ ngỏ, chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể dẫn đến việc áp dụng trên thực tế giữa các địa phương không thống nhất.

*Thứ hai*: Lượng án HN&GD hằng năm tăng mạnh trong điều kiện biên chế Thẩm phán, Thư ký Tòa án không tăng. Điều này tạo áp lực lớn về tiến độ công việc khi giải quyết loại án này. Chính yêu cầu phải giải quyết nhanh, giải quyết sớm vụ việc đã khiến Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân thiếu kiên trì trong

việc xác định rõ quan hệ cha, mẹ, con trước khi đưa ra các quyết định cuối cùng.

*Thứ ba:* Trình độ chuyên môn của người có thẩm quyền còn hạn chế. Trong thực tiễn, vẫn còn quan niệm cho rằng án HN&GD là loại án dễ làm, là dạng việc "nhẹ" nhất trong các loại án. Từ quan niệm này, một số ít Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân thiếu đầu tư nghiên cứu khi tham gia xét xử. Trong khi đó, theo yêu cầu của xã hội thì Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử án HN&GD phải là người có năng lực tốt về nghiệp vụ, có kiến thức sâu, rộng về hôn nhân, gia đình, xã hội; có tinh thần, trách nhiệm cao với cuộc sống cộng đồng. Mặt khác, một số cán bộ Tòa án còn thiếu tinh thần trách nhiệm với công việc, còn "tránh việc nặng", giải quyết yêu cầu của nhân dân theo kiểu "dễ làm, khó bỏ". Đây là nguyên nhân cơ bản khiến một quan hệ pháp luật tranh chấp bị tách ra làm nhiều vụ án phải thụ lý, giải quyết nhiều lần, gây phiền hà cho đương sự.

### *Chương 3*

## **PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ CỦA PHÁP LUẬT VỀ XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **3.1. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XÁC ĐỊNH CHA, MẸ, CON Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

*3.1.1. Pháp luật về xác định cha, mẹ, con phải là sự hiện thực hóa các nguyên tắc luật định, đảm bảo tính khả thi trong việc nội luật hóa các văn bản pháp luật quốc tế về quyền con người*

Nước ta luôn đề cao các quyền cơ bản của con người và đã tham gia nhiều các Công ước quốc tế về quyền con người đặc biệt là các công ước bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em mà trong đó có quyền được xác định nguồn gốc của mình. Việc quy định chế định xác định cha, mẹ, con trong pháp luật Việt Nam là phù hợp với luật pháp quốc tế. Quyền này được ghi nhận trong tất cả các văn bản pháp luật quốc tế như Hiến chương Liên Hợp quốc, Tuyên ngôn nhân quyền thế giới năm 1948, Công ước quốc tế về quyền trẻ em và Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW). Theo quy định tại Điều 7 Công ước quốc tế về quyền trẻ em: "Trẻ em phải được đăng ký ngay lập tức sau khi được sinh ra và có quyền ngay từ khi chào đời, có họ tên, có quốc tịch và trong chừng mực có thể, quyền biết cha mẹ mình và được cha mẹ mình chăm sóc" [13].

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 và BLDS năm 2005 đã quy định rất rõ các quyền cơ bản của công dân. Luật HN&GD 2014 quy định nguyên tắc cơ bản của chế độ HN&GD, tại Điều 2:

3. Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con.

4. Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ



trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình [23].

Ngày 29/11/2006, Quốc hội đã thông qua Luật Bình đẳng giới, theo đó không chỉ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em được bảo vệ mà còn bảo vệ quyền lợi của nam giới. Nam giới cũng là một chủ thể trong quan hệ HN&GD trong đó có quan hệ về xác định cha, mẹ, con. Tất cả các quy định trên thể hiện sự thống nhất, đồng bộ trong việc xây dựng pháp luật.

Có thể thấy rằng, quá trình nội luật hóa pháp luật Việt Nam về HN&GD thể hiện rất rõ và mang tính sáng tạo. Trong việc xác định cha, mẹ, con các chủ thể được thể hiện quyền của mình trong một chừng mực nhất định để đảm bảo lợi ích của các chủ thể khác và lợi ích chung của xã hội. Đặc biệt, việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con theo phương pháp khoa học cũng đã được quy định một cách rõ ràng. Tuy nhiên, các quan hệ xã hội biến đổi không ngừng, luôn tồn tại khách quan và phong phú mà pháp luật chưa điều chỉnh được kịp thời, những quan hệ liên quan đến việc xác định cha, mẹ, con cũng không nằm ngoài quy luật đó. Trước tình hình đó, pháp luật về xác định cha, mẹ, con cần phải chi tiết hóa các quy định mang tính nguyên tắc trong pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các quan hệ xã hội liên quan đến xác định cha, mẹ, con, đặc biệt là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của trẻ em.

Để làm được điều đó, cần giải quyết các mục tiêu sau:

- Hoàn thiện pháp luật về xác định cha, mẹ con
- Xây dựng các văn bản hướng dẫn cụ thể về xác định cha, mẹ, con khi cha mẹ có hôn nhân hợp pháp, khi cha mẹ không có hôn nhân hợp pháp và trong trường hợp sinh con theo phương pháp khoa học.

### ***3.1.2. Pháp luật về xác định cha, mẹ, con phải kết hợp hài hòa lợi ích của các chủ thể, nâng cao ý thức và trách nhiệm của mỗi chủ thể***

Hiện nay, dưới tác động nhiều mặt của nền kinh tế thị trường cùng các

yếu tố khách quan khác từ xã hội, các mối quan hệ gia đình ngày càng trở nên độc lập hơn, các thành viên trong gia đình ít gắn gũi nhau hơn, tự do hành động theo ý chí của bản thân mà ít bị ràng buộc bởi áp lực gia đình. Tất cả những điều đó đã ảnh hưởng trực tiếp đến suy nghĩ của các chủ thể trong quan hệ HN&GD, các chủ thể trong mối quan hệ này chưa ý thức được hậu quả do mình gây ra, chưa xác định được trách nhiệm của mình đối với các hành vi đó. Do đó, tình trạng ngoại tình, sinh con ngoài giá thú, trẻ bị bỏ rơi, không được người cha hoặc người mẹ thừa nhận ngày càng gia tăng... Trong khi đó, hệ thống phúc lợi của Việt Nam chưa phát triển, khiến cho những người chịu thiệt thòi nhất vẫn là phụ nữ và trẻ em.

Vì vậy, để đảm bảo sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các chủ thể cũng như nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi chủ thể đối với gia đình và xã hội, pháp luật về xác định cha, mẹ, con cần phải quy định cụ thể, chặt chẽ và toàn diện hơn để ràng buộc trách nhiệm pháp lý của các chủ thể, buộc họ phải chịu những hậu quả khi thực hiện những hành vi lệch chuẩn của mình trong từng trường hợp nhất định. Khi ý thức trách nhiệm của mỗi chủ thể được nâng cao thì gia đình sẽ bền vững hơn, xã hội cũng ổn định hơn. Hiện nay, pháp luật về xác định cha, mẹ, con vẫn chưa quy định hậu quả pháp lý của việc xác định cha, mẹ, con mang lại. Do vậy, yêu cầu đặt ra đối với quá trình hoàn thiện pháp luật về cha, mẹ, con là:

- Xác định được rõ hậu quả pháp lý của việc xác định cha, mẹ, con.
- Quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khi tham gia vào quá trình đăng ký nhận cha, mẹ, con theo thủ tục hành chính hay xác định cha, mẹ, con theo thủ tục tố tụng.
- Xây dựng chế tài xử phạt với những chủ thể có hành vi cố ý làm trái quy định của pháp luật, trốn tránh trách nhiệm trong vấn đề xác định cha, mẹ, con.

### ***3.1.3. Pháp luật về xác định cha, mẹ con phải đặt trong tương quan với các chế định pháp lý hôn nhân và gia đình, và các chế định pháp lý có liên quan khác***

Thực tế đã cho thấy pháp luật về xác định cha, mẹ, con luôn có mối quan hệ mật thiết với những chế định khác như kết hôn, chấm dứt hôn nhân, cấp dưỡng, quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình... đồng thời cũng có mối quan hệ mật thiết với pháp luật về đăng ký hộ tịch, văn bản pháp luật tố tụng về dân sự, hình sự. Tuy nhiên, việc gắn kết mang tính thống nhất và đồng bộ giữa các chế định này chưa thực sự toàn diện và phù hợp. Các quy định trong Luật HN&GD 2014 từ các khái niệm cơ bản đến các chế định cụ thể nếu đặt trong mối tương quan với chế định về xác định cha, mẹ, con cũng chưa thực sự phù hợp để phát huy được hiệu quả áp dụng trong thực tế. Các văn bản pháp luật khác có liên quan hướng dẫn về thủ tục pháp lý cho việc xác định cha, mẹ, con như thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con cũng có nhiều quy định mang tính chung chung, khó hiểu. Điều đó dẫn đến sự áp dụng không nhất quán trong thực tế.

Do vậy, pháp luật về xác định cha, mẹ con cần phải hoàn thiện hơn nữa về nguyên tắc áp dụng, cơ sở pháp lý... Phải có văn bản pháp luật hướng dẫn kịp thời đối với những vấn đề mới phát sinh để tránh những hậu quả đáng tiếc cho đương sự, giải quyết được những khó khăn trong thực tiễn áp dụng... nhằm xác định người cha, người mẹ, người con về mặt pháp lý ngày càng tiệm cận với người cha, người mẹ, người con về mặt sinh học.

Để thực hiện được điều đó, cần thiết phải đặt ra một số mục tiêu sau:

- Hoàn thiện các chế định về kết hôn, chấm dứt hôn nhân.
- Hoàn thiện các quy định pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch, trong đó có thủ tục nhận cha, mẹ, con.
- Hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự về thủ tục giải quyết tranh chấp xác định cha, mẹ, con.

## 3.2. GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ NHẪM GIẢI QUYẾT CÓ HIỆU QUẢ CÁC TRƯỜNG HỢP XÁC ĐỊNH QUAN HỆ CHA, MẸ, CON THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

### 3.2.1. Hoàn thiện chế định xác định cha, mẹ con trong hệ thống pháp luật Việt Nam

*Thứ nhất*, pháp luật, cần có hướng dẫn thế nào được coi là "có tranh chấp" và "không có tranh chấp giữa những người có quyền và lợi ích liên quan" để xác định đúng thẩm quyền giải quyết yêu cầu xác định cha, mẹ, con được tiến hành theo thủ tục hành chính hay thủ tục tố tụng.

Quyền nhận hoặc không nhận cha, mẹ, con là quyền nhân thân chỉ gắn liền với chính người cha, người mẹ, người con mà thôi. Trong quan hệ cha con, mẹ con cần chú trọng tới ý chí của chính các chủ thể này trong mỗi quan hệ đó mà không một chủ thể nào có thể can thiệp vào. Trừ một số trường hợp đặc biệt như: đối với trường hợp nhận người chưa thành niên là con thì phải có sự đồng ý của người hiện đang là cha hoặc mẹ; đối với trường hợp cha, mẹ chưa thành niên nhận con thì phải thông qua người đang là cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên. Việc quy định "không có tranh chấp giữa những người có quyền và lợi ích liên quan" là không cần thiết, cần sửa đổi theo hướng là bỏ quy định này.

Điều này sẽ giúp cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vụ việc xác định cha, mẹ, con nhanh chóng và mang lại hiệu quả cao hơn.

*Thứ hai*, pháp luật cần xác định cụ thể thời điểm bắt đầu tính thời kỳ hôn nhân trong một số trường hợp đặc biệt. Trong luận án tiến sĩ của mình, tác giả Nguyễn Thị Lan cho rằng:

*“Đối với trường hợp kết hôn trái pháp luật mà không máy móc xử hủy, thì thời kỳ hôn nhân được xác định bắt đầu từ thời điểm hai bên không còn vi phạm điều kiện kết hôn nữa. Việc xác định thời điểm này có thể do Tòa án xác định ngay trong quyết định của Tòa án, sau đó đương sự có thể yêu cầu UBND chỉnh sửa lại thời điểm bắt đầu*

*thời kỳ hôn nhân cho phù hợp. Trong trường hợp nam nữ chung sống như vợ chồng được coi là có giá trị pháp lý khi họ đăng ký kết hôn, thời gian tính quan hệ vợ chồng được xác định là thời điểm bắt đầu chung sống. Do vậy, con sinh ra trong quan hệ này, dù sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn thì có thể coi như một trường hợp ngoại lệ, không cần có sự thừa nhận của cha, mẹ mà đương nhiên là con chung của vợ chồng khi họ xuất trình giấy chứng nhận kết hôn. Việc xác định thời kỳ hôn nhân ở trường hợp này được tính từ thời điểm bắt đầu chung sống thực sự trong quan hệ vợ chồng. Con sinh ra trong khoảng thời gian này phải xác định đương nhiên là con trong giá thú” [12].*

Tác giả luận văn đồng tình với quan điểm này. Việc xác định như vậy đảm bảo cho đứa trẻ sinh ra trong thời gian hợp lệ sẽ luôn được xác định là con chung của vợ chồng và là con trong giá thú.

Trường hợp nam nữ chung sống như vợ chồng thì thời kỳ hôn nhân sẽ được tính từ thời điểm bắt đầu chung sống thực sự trong quan hệ vợ chồng. Đây là thời điểm để áp dụng nguyên tắc suy đoán pháp lý xác định con chung của vợ chồng. Hay trường hợp con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận; con được thụ thai trước ngày đăng ký kết hôn và sinh ra trong thời kỳ hôn nhân; con được thụ thai trong thời kỳ hôn nhân và sinh ra sau khi hôn nhân chấm dứt một thời hạn luật định,... Qua các trường hợp trên, đòi hỏi pháp luật cần dự liệu và đưa ra các quy định hướng dẫn thi hành cụ thể đối với từng trường hợp.

*Thứ ba*, bổ sung quyền yêu cầu xác định cha, mẹ, con đối với một số chủ thể đặc biệt:

Quyền yêu cầu xác định con cho người cha, người mẹ chưa thành niên thông qua cha mẹ, người giám hộ của người chưa thành niên hoặc Hội liên hiệp phụ nữ cấp xã. Như đã phân tích ở phần 2.2, quyền yêu cầu xác định cha, mẹ, con trước tiên phải thuộc về chính những chủ thể trong mối quan hệ đó, tuy

nhiên, người chưa thành niên chưa có đủ năng lực hành vi dân sự để tự mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự trong đó có quan hệ xác định cha, mẹ, con. Vì vậy, để đảm bảo quyền làm cha, làm mẹ của họ, pháp luật cần bổ sung quyền yêu cầu xác định cha, mẹ, con trong trường hợp này.

Quyền yêu cầu của người đã thành niên xác định một người hiện đang là cha, là mẹ không phải là cha, là mẹ của mình. Luật HN&GD năm 2014 quy định: một người hiện đang là cha, là mẹ của một người có quyền yêu cầu xác định người đó không phải là con mình, nhưng lại không quy định một người hiện đang là con của một người có quyền xác định người đó không phải là cha, là mẹ của mình. Trong khi đó BLDS 2005 lại có quy định “Người được nhận là cha, mẹ hoặc là con của người khác có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định mình không phải là con của người đó”. Đây là quy định thiếu đồng bộ và thống nhất trong hệ thống pháp luật, do đó, cần bổ sung thêm trường hợp này.

Quyền yêu cầu của vợ, chồng xác định người chồng không phải là cha của thai nhi mà người vợ đang mang. Khi chưa được sinh ra, thai nhi chưa được xác định tư cách là một chủ thể trong quan hệ xác định cha, mẹ, con. Nhưng nguyên tắc suy đoán xác định cha, mẹ, con lại được hình thành từ những sự kiện thực tế như thời gian mang thai, thời kỳ hôn nhân trong những khoảng thời gian nhất định. Điều này có ý nghĩa trong việc áp dụng điều kiện hạn chế lý hôn và giải quyết hậu quả pháp lý đối với con khi vợ chồng ly hôn nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể. Đối với trường hợp này, chỉ nên xác định quan hệ cha con với thai nhi đang nằm trong bụng mẹ khi người cha, người mẹ có chứng cứ rõ ràng người mẹ đã có thai với người khác như người chồng bị vô sinh, hoặc người chồng chứng minh được việc hai vợ chồng không có quan hệ tính giao trong thời gian có khả năng vợ thụ thai ... Việc xác định quan hệ cha con trong trường hợp này cũng xuất phát từ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể, gián tiếp bảo vệ sự phát triển bình thường của đứa trẻ trong tương lai. Đây cũng là sự cụ thể hóa nguyên tắc bảo vệ bà mẹ, trẻ em cũng như

đảm bảo sự bình đẳng giới, đồng thời việc xác định quan hệ cha con trong trường hợp này còn đảm bảo quyền lợi của các chủ thể có liên quan trong các quan hệ thừa kế, cấp dưỡng...

*Thứ tư*, đối với nguyên tắc xác định cha, mẹ, con ngoài giá thú pháp luật cần quy định cụ thể những căn cứ pháp lý trong trường hợp này. Trên cơ sở y học, thời kỳ có khả năng thụ thai của người phụ nữ được xác định trong khoảng từ 180 ngày đến 300 ngày trước ngày sinh con. Theo đó, nếu người đàn ông nào có quan hệ sinh lý với mẹ đứa trẻ đúng vào thời kỳ có khả năng thụ thai của mẹ đứa trẻ thì người đàn ông đó sẽ được suy đoán là cha của đứa trẻ ngoài giá thú. Bên cạnh đó, pháp luật cần bổ sung quy định về chứng cứ để chứng minh quan hệ cha, mẹ, con, làm cơ sở pháp lý để giải quyết các vụ khởi kiện về xác định cha, mẹ, con sao cho phù hợp với tình hình thực tiễn của xã hội ngày nay.

Chứng cứ ở đây không chỉ dựa vào lời khai hay sự thỏa thuận của các đương sự mà việc xác nhận quan hệ huyết thống còn phải thông qua một kết luận khoa học như kết luận y khoa, kết luận giám định gen. Vì vậy, kể cả trong trường hợp mở rộng thẩm quyền của Ủy ban đối với vấn đề cải chính về hộ tịch, pháp luật nên có quy định người đưa ra yêu cầu phải có chứng cứ khoa học về quan hệ huyết thống để xác định cha, mẹ, con trong trường hợp này để đảm bảo tính chất pháp lý của quan hệ xác định cha, mẹ, con và đề cao nghĩa vụ chứng minh không chỉ trong thủ tục tư pháp mà còn ở cả thủ tục hành chính.

*Thứ năm*, ngày 20/11/2014, Quốc hội đã thông qua Luật Hộ tịch và sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2016, nội dung đăng ký hộ tịch nhận cha, mẹ, con được quy định tại mục 4, chương II với vẻn vẹn hai điều Luật, quy định khá sơ sài, không đảm bảo thi hành trên thực tế. Người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con phải nộp "*chứng cứ chứng minh quan hệ cha con hoặc mẹ con cho cơ quan đăng ký hộ tịch*", chứng cứ ở đây là những loại gì, có đáp ứng được các thuộc tính của chứng cứ là tính khách quan, liên quan và tính hợp pháp? Đến nay các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa ban hành nghị định và thông tư hướng dẫn thực hiện điều này. Do đó, đề quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, phục vụ

yêu cầu của công dân, Chính phủ và các bộ ngành liên quan cần sớm nghiên cứu và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành về vấn đề xác định cha, mẹ, con, tạo hành lang pháp lý cho các cán bộ tư pháp - hộ tịch và cán bộ ngành tòa án trong thi hành công vụ.

### ***3.2.2. Hoàn thiện thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con***

Yêu cầu của việc hoàn thiện thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con là làm cho thủ tục hành chính này trở nên gọn nhẹ, dễ tiếp cận, dễ thực hiện, bảo vệ lợi ích chính đáng cho người dân, đồng thời bảo đảm cơ sở pháp lý chặt chẽ.

Để việc đăng ký nhận cha, mẹ, con có cơ sở pháp lý chặt chẽ thì cần phải có quy định về Chứng cứ chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Chứng cứ ở đây nên quy định là kết luận y khoa, kết quả giám định AND của cơ quan y tế hoặc cơ quan giám định có thẩm quyền xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con về mặt sinh học. Danh sách các cơ quan có thẩm quyền xác nhận huyết thống về mặt sinh học phải được Chính phủ thông qua. Quy định như vậy không những đảm bảo cho việc đăng ký nhận cha, mẹ, con có cơ sở khoa học mà còn giúp các cơ quan tiến hành tố tụng có căn cứ để thụ lý vụ án xác định cha, mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp.

Đối với những trường hợp con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn, con đã được đăng ký khai sinh theo diện con ngoài giá thú, sau được cha mẹ thừa nhận thì không phải làm thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con mà làm thủ tục bổ sung hộ tịch để ghi bổ sung thông tin về người cha trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh của người con. Trường hợp con do người vợ sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn, chưa được đăng ký khai sinh mà khi đăng ký khai sinh, vợ chồng có văn bản thừa nhận là con chung thì thông tin về người cha được ghi ngay vào Giấy khai sinh của người con mà không phải làm thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con. Nếu quy định như vậy sẽ giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm được một thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân và đảm bảo quyền của trẻ em.

### ***3.2.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ tòa án, cán bộ làm công tác tư pháp -***



### ***hộ tịch đáp ứng yêu cầu của công việc trong thời kỳ hội nhập***

*Thứ nhất*, ngành Tư pháp cần đổi mới cơ chế thu hút, tuyển chọn những người có tâm huyết, đủ đức, đủ tài vào làm việc tại cơ quan tư pháp. Chỉ đạo các địa phương bổ sung biên chế, bố trí cán bộ tư pháp - hộ tịch, cán bộ tòa án có năng lực đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công việc. Rà soát, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ hộ tịch, kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch ở cấp huyện, cấp xã và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đáp ứng các tiêu chuẩn của công tác.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, các quy định về tiêu chuẩn công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã như có trình độ trung cấp luật trở lên, phải được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch, bổ sung quy định phải có trình độ tin học phù hợp theo yêu cầu công việc và được thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ trong suốt quá trình thực thi nhiệm vụ... phải được luật hóa. Cần phải có quy định cụ thể trách nhiệm, chế tài xử lý đối với công chức tư pháp - hộ tịch có sai phạm; quy định trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, huyện, xã trong việc bố trí công chức tư pháp - hộ tịch không đúng yêu cầu hoặc để xảy ra sai phạm trên địa bàn do buông lỏng quản lý. Việc kiện toàn tổ chức, cán bộ và nâng cấp cơ sở vật chất của tư pháp các cấp cần được triển khai đồng bộ, khẩn trương để đảm bảo tính thông suốt, thống nhất và hiệu quả của cả hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch.

Để đảm bảo ổn định và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ tư pháp - hộ tịch thì nên tách riêng công tác hộ tịch khỏi công tác tư pháp khác, theo hướng chuyên nghiệp hóa chức danh Hộ tịch viên để bảo đảm nâng cao chất lượng và trách nhiệm đăng ký hộ tịch, đáp ứng được mô hình đăng ký hộ tịch ở cấp xã. Cán bộ tư pháp - hộ tịch cần được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ hộ tịch như các chức danh hộ tịch khác như Công chứng viên, Đấu giá viên, Trợ giúp viên pháp lý...

*Thứ hai*, chú trọng công tác tuyển dụng cán bộ, từng bước bố trí, sắp xếp để tiến tới 100% công chức tư pháp - hộ tịch đạt chuẩn, có trình độ Đại học. Nội

dung thi tuyển ngoài hiểu biết pháp luật nói chung, cần coi trọng kiểm tra, sát hạch về kỹ năng xử lý tình huống. Mặc dù hướng đến tin học hóa quản lý hồ tịch nhưng cũng cần xem xét chữ viết đẹp, rõ ràng cũng là một trong những tiêu chuẩn của người dự tuyển. Việc tuyển dụng phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, khách quan, công khai, khuyến khích nhưng cần đảm bảo cạnh tranh lành mạnh.

*Thứ ba*, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nói chung và đội ngũ Thẩm phán nói riêng ngành TAND cần được triển khai đồng bộ với công tác xây dựng đội ngũ cán bộ của các cơ quan tư pháp và các cơ quan hữu quan khác trên cơ sở chương trình, kế hoạch bảo đảm tính khả thi, phù hợp với yêu cầu thực tế của ngành và của địa phương. Trong đó xác định rõ mục tiêu, yêu cầu và các nội dung cần thực hiện, theo lộ trình, bước đi thích hợp, có trọng tâm, trọng điểm và trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân; có chính sách đồng bộ khuyến khích, động viên và đề cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật lao động, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức nói chung và đội ngũ Thẩm phán nói riêng ngành TAND. Đổi mới và xây dựng hệ thống chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, Thẩm phán; Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, kịp thời khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích tốt. Để làm tốt công tác xét xử, cần tổ chức các buổi tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân các cấp trong hoạt động xét xử các vụ án HN&GD, đặc biệt là những vụ án có tranh chấp về xác định cha, mẹ, con.

#### **3.2.4. Giải pháp khác**

*Thứ nhất*, cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nói chung, pháp luật về HN&GD, chế định xác định cha, mẹ, con nói riêng cho người dân. Các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cần phong phú, đa dạng và thiết thực với người dân hơn như: Tuyên truyền miệng; biên soạn tài liệu phổ thông dưới dạng hỏi đáp pháp luật, tình huống pháp luật; đưa pháp luật vào giảng dạy trong trường học; tuyên truyền pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng câu lạc bộ pháp luật; tủ sách pháp luật xã,

phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, trường học; thi tìm hiểu pháp luật; tuyên truyền pháp luật thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở, thông qua tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, thông qua các phiên tòa xét xử công khai, lưu động... Thông qua việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật người dân biết và hiểu quy định của pháp luật, để từ đó thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình cũng như tự bảo vệ mình trong các giao dịch dân sự.

*Thứ hai*, cần có sự phối hợp giữa UBND xã với cơ sở y tế trong việc thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em, tránh trường hợp giấy chứng sinh bị giả mạo hoặc có những thông tin sai lệch về nhân thân của các chủ thể thì các cơ sở y tế cần thực hiện chặt chẽ vấn đề này. Đồng thời, nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp của các cán bộ y tế, tạo cơ sở cho UBND xã đăng ký khai sinh cho trẻ một cách chính xác.

*Thứ ba*, có chế độ, chính sách tiền lương phù hợp dành cho cán bộ làm công tác tư pháp. Đối với những cán bộ đạt được thành tích xuất sắc trong công việc cần khen thưởng kịp thời để khích lệ tinh thần. Đồng thời có những biện pháp xử lý nghiêm minh những cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật.

## KẾT LUẬN

Qua việc nghiên cứu và phân tích các quy định pháp luật về xác định quan hệ cha, mẹ, con, đề tài luận văn đã rút ra được những kết luận sau:

1. Gia đình có vai trò to lớn mang tính đặc thù trong việc duy trì nòi giống và là môi trường nuôi dưỡng nhân cách của con người. Không một thiết chế xã hội nào có thể thay thế được. Gia đình chính là hạt nhân của xã hội, gia đình có hạnh phúc vững bền thì xã hội mới phát triển. Vì vậy, Nhà nước cần tạo ra hành lang pháp lý điều chỉnh các vấn đề liên quan tới gia đình nói chung và chế định xác định cha, mẹ, con nói riêng.

2. Xác định cha, mẹ, con là một quyền nhân thân gắn liền với mỗi chủ thể không thể chuyển giao cho người khác. Xác định cha, mẹ, con luôn bị chi phối bởi phong tục, tập quán, truyền thống, tình cảm và đạo đức xã hội. Một thuộc tính không thể tách rời trong việc xác định cha, mẹ, con là tính huyết hệ tự nhiên, liên quan không chỉ đến mỗi cá nhân, mà còn ảnh hưởng tới lợi ích, đến danh dự của cả một dòng họ. Việc xác định cha, mẹ, con với mục đích nhận diện một người cha, người mẹ, người con trong quan hệ huyết thống trực hệ, luôn được điều chỉnh bằng pháp luật. Đảm bảo một trật tự pháp lý trong việc xác định cha, mẹ, con cũng như đảm bảo sự dung hòa giữa lợi ích cá nhân, lợi ích chung của gia đình và xã hội.

3. Pháp luật về xác định cha, mẹ, con ngày càng phát triển và hoàn thiện hơn, điều chỉnh kịp thời những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn về xác định cha, mẹ, con. Pháp luật về xác định cha, mẹ, con đã xây dựng một cách tương đối hoàn thiện nguyên tắc suy đoán pháp lý xác định cha, mẹ, con trong hôn nhân hợp pháp. Đây là cơ sở pháp lý đảm bảo sự ổn định quan hệ cha, mẹ và con, đồng thời, bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể, đặc biệt là những quyền cơ bản của trẻ em.

Xác định cha, mẹ, con được quy định tại Mục 2 Chương V của Luật HN&GD năm 2014, với các nội dung về căn cứ, nguyên tắc cũng như trình tự

thủ tục xác định cha, mẹ, con trong các trường hợp xác định cha, mẹ, con trong quan hệ hôn nhân hợp pháp; Xác định cha, mẹ, con khi cha mẹ không có hôn nhân hợp pháp và xác định cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Những quy định pháp luật này thể hiện sự phù hợp cả về mặt lý luận và thực tiễn. Những quy định đó vừa nói lên bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa, đồng thời đảm bảo được quyền lợi của mỗi gia đình, đặc biệt là quyền phụ nữ và trẻ em.

3. Tuy nhiên, xác định cha, mẹ, con cũng là vấn đề khá phức tạp, nó gây nhiều tranh cãi. Bởi nhiều quy định còn chưa thực sự rõ ràng, đầy đủ gây lúng túng cho các cơ quan chức năng trong quá trình giải quyết các tranh chấp. Đặc biệt, trong điều kiện kinh tế- xã hội hiện nay, để đảm bảo ngày càng đi đến sự tiệm cận giữa người cha, người mẹ, người con về mặt sinh học và về mặt pháp lý, thì nguyên tắc suy đoán pháp lý xác định cha, mẹ, con cần phải được hướng dẫn cụ thể hơn nữa. Từ thực tế đó dẫn đến việc uân thủ và chấp hành pháp luật của người dân khi yêu cầu xác định cha, mẹ, con.

4. Trên cơ sở những quy định pháp luật, đề tài luận văn đã đi sâu, tập trung nghiên cứu về thực trạng thực thi pháp luật về xác định quan hệ cha, mẹ con trên địa bàn thành phố Hà Nội và thấy rằng, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, số vụ việc liên quan đến HN&GD ngày càng tăng, trong đó có vấn đề xác định quan hệ cha mẹ con. Tuy nhiên, trong thực tiễn, công tác thi hành việc xác định cha, mẹ con đã nảy sinh một số vấn đề mới vô cùng phức tạp. Đối với thủ tục hành chính, theo quy định của pháp luật hiện hành thì việc thay đổi quan hệ huyết thống trở nên quá dễ dàng đơn giản. Thực tế dễ thấy là nhiều trường hợp chỉ cần có sự thỏa thuận của các bên đương sự một cách tự nguyện và không có tranh chấp thì UBND cơ sở sẽ làm thủ tục nhận, cha, mẹ con cho họ. Các số liệu thực tế đã cho thấy số lượng các việc đăng ký nhận cha, mẹ, con theo thủ tục hành chính đã tăng lên rất nhiều qua những năm quan. Nếu so với các số vụ án xác định cha, mẹ con được tiến hành ở Tòa án, thì việc tự nguyện nhận cha, mẹ con là khá cao. Điều này xuất phát từ sự thay đổi của các điều kiện

kinh tế xã hội tác động mạnh mẽ đến việc xác định cha, mẹ, con nói riêng và quan hệ HN&GD nói chung. Mặt khác, ý thức trách nhiệm làm cha mẹ cũng được cải thiện đáng kể. Điều đó đảm bảo quyền và lợi ích của các chủ thể, đặc biệt là quyền trẻ em. Bên cạnh đó, thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ con đã được giảm thời hạn giải quyết, giảm thiểu số giấy tờ cần phải nộp trong hồ sơ, góp phần vào việc thúc đẩy số lượng việc đăng ký nhận cha, mẹ, con tại UBND cấp xã tăng cao trong những năm gần đây.

5. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác thực thi pháp luật về xác định cha, mẹ, con trên địa bàn thành phố Hà Nội vẫn còn những hạn chế nhất định, điều này xuất phát từ cả những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Và thực trạng này không chỉ diễn ra ở địa bàn thành phố Hà Nội mà còn ở hầu hết các địa phương trong cả nước, đòi hỏi trước hết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về xác định cha, mẹ, con.

Để khắc phục tình trạng trên, pháp luật cần xây dựng được một hệ thống giải pháp đồng bộ, có sự gắn kết mật thiết chặt chẽ với nhau tạo nên một cơ chế pháp lý thống nhất, toàn diện, Qua đó giúp các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xác định mối quan hệ cha, mẹ, con đạt tới độ chính xác cao, đảm bảo cho việc giải quyết các tranh chấp phát sinh được nhanh chóng, chính xác, công minh và đúng pháp luật. Từ đó góp phần làm ổn định các mối quan hệ khác trong gia đình, đảm bảo các điều khoản trong luật có nội dung tương thích với pháp luật quốc tế, đảm bảo yêu cầu hội nhập của Việt Nam.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Hoàng Việt Trung Kỳ hộ luật (1936).
2. Bộ dân luật Bắc Kỳ (1931).
3. Bộ dân luật Sài Gòn (1972).
4. Chính phủ (1950), *Sắc lệnh số 97/SL ngày 22/5/1950 của Chủ tịch Nước về sửa đổi một số quy lệ và chế định trong dân luật cũ và thay thế bằng những nguyên tắc mới.*
5. Chính phủ (2005), *Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 về đăng ký và quản lý hộ tịch,* Hà Nội.
6. Chính phủ (2012), *Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch hôn nhân và gia đình và chứng thực,* Hà Nội.
7. Chính phủ (2014), *Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình,* Hà Nội.
8. Nguyễn Văn Cừ (1999), "Một số suy nghĩ về nguyên tắc xác định cha, mẹ và con trong giá thú theo pháp luật Việt Nam", *Luật học*, (01), tr 7-15.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Familienrecht (2011), "Tổng quan về Luật gia đình Cộng hòa Liên bang Đức", *Luật học*, (Đặc san: Tìm hiểu hệ thống pháp luật Cộng hòa Liên bang Đức).
11. Ngô Công Hoàn (1993), *Tâm lý học gia đình,* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
12. Nguyễn Thị Lan (2008), *Xác định cha, mẹ, con trong pháp luật Việt Nam,* Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
13. Liên hợp quốc (1989), *Công ước quốc tế về quyền trẻ em.*
14. C.Mác - Ph.Ăngghen (1984), *Tuyển tập,* Tập 61, Nxb Sự thật, Hà Nội.

15. Quốc hội (1959), *Luật Hôn nhân và gia đình*, Hà Nội.
16. Quốc hội (1986), *Luật Hôn nhân và gia đình*, Hà Nội.
17. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
18. Quốc hội (2000), *Luật Hôn nhân và gia đình*, Hà Nội.
19. Quốc hội (2000), *Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình*, Hà Nội.
20. Quốc hội (2005), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
21. Quốc hội (2006), *Luật Bình đẳng giới*, Hà Nội.
22. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
23. Quốc hội (2014), *Luật Hôn nhân và gia đình*, Hà Nội.
24. Quốc hội (2014), *Luật Hộ tịch*, Hà Nội.
25. Sở Tư pháp Hà Nội (2012), *Báo cáo số 156/BC-STP ngày 27/02/2012 về tổng kết 25 năm công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Hà Nội.
26. Sở Tư pháp Hà Nội (2012-2014), *Báo cáo tổng kết công tác tư pháp các năm 2012, 2013, 2014*, Hà Nội.
27. Nguyễn Q. Thắng (2002), *Lược Khảo Hoàng Việt Luật Lệ (Tìm Hiểu Luật Gia Long)*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
28. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2009 - 2014), *Báo cáo tổng kết công tác xét xử các năm từ năm 2009 đến năm 2014*, Hà Nội.
29. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2013), *Báo cáo kết quả công tác năm 2013, nhiệm vụ công tác năm 2014*, Hà Nội.
30. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2014), *Báo cáo kết quả công tác năm 2014, nhiệm vụ công tác năm 2015*, Hà Nội.
31. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
32. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2015), "Thông tin về kết quả phiên họp tập thể Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tháng 2/2015", <http://www.dost.hanoi.gov.vn>, ngày 8/3/2015.
33. Viện Khoa học pháp lý (2004), *Bình luận khoa học Luật hôn nhân và gia*



*đình Việt Nam năm 2000*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

34. Viện Ngôn ngữ học (2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
35. Viện Sử học Việt Nam (1991), *Bộ luật Hồng Đức*, Nxb pháp lý, Hà Nội.
36. Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
37. Việt Nam Cộng hòa (1959), *Luật gia đình*, Sài Gòn.
38. Việt Nam Cộng hòa (1964), *Sắc luật số 15/64 ngày 23/4/1964 quy định về giá thú, tử hệ và tài sản cộng đồng*, Sài Gòn.
39. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

### **Tiếng Anh**

40. The children and Parents code (foraldrabalken).
41. Palandt, BGB Kommentar, 69. Auflage, § 1600, Rn.6.